

## F O R U M



NGUYỄN THỊ KIM THÁI

Chân dung (sơn mài, 1977)

Tam giác quan hệ quốc tế

### Khi ba ngọn cờ giương cao...

Nguyễn Ngọc Giao

Ra Giêng Ất Hợi (đầu tháng 2-1995), ba lá cờ giương cao đã đánh dấu cảnh quan quốc tế của nền ngoại giao Việt Nam.

Thứ nhất là lá cờ đỏ sao vàng, quốc kỳ của nước Việt Nam thống nhất, lần đầu tiên chính thức xuất hiện tại thủ đô liên bang Washington, DC, ngày 1.2.1995 (mùng hai Tết), trước cửa trụ sở Văn phòng liên lạc của Việt Nam tại Hoa Kỳ. Lá cờ thứ hai, sao và sọc, được giương lên ngày 9.2 ở khu Giảng Võ (Hà Nội), trước toà nhà 9 tầng mới xây, trụ sở của Văn phòng liên lạc Mỹ tại Việt Nam. Lá cờ Mỹ tái hiện ở Hà Nội sau 41 năm : lần trước, nó được treo ở lãnh sự quán Mỹ đặt trong vùng do quân đội viễn chinh Pháp chiếm đóng. Lá cờ Việt Nam, phải đứng 50 năm chẵn mới đi từ Quảng trường Ba Đình mùa thu 1945 tới Washington DC mùa xuân 1995 (từ năm 1977, quốc kỳ Việt Nam đã treo cao ở bán đảo Manhattan, nhưng chỉ ở trụ sở Liên Hiệp Quốc).

Ngược dòng lịch đại, sử sách ghi rằng năm 1873, ông Bùi Viện sang Mỹ vận động bang giao, gặp tổng thống A. Lincoln, nhưng lại không mang theo quốc thư. Lần sau trở lại Washington với đầy đủ thư tín, thì Lincoln vừa bị ám sát, tướng Grant lên thay, bận cầm quân dẹp nội chiến. Mấy chục năm trước, vào tháng một âm lịch năm Nhâm Thìn (1832), sử ghi “ quốc trưởng nước Nhã Lý (tức Hoa Kỳ) sai hai người là Nghĩ Đức Môn, La Bách Đại (?) đem quốc thư đến xin thông thương với nước ta. Triều đình cử Nguyễn Tri Phương ra tiếp. Lại sai dịch thư, rồi truyền cho nha Thương bạc trả lời họ. Đại ý muốn xin thông thương với nước ta thì phải tuân theo pháp luật đã định, phải đậu thuyền buôn tại Vũng Trà Sơn, thuộc Tấn sở Đà Nẵng và không được lên bờ làm nhà...”

Lịch sử bang giao Việt-Mỹ, về một ý nghĩa nào đó, quả là một chuỗi dài những cơ hội lỡ làng. 1832, 1873, 1945, (xem tiếp trang 9)

### mục lục

2 Bàn đọc và Diễn Đàn

#### thời sự & những vấn đề

- |                                    |                  |
|------------------------------------|------------------|
| 1 Quan hệ quốc tế : Ba lá cờ...    | Nguyễn Ngọc Giao |
| 4 Tin tức                          |                  |
| 10 Phát triển trong ổn định        | Bùi Mộng Hùng    |
| 14 Thông tin và phát triển kinh tế | Vũ Quang Việt    |
| 20 Tự giải phóng khỏi sự sợ hãi    | Aung San Suu Kyi |

#### văn hoá & nghệ thuật & khoa học

- |  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| 22 Tưởng niệm Phùng Quán                         | Hải Vân, Thu Bồn,<br>Phạm Quế Dương |
| 23 Hoa ban bên Hồ Tây (thơ)                      | Trần Lê Văn                         |
| 24 Tưởng nhớ Gs. Trần Đình Hượu                  | Nguyễn Thắng                        |
| 25 Ông quan liêu, ông quan...                    | Trần Đình Hượu                      |
| 29 Một quãng đời và cả cuộc đời<br>(truyện ngắn) | Phạm Duy Tường                      |

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de mars 1995

EXPOSITION DE PEINTURES :

**Mai Hiên & Anh Khanh**

du 11 au 31 mars (vernissage : 11 mars, à 18h)

EXPOSITION DE PHOTOS :

**Duong Manh Tri**

du 4 au 31 mars (vernissage : 11 mars, à 18h)

RÉCITAL :

**Phú Quang & Lê Thu**

Đoàn ca múa nhạc trung ương Sông Hồng  
(dimanche 12 mars, à 16 h, Salle de Cinéma de  
l'UNESCO, 7 place de Fontenoy, Paris 7<sup>e</sup>)

THÉÂTRE :

**Elisabeth Mérilleau**, avec sa troupe, présente

**Le Cuvier** (samedi 18 mars, à 18 h 30)

RENCONTRE POÉTIQUE :

**Claude Micoski** présente **Armand Monjo** :

**Le rêve dans la réalité** (dimanche 19 mars, à 16 h)

CONFÉRENCE :

*Une tentative d'interprétation de certains résultats de la  
magnéto-thérapie*, par **M. Phạm Đồng**, physicien  
(dimanche 26 mars, à 16 h)

# Bạn đọc

# & diễn đàn

## Ấn kiếm đó là của nước ta

Vừa qua tôi có đến siêu thị *Le bon marché* Rive Gauche (Paris) xem cuộc triển lãm *Le Vietnam des Royaumes* và cuộc triển lãm bán hàng mỹ nghệ Việt Nam và sản phẩm của 5 nhà *tao dáng* (designers) gốc Việt Nam.

Hàng mỹ nghệ được chọn lựa phù hợp với khẩu vị Âu Tây nên bán rất chạy. Sáng tạo của Christian Đức, Quasar Khanh, Tan Giudicelli, Jean Đình Văn và Pierre Lê Tân độc đáo và đa dạng, tất nhiên không phải trong tầm của mọi túi tiền. Một cái quần và một cái yếm (xem lại nhớ cái yếm... của Đặng Tiến, trong *Diễn Đàn* số 38) do Tan Giudicelli vẽ kiểu dễ giá... 700 F !

Đây tôi muốn viết về cuộc triển lãm *Vietnam des Royaumes* ở tầng hầm, rất tiếc *Diễn Đàn* không thông báo trước để bà con đi xem. Tuy không nhiều, nhưng đó là những bộ sưu tập quý giá : những hiện vật của nền văn hoá trống đồng Đông Sơn, điêu khắc Chăm, đồ gốm Lý, Trần, Lê, Nguyễn... Giá trị không kém là bộ hình màu ghi lại các khía cạnh đời sống hồi đầu thế kỷ của Léon Busy (sưu tập thuộc Viện bảo tàng Albert Kahn), đương thời với tập tranh khắc gỗ do ông Ogier đặt làm và xuất bản (nếu tôi không lầm, cuốn *Mémoire du Fleuve Rouge* của các ông Nguyễn Dư và Vũ Văn Huân sắp xuất bản, có quảng cáo trong số 38, cũng sử dụng bộ tranh này) và bộ hình Hội An của nhiếp ảnh viên hai tạp chí *Elle* và *Marie-Claire*.

Vấn đề tôi muốn nêu lên là cái ấn và cái kiếm mà hoàng đế Bảo Đại đã trao tay ông Trần Huy Liệu, đại diện chính quyền cách mạng, ngày 25.8.1945 tại Huế. Trong tủ kính triển lãm *Au bon marché*, có trưng bày cái kiếm vỏ vàng, nói là của Bảo Đại, do hoàng tử Bảo Long cho mượn. Tìm hiểu sơ vụ này, tôi nghe nói là năm 1946, khi toàn quốc kháng chiến, chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà, đã chôn giấu ấn và kiếm ở vùng Hà Nội, đến năm 1954 tiếp quản thủ đô thì không tìm ra nữa. Trước đó, năm 1949, quân Pháp đã trao cho cựu hoàng Bảo Đại (khi đó làm quốc trưởng của chế độ "Quốc gia Việt Nam") ấn và kiếm nói là đào được ở Hà Nội. Sau đó, bà Nam Phương mang các bảo vật này sang Pháp, khi bà mất thì hoàng tử Bảo Long giữ. Cách đây vài năm, có tin cựu hoàng và hoàng tử tranh chấp trước toà, cuối cùng đi tới thoả thuận là ông Bảo Đại giữ ấn, ông Bảo Long giữ kiếm. Điều này giải thích tại sao ở *Au bon marché*, chỉ thấy triển lãm kiếm mà không có ấn.

Tôi không bàn đến cuộc tranh chấp có tính cách riêng tư

## DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,  
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,  
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,  
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,  
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn.

Hải Vân, Hoà Vân

Obtain your college degree now!

REGISTER NOW AT SOUTHERN CALIFORNIA  
UNIVERSITY FOR PROFESSIONAL STUDIES AND  
YOU CAN BE ON YOUR WAY TO RECEIVE A  
ASSOCIATE'S, BACHELOR'S, MASTER'S, OR EVEN  
A PH.D. DEGREE

SCHOLARSHIP AVAILABLE FOR VIETNAMESE WORKING PEOPLE  
TO COVER UP TO 40% OF YOUR TUITION FEES.  
WE EVEN RECOGNIZE PRIOR LEARNING EXPERIENCES AND DEGREES FROM  
VIETNAM

Some benefits of attending  
SCU:

- Learn from the convenience of your own home, and no need to attend classes on a weekly basis as other schools
- Most degrees completed between 12 to 24 months.
- Convert prior life experiences, such as training and work experience into college credit.
- Choose from a variety of fields, such as Business Administration, Marketing, International Business, or Law. (J.D. Bar and Non-Bar).



For more information, please contact:

Southern California University for Professional Studies  
International Program  
P.O. Box 5171 University Station  
Irvine, CA 92716

Tel: (714) 542-3796 (Vietnamese) Fax: (714) 542-0396

SCU was founded in 1978 and is fully approved by the State of California.  
Campus located at 1840 E. 16th Street, Santa Ana, CA

giữa cựu hoàng và con trai lớn. Điều tôi muốn nêu lên là : ấn kiếm không phải là tư hữu của hoàng gia, mà là bảo vật thuộc quyền sở hữu của quốc gia Việt Nam từ 50 năm nay. Chỗ của chúng là Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam.

Không biết đại sứ quán Việt Nam tại Pháp có theo dõi cuộc triển lãm này không ? Chắc là có, vì cuốn sưu tập *Le Vietnam des Royaumes* do Cercle d'Or xuất bản trong dịp này, đã trân trọng cảm ơn đại sứ Trịnh Ngọc Thái trước khi kể tên hoàng tử Bảo Long (trang 6). Chúng ta mong rằng Nhà nước sẽ tiến hành những thủ tục cần thiết để thu hồi hai bảo vật lịch sử này.

H.V.T. (Paris, Pháp)

Chúng tôi cảm ơn ông và đồng ý với yêu cầu của ông. Thu hồi hai di vật lịch sử này là một hành động văn hoá mà Nhà nước Việt Nam nên làm, thay vì mất thời giờ ca cẩm chuyện huân chương mà ông Jacques Toubon trao tặng nhà văn Dương Thu Hương.

Vì được tin chậm trễ nên chúng tôi rất tiếc không kịp giới thiệu cuộc triển lãm này. Để bù lại, xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuộc triển lãm

## MONTAGNARDS DES PAYS D'INDOCHINE

tại Centre Culturel, 22 rue Belle-Feuille,  
BOULOGNE-BILLANCOURT (đóng cửa chủ nhật)  
từ ngày 15.2 đến ngày 13.5.1995 (từ 9 đến 21g).

Đây là những bộ sưu tập quý báu của Viện bảo tàng nhân học Paris (Musée de l'Homme) về các dân tộc miền núi, chủ yếu là Việt Nam và Lào, do các đoàn điền dã Cuisinier-Delmas, P. Rivet, G. Condominas, J. Dournes, B. Dupaigne... thu thập. Trình bày mỹ thuật, hấp dẫn, tránh được bệnh giải thích bác học.

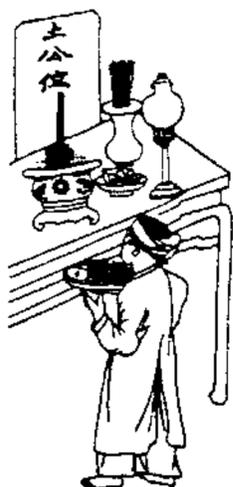
Nhân dịp này, thị xã Boulogne-Billancourt và nhà xuất bản Sépia phát hành tập ảnh giới thiệu, rất đáng mua.

### Tin buồn

Chúng tôi được tin anh Nguyễn Văn Tuyên đã từ trần ngày 27.1.1995 tại Paris. Lễ viếng đã tổ chức ngày 4.2.1995 tại Mont-Valérien trong khi chờ đợi lễ tang sẽ tổ chức trong nước.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Nguyễn Văn Tuyên và toàn thể tang quyến.

## MEMOIRE DU FLEUVE ROUGE de Nguyễn Dư et Vũ Văn Huân



Ce recueil de gravures sur bois des paysans artistes tonkinois du début du siècle illustre et commente les fêtes traditionnelles et les racines de la civilisation vietnamienne.

Un livre unique à commander en souscription au prix de 110 F port compris (pour la France) auprès de

JACQUES ANDRÉ ÉDITEUR,  
5, Rue Bugeaud, 69006 LYON

parution courant 1995  
encaissement des chèques à parution

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, n ỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo**

lần thứ hai : bớt 10 %  
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

tìm đọc bản tin Pháp ngữ

## DIỄN ĐÀN FORUM

số 16

sẽ phát hành đầu tháng 3.95

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF : các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ :

DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

**Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý** : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

# Tin tức Tin tức

## Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế

Tổng cục thống kê Việt Nam đã công bố số liệu chính thức về tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 1994 : 15.455 tỷ đô la, tăng 8,8 % so với năm 1993. Bình quân đầu người GDP trong cả nước là 240 đô la ; Hà Nội : 616 đô la ; Thành phố Hồ Chí Minh : 810 đô la.

Trong buổi họp làm việc của chính phủ đầu năm vừa qua ở Thành phố Hồ Chí Minh, phó thủ tướng Phan Văn Khải cho biết Việt nam vẫn thuộc nhóm các nước nghèo của thế giới : theo báo cáo năm 1994 của Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP), tính GDP bình quân đầu người thì Việt nam đứng vào hàng thứ 153 trong số 173 nước trên thế giới. Ông Khải cho rằng : “ không nên nghĩ rằng đã phát triển trong mấy năm qua tự nó sẽ đưa nền kinh tế của đất nước tiếp tục đi lên. Mà ngược lại cần phải thấy rằng muốn duy trì tốc độ tăng trưởng đã đạt được phải có những cố gắng lớn hơn, phải có nỗ lực gấp bội ”.

Phó thủ tướng đã đặc biệt nhấn mạnh rằng khoảng cách về trình độ phát triển với các nước trong khu vực còn khá xa, trước hết là so với các nước láng giềng như Thái Lan và Trung Quốc. “ Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế thật sự là một thách thức lớn đối với dân tộc Việt nam trong bối cảnh quốc tế hiện nay ”. Ông khẳng định rằng một tình huống tụt hậu sẽ dẫn đến “ những hệ quả xấu về chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh, thậm chí uy hiếp độc lập chủ quyền và sự tồn tại của chế độ ”.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kêu gọi gấp rút cải cách bộ máy hành chính và các cơ quan công quyền từ trung ương đến địa phương để đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển. Ông nói : “ Mọi tiềm năng của đất nước không thể huy động tốt nếu tiếp tục duy trì cách quản lý và điều hành đất nước kém hiệu quả ”. Ông cảnh báo rằng đầu tư nước ngoài sẽ giảm sút nếu không cải tiến cấp bách những thủ tục “ quan liêu, nhũng nhiễu ” hiện nay.

Buổi họp đầu năm của chính phủ ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm quán triệt kế hoạch của năm 1995 là tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao với điều kiện là huy động được nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước đạt tỷ lệ 26 % GDP (khoảng 57 000 tỷ đồng, tức hơn 5 tỷ đô la), đồng thời kiềm chế tốc độ lạm phát dưới 10 %.

Để thu hẹp dần khoảng cách phát triển kinh tế giữa Việt nam với các nước trong khu vực, phó thủ tướng Khải chủ trương điều chỉnh mục tiêu nhằm đến năm 2000 : không phải tăng gấp đôi GDP như đã xác định trước đây, mà là tăng gấp đôi GDP bình quân đầu người. Điều đó đòi hỏi tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm phải được nâng từ 7,2 % lên 9 - 10 %, đồng thời phải giảm tốc độ tăng trưởng dân số. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 12.1, Tuổi Trẻ chủ nhật 15.1.95)

## Giá lương thực tăng 39 %

Từ tháng 8 1994, khi xảy ra lũ lụt, giá gạo đã không ngừng tăng, nhất là ở Hà Nội và các tỉnh phía bắc. Đến giữa tháng giêng vừa qua, giá gạo đã tăng từ 30 đến 40 %.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, mức tăng giá bán lẻ năm 1994 vào khoảng 14,4 %, trong đó giá thực phẩm tăng 16,3 %, riêng lương thực tăng 39 %. Trong khi đó, năm 1992, chỉ số giá lương thực đã giảm 14,7 %, còn năm 1993 thì tăng 6,3 %.

Thiên tai, lũ lụt và ngập úng không phải là nguyên nhân duy nhất đẩy giá lương thực tăng cao. Một bài viết của bà Nguyễn Thị Hiền, trên Thời báo kinh tế Sài Gòn ngày 19.1.1995, cho biết trong những tháng cuối năm 1994, do bội chi ngân sách, nhà nước đã tăng thuế và tăng giá hàng loạt nguyên nhiên vật liệu (xăng, dầu, phân bón, vật liệu xây dựng...), song mức tăng giá không quá 10 %. Bà Hiền nêu hai nhân tố quan trọng khác ảnh hưởng đến biến động giá thị trường lương thực :

- nhà nước lơ là trong nhiệm vụ bình ổn giá, thiếu dự trữ lương thực tại các tỉnh phía bắc, đã để cho cơn sốt giá gạo kéo dài ;

- nhà nước, vì nhu cầu cần có ngoại tệ, đã không thận trọng trong việc đẩy mạnh xuất gạo (đặc biệt sang Campuchia và Trung Quốc, hai nước bị mất mùa), dẫn đến mâu thuẫn giữa “ nội tiêu ” và “ ngoại tiêu ”.

## 51 % dân số sống dưới mức nghèo khó

Theo ông Peter Stephens, người phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Ngân hàng thế giới (World Bank), mặc dù những thành tựu đáng kể của nền kinh tế Việt Nam, mức độ nghèo khó trong dân cư nhìn chung vẫn còn cao. Theo tiêu chuẩn qui định của quốc tế, 51 % dân số sống dưới mức nghèo khó, trong đó có phân nửa dân cư ở đồng bằng sông Cửu Long, vốn là khu vực trù phú của Việt Nam. Mức nghèo khó thay đổi từ 33 % ở vùng Đông Nam bộ đến 72 % ở vùng duyên hải Bắc Trung bộ.

Ông Stephens đặc biệt nhấn mạnh đến chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị. Tỷ lệ dân nghèo ở nông thôn chiếm 90 % số người nghèo cả nước. 57 % dân quê ở trong tình trạng nghèo khó so với 26 % cư dân nghèo khó ở đô thị. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 12.1 .95)

## Đê Hà Nội : truy cứu trách nhiệm

Cuối tháng giêng vừa qua, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ra nghị định về việc xử lý nạn xâm phạm đê điều tại hai quận Ba Đình và Từ Liêm ở Hà Nội (xem Diễn Đàn tháng 2.95). Bản nghị định cho biết chính phủ, và trước hết là thủ tướng, đã “ tự kiểm điểm ” và xác nhận “ có phần trách nhiệm ” trong sự thiếu kiểm tra chặt chẽ và kịp thời tìm biện pháp ngăn chặn, xử lý kiên quyết những trường hợp vi phạm, để cho tình trạng xây nhà trên đê kéo dài.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đồng thời yêu cầu ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và bộ thủy lợi kiểm điểm trước chính phủ về trách nhiệm trong thực trạng nghiêm trọng hiện nay. Trước mắt, những cán bộ có sai phạm phải bị đình chỉ công

tác để kiểm điểm, xác định rõ hành vi và nếu có yếu tố cấu thành tội phạm thì khởi tố điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự. Phải chặn đứng ngay các công trình tiếp tục xây cất nhà trên đê, kể cả những công trình có giấy phép, và trong những trường hợp cố ý vi phạm pháp luật thì truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bản nghị định còn giao cho bộ thủy lợi và ủy ban nhân dân Hà Nội lập ngay một ban kỹ thuật để xây dựng các phương án và trình chính phủ xét duyệt sớm để triển khai thực hiện ngay trước mùa mưa lũ. (Tuổi Trẻ 26.1.95)

### **Bán nhà thuộc sở hữu nhà nước**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ bán khoảng một phần ba số nhà ở thuộc sở hữu nhà nước ở thủ đô, gồm 2586 nhà cấp 1, 2 với 2,353 triệu m<sup>2</sup> diện tích sử dụng và 8 538 nhà cấp 3, 4 với 1,138 triệu m<sup>2</sup> diện tích sử dụng. Không kể khối lượng nhà do quân đội quản lý, tổng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước ở thủ đô hiện có 18 254 căn nhà với 3,831 triệu m<sup>2</sup> diện tích sử dụng.

Trong quý một năm nay, ủy ban nhân dân Hà Nội dự kiến sẽ bán thí điểm 611 nhà cho người đang thuê tại các khu Giảng Võ, Cửa Bắc, Nguyễn Bình Khiêm và Đội Cấn. Toàn bộ kế hoạch bán nhà sẽ được thực hiện trong vòng 5 năm 1995 - 1999. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, chính phủ cũng đã cho phép ủy ban nhân dân bán thí điểm 500 nhà thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê. (Tuổi Trẻ 21, 26 và 28.1.95)

### **Đầu tư nước ngoài : một cửa và 45 ngày ?**

Đầu tháng giêng vừa qua, chủ nhiệm ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư Đậu Ngọc Xuân đã công bố số liệu chính thức về vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép trong năm 1994 : 4, 071 tỷ đô la (kể cả vốn được giấy phép bổ sung của những đề án đang hoạt động, và trừ đi vốn của những dự án bị rút giấy phép) ; và số liệu về vốn đầu tư nước ngoài thực hiện được trong năm 1994 : 1,5 tỷ đô la, tăng 50 % so với năm trước (trong khi, trên báo **Việt Nam - Đầu tư nước ngoài** ngày 3.1.1995 của ủy ban, phó chủ nhiệm Nguyễn Mai đưa ra con số 1,7 tỷ đô la, như Diễn Đàn tháng số 38 có ghi lại).

1975 - 1994

## **Kinh tế Việt Nam - 20 năm thống nhất**

Dưới tựa đề trên, trong *Thời báo kinh tế Sài Gòn* ngày 26.1 1995, tổng cục trưởng Tổng cục thống kê Việt Nam, ông Lê Văn Toàn, đã đưa ra những chỉ số kinh tế tổng hợp đầu tiên của giai đoạn 1975 - 1994. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã thay đổi hệ thống thống kê, chuyển từ hệ MPS (hệ thống cân đối vật chất) của các nước xã hội chủ nghĩa sang hệ SNA (hệ thống tài khoản quốc gia) của Liên hiệp quốc, được áp dụng từ năm 1992. Tài liệu của ông Lê Văn Toàn không nói rõ số liệu có được Tổng cục thống kê đồng nhất hóa trước khi công bố hay không. Với sự dè dặt này, Diễn Đàn ghi lại dưới đây những chỉ số có ý nghĩa nhất.

**Tăng trưởng kinh tế :** Những năm 1975 - 1994, tổng sản phẩm tăng 4,6 % bình quân mỗi năm, và do vậy sau 20 năm đã gấp gần 2,5 lần ngày đầu thống nhất đất nước. Trong giai đoạn 1976 - 1980, tổng sản phẩm tăng bình quân mỗi năm 0,4 %, trong đó năm 1979 giảm 2 % và năm 1980 giảm 1,4 %. Trong giai đoạn 1981 - 1985, tăng trưởng kinh tế đạt 6,4 %, rồi lại giảm còn 3,9 % những năm 1986 - 1990. Từ năm 1991, kinh tế Việt Nam có nhịp độ tăng trưởng cao, ổn định, bình quân mỗi năm 7,8 % (năm 1994, tổng sản phẩm quốc nội GDP đạt 15,4 tỷ đô la, tăng 8,8 % so với 1993).

**Lương thực :** Sản lượng lương thực qui ra thóc từ 11,6 triệu tấn năm 1975 lên 26 triệu tấn năm 1994. Tính bình quân đầu người, sản lượng lương thực từ mức 243,3 kg năm 1975 tăng lên 358,5 năm 1994.

**Công nghiệp :** Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1994 gấp gần 3,6 lần năm 1975, bình quân mỗi năm tăng 6,9 %, trong đó xi-măng tăng gấp 7,9 lần, đường gấp 5,3 lần, thuốc lá gấp 4,5 lần, điện gấp 4,1 lần và đáng kể nhất

là sự xuất hiện và phát triển của ngành công nghiệp dầu khí (7 triệu tấn năm 1994).

**Xuất nhập khẩu :** Kim ngạch xuất khẩu từ 222,7 triệu rúp và đô la năm 1976, tăng lên đạt 3,6 tỷ đô la năm 1994. Nhập khẩu cũng tăng từ 1 tỷ rúp và đô la năm 1976 lên 4,5 tỷ đô la năm 1994.

**Đầu tư :** Nhiều năm sau ngày đất nước thống nhất, thu nhập quốc dân từ sản xuất trong nước chỉ bằng 80 - 90 % " thu nhập quốc dân sử dụng " : Toàn bộ đầu tư và một phần tiêu dùng phải được bù đắp bằng viện trợ và vay nợ nước ngoài. Những năm 1976 - 1980, viện trợ và vay nợ nước ngoài chiếm tới 38,2 % tổng thu ngân sách nhà nước. Những năm 1981 - 1985, tỷ lệ này có giảm đi nhưng vẫn còn ở mức 22,4 %. Chỉ những năm gần đây, nền sản xuất trong nước mới bù đắp được tiêu dùng và có dôi ra cho đầu tư. Năm 1992, tỷ lệ đầu tư từ nguồn trong nước so với GDP là 10,1 % ; 1992 : 13,8 % ; 1994 : 14,8 %.

Tổng kết hoạt động kinh tế 20 năm qua, tổng cục trưởng thống kê cho rằng : dù có " *những vấp vấp phải trả giá* ", nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được " *những thành tựu đáng kể* ", song " *chưa thể thỏa mãn vì nguy cơ tụt hậu đang là thách thức lớn* " đối với nền kinh của nước ta. Nhìn sang những nền kinh tế của nhiều nước khác trong khu vực Đông Á, ông Lê Văn Toàn nhắc tới trường hợp của Đài Loan, trong vòng 40 năm (1950 - 1990), tăng trưởng kinh tế 8,9 % bình quân mỗi năm, nhân GDP gấp 29,7 lần ; Hàn Quốc, trong vòng 25 năm (1966 - 1991), tăng trưởng kinh tế 8,7 % bình quân mỗi năm, nhân GDP gấp 7,1 lần. Trong khi đó, 20 năm qua, tăng trưởng kinh tế ở nước ta chỉ đạt tốc độ 4,6 % mỗi năm, GDP mới nhân lên 2,5 lần.

☞ Tài liệu của tổng cục trưởng thống kê thiếu một chỉ số : đó là tốc độ tăng trưởng dân số ở nước ta ! Từ 47,7 triệu người năm 1975, dân số Việt Nam vượt 72,6 triệu người năm 1994, nhân lên 1,5 lần, tăng bình quân mỗi năm 2,1 %.

Bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân còn cho biết sự phân bố đầu tư giữa hai miền cân đối hơn những năm trước : 55 % ở các tỉnh phía nam, 45 % (thay vì 25 %) ở các tỉnh phía bắc. Trong năm 1994, các doanh nghiệp hoạt động với vốn đầu tư nước ngoài đã xuất khẩu 300 triệu đô la (không tính dầu thô), nộp 128 triệu đô la thuế (không kể thuế xuất nhập khẩu) và cung cấp việc làm cho 165 ngàn người (không kể những hoạt động dịch vụ có liên quan).

Từ ngày 1.1 1995, nhà nước Việt Nam đã đưa vào áp dụng một qui chế mới về cấp giấy phép đầu tư nước ngoài, phân định rõ cấp quyết định và đưa ra thời hạn thẩm duyệt.

Từ nay, các dự án đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của thủ tướng (nhóm A) gồm có : dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao) ; dự án sử dụng đất đô thị từ 5 ha trở lên hoặc các loại đất khác từ 50 ha trở lên ; dự án thuộc các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, văn hóa, báo chí, xuất bản ; dự án có vốn trên 40 triệu đô la trong một số ngành. Chủ nhiệm uỷ ban nhà nước về hợp tác và đầu tư quyết định các dự án khác (nhóm B). Thời gian thẩm định cho một dự án đầu tư là 45 ngày cho nhóm B và 50 ngày cho nhóm A – trong khi trước đây, thời hạn kéo dài không dưới ba tháng. Theo qui chế mới, các thủ tục hành chính được đơn giản hóa : các cấp tỉnh và thành phố chỉ làm nhiệm vụ xác định danh mục kêu gọi đầu tư và mức tiền thuê đất trên địa bàn.

Song ngay từ đầu, bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân phải thừa nhận rằng chế độ “ một cửa ” chưa có thể thực hiện vì còn vướng cấp địa phương, hiện nay chưa có đưa ra quy hoạch chi tiết từng khu vực và bảng giá cho thuê đất từng địa điểm. Trong điều kiện đó, uỷ ban về hợp tác đầu tư khó lòng đảm bảo thời gian cấp phép. (Thời báo kinh tế Sài Gòn và Tuổi Trẻ 12.1.95)

### **Lãi suất thực : 15 % !**

Theo nhà kinh tế Huỳnh Bửu Sơn, phó tổng giám đốc Ngân hàng Sài Gòn công thương, các nhà doanh nghiệp Việt Nam khi vay vốn bằng tiền đồng hiện nay ở ngân hàng phải trả lãi suất tối thiểu 2,1 %/tháng, tức 25 %/năm, và thông thường là 30 %/năm. Năm 1994, với một mức lạm phát ở dưới 15 %, lãi suất thực lên trên 15 %. Trong điều kiện đó, một nhà sản xuất công nghiệp nội địa, nếu hoạt động hoàn toàn dựa trên nguồn vay nợ bằng tiền đồng, không thể tồn tại.

Điều nghịch lý là, nếu có khả năng vay vốn bằng ngoại tệ ở nước ngoài, nhà doanh nghiệp trả lãi suất không quá 8 %. Tại các nước công nghiệp phát triển, mức lãi suất thực được chấp nhận là từ 3 đến 4 %/năm, mức này có thể cao hơn – từ 6 đến 8 %/năm – tại các nước đang phát triển.

Ngoài nguy cơ đình trệ sản xuất, một mức lãi suất thực quá cao còn cản trở việc hình thành thị trường vốn ở Việt Nam. Các xí nghiệp không thể bán cổ phần nếu không đảm bảo rằng tỷ lệ cổ tức (tiền lãi từ cổ phần) được chia vào cuối năm sẽ bằng hoặc cao hơn tiền lãi tiết kiệm. Các xí nghiệp cũng không thể phát hành trái phiếu dài hạn để huy động vốn nếu không đề nghị tiền lãi ở mức lãi suất hiện hành. Câu hỏi đặt ra cho các nhà lãnh đạo kinh tế vĩ mô, theo ông Huỳnh Bửu Sơn nêu lên, là : phải chăng vì thiếu vốn hay vì mục tiêu

chống lạm phát, hoặc cả hai, mà lãi suất được ấn định ở mức cao ? (Thời báo kinh tế Sài Gòn 26.1.95)

### **Việt Nam - châu Âu**

Theo những nguồn tin ngoại giao châu Âu tại Hà Nội, hiệp định khung đầu tiên về hợp tác kinh tế giữa Liên hiệp châu Âu (EU) và Việt Nam sẽ được ký kết “ nay mai ”, thời điểm chưa được xác định nhưng hẳn là trước khi chấm dứt nhiệm kỳ làm chủ tịch EU của Pháp (tháng 6.1995). Trong một buổi họp báo của các đại sứ EU, đại sứ Pháp Jean-François Nougarede tuyên bố : “ *Những cản trở quan trọng nhất (cho việc ký kết) đã được vượt qua (...). Có rất nhiều hy vọng rằng việc này sẽ được thực hiện trong nhiệm kỳ chủ tịch của Pháp.* ”. Ông cho biết rõ, Uỷ ban hành pháp EU đã được lệnh hội đồng bộ trưởng EU ngày 23.1 vừa qua để nối lại các thương lượng với Việt Nam. Một trong những trở ngại chính đã được giải toả gần đây với việc ký kết thoả thuận giữa Việt Nam và Đức, giải quyết (về nguyên tắc) vấn đề hồi hương của 40 000 người Việt đang sống bất hợp pháp ở Đức (xem Diễn Đàn số trước). Một điểm bất đồng khác đã được giải quyết từ năm ngoái là điều khoản về vấn đề tôn trọng nhân quyền. Vấn đề này sẽ được nêu trong Lời nói đầu của hiệp định nhưng sẽ không ghi thành điều khoản riêng.

Cuộc họp báo ngày 10.2 này cũng là cuộc chia tay với Việt Nam của đại sứ Pháp. Ông Nougarede, năm nay 61 tuổi, được bổ nhiệm tới Việt Nam từ tháng 1.1993, như vậy sẽ không hoàn tất một nhiệm kỳ 3 năm. Người thay thế ông sẽ là ông Gilles d' Humières 51 tuổi, tốt nghiệp trường Cao đẳng hành chính ENA, hiện là đại sứ tại Madagascar. Như vậy, ông G. d'Humieres sẽ là người trực tiếp lo chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh các nước sử dụng tiếng Pháp tại Hà Nội năm 1997.

Quan hệ Việt Nam - châu Âu trong thời gian gần đây cũng được đánh dấu bằng chuyến đi thăm các nước Bỉ, Séc và Xlôvaki của chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, từ 20.2 đến 4.3.1995, và chuyến đi Hà Lan hồi cuối tháng 1 của phó thủ tướng Phan Văn Khải. Hà Lan và Việt Nam đã thoả thuận về việc đưa về nước 350 người Việt từ Tiệp Khắc chạy sang đây sau năm 1989 nhưng không được nhận vào quy chế tị nạn.

Ngoài ra, trong quan hệ Việt-Đức, sau thoả thuận tháng trước về vấn đề hồi hương Việt kiều, các nhà hữu trách hai bên đã tiến hành đàm phán tại Bonn từ ngày 13.2 về việc triển khai 100 triệu Đức mã viện trợ của Đức vào các dự án phát triển kinh tế Việt Nam trong năm 1995. Tuy nhiên, một số khó khăn đã nảy ra khi hai bên đề cập tới việc sử dụng 20 triệu ĐM vào chương trình tái định cư những người hồi hương. Chi tiết của một hiệp định về vấn đề này, vì thế vẫn chưa được công bố. (AFP 23.1, 10, 13 và 16.2.1995)

### **Tin ngắn đối ngoại**

- Bộ trưởng ngoại giao Libye al Moutassir đã tới thăm Việt Nam 3 ngày, từ 18.2.1995. Ngày 21.2, bộ trưởng thương mại Algerie Saci Azira cũng đã tới thăm Hà Nội. Hiện nay, khoảng 300 chuyên gia Việt Nam còn làm việc ở Algerie trong các hợp đồng hợp tác giáo dục, y tế.

• Theo tờ Yomiuri Shinbum, nhật báo xuất bản tại Tokyo, tổng bí thư đảng CSVN Đỗ Mười đã nhận lời đi thăm Nhật, sau chuyến đi thăm Seoul đã được dự trù vào khoảng giữa tháng 4 tới, ông Mười sẽ bay thẳng từ Seoul sang Tokyo.

• Trong một hội nghị quốc tế gồm 30 nước và Cao uỷ tị nạn Liên hiệp quốc (HCR), họp tại Malaixia trong 2 ngày 22, 23.2, Việt Nam đã chấp thuận tiếp nhận mỗi tháng 3 600 thuyền nhân được các nước đưa trở về. Đầu tháng 2, HCR, Malaixia và Việt Nam đã thoả thuận về việc hồi hương của 5 700 người Việt ở trại Sungei Besi, mà Malaixia muốn đóng vào tháng 8 năm nay. Khó khăn chính của các chương trình hồi hương này dĩ nhiên là ở sự kháng cự của các đương sự.

### **Thị trường chứng khoán vào năm 1997 ?**

Cách nhau 3 tuần lễ, hai quan chức cao cấp của bộ tài chính vừa lên tiếng cho rằng khó có thể tin là một thị trường chứng khoán sẽ hình thành được ở Việt Nam vào năm nay. Theo ông Nguyễn Công Nghiệp, phó viện trưởng viện Khoa học tài chính, phát biểu trên tạp chí Vietnam Investment Review (VIR) ngày 12.2, “ *chưa có tiến bộ đáng kể nào* ” trong công tác chuẩn bị để mở một thị trường chứng khoán. “ *Cho tới nay, chưa có một văn bản chính thức nào đưa ra một ngày tháng dự trù sẽ mở một thị trường chứng khoán* ” mà, theo ông Nghiệp, chính phủ sẽ trực tiếp điều hành thời gian đầu, trước khi trao lại cho một Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) quản lý tự trị. Tuy nhiên, theo VIR, một nguồn tin từ Ngân hàng quốc gia cho biết Uỷ ban này đã được thành lập. Tờ báo cũng cho biết, một báo cáo mới đây cho biết khả năng mở thị trường “ *sớm nhất là vào cuối năm 1996, đầu năm 1997* ”.

Trước đó, trong một bài viết trên tạp chí Vietnam News ngày 24.1, thứ trưởng tài chính Tào Hữu Phùng nêu ra những yêu cầu ổn định nền kinh tế, huấn luyện cán bộ, chuẩn bị luật và nhiều điều kiện kỹ thuật khác trước khi mở thị trường chứng khoán. Theo ông, có thể chờ đợi thị trường sẽ được mở ra trong năm 1996 và phát triển vào năm 1998. Ông kêu gọi hình thành một “ *chiến lược toàn bộ về thị trường vốn* ” bao gồm một “ *dự án phát triển thị trường* ” để đáp ứng yêu cầu về nguồn vốn phát triển kinh tế. Theo ông Phùng, muốn thực hiện được mục tiêu nhân đôi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2000, “ *cần phải giữ được tốc độ tăng trưởng hàng năm 12,5 %, và thu hút được khoảng 50 tỉ đôla vốn* ”. Ông cũng nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh tiết kiệm hiện nay quá thấp (“ *khoảng 7 % GDP, một tỉ lệ vào hàng cuối trong những nước đang phát triển* ”), và yêu cầu cải tổ những cơ cấu, thủ tục kinh doanh và trao đổi tư bản để tạo điều kiện phát triển.

Theo ông Phùng, việc thiết lập những quan hệ chặt chẽ và tin cậy với các thị trường tư bản quốc tế là sống còn cho khả năng cạnh tranh quốc tế của Việt Nam và cho việc chuyển từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường. Tuy nhiên, ông viết thêm, “ *tốt hơn là không nên dính líu quá nhiều với các cơ quan chứng khoán nước ngoài* ”, và các nhà kinh doanh trong nước phải giữ một vai trò lớn hơn trong một thị trường chứng khoán được nhà nước kiểm soát chặt chẽ. (AFP 24.1 và 12.2.1995)

• Ngân hàng quốc gia sẽ tạm ngưng cấp thêm giấy phép mở ra các ngân hàng tài chính trong năm nay, để củng cố và nâng cao chất lượng của các ngân hàng này. 46 ngân hàng tài chính hiện hoạt động ở Việt Nam, trong đó 16 ở các vùng nông thôn, nhưng có tới 12 ngân hàng không thu hút đủ vốn ở phần và nhiều cơ sở khác vi phạm những qui định của Ngân hàng nhà nước.

### **Đảng cộng sản và cải cách hành chính**

Theo hãng thông tấn AFP ngày 24.1, hội nghị trung ương lần thứ 8 (khoá 7) của đảng cộng sản Việt Nam, họp tại Hà Nội trong những ngày 20-23.1.1995, các phe bảo thủ và cải cách đã tranh luận gay gắt về những biện pháp đẩy mạnh những cải tổ hành chính cần thiết cho việc phát triển kinh tế thị trường “ *với định hướng xã hội chủ nghĩa* ”. Những cải tổ đã được chính phủ ông Võ Văn Kiệt coi là một ưu tiên hàng đầu của năm 1995, đáp ứng những yêu cầu của các định chế quốc tế viện trợ cho Việt Nam và của các phía đối tác nước ngoài khác. Bộ máy nhà nước bất lực, quan liêu và tham nhũng, là lý do chính khiến cho nhiều dự án phát triển với vốn viện trợ chậm được triển khai. Trong bài nói kết thúc hội nghị, tổng bí thư Đỗ Mười đã kêu gọi thanh lọc hàng ngũ đảng, loại trừ những “ *vị quan cách mạng* ” còn nhiều trong bộ máy cao cấp của nhà nước. Ngày 2.2, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập đảng (3.2.1930), ông Mười lại kêu gọi “ *trẻ hoá* ” hàng ngũ đảng, loại trừ những cán bộ tham nhũng và hủ hoá...

Tuy nhiên, điều hiển nhiên đối với những ai theo dõi tình hình Việt Nam là lời kêu gọi chung chung lần thứ một ngàn lẻ một này không có triển vọng nào được tiến hành, khi trong xã hội không một tiếng nói (chưa nói quyền lực) đối trọng nào được quyền hiện diện hợp pháp. Có phải ngẫu nhiên mà báo Quân đội nhân dân ngày 18.1 (2 ngày trước hội nghị trung ương) đã một lần nữa nhắc lại và nhấn mạnh sự “ *sáng suốt* ” của chính sách “ *bác bỏ đa nguyên, đa đảng* ” ?! (Tin AFP 18, 24, 26.1 và 2.2.1995)

↳ *Bản tin ngày 24.1 của thông tấn xã AFP không được nhà cầm quyền Việt Nam ưng ý lắm. Nghị quyết của hội nghị đã được những người tham dự “ hoàn toàn nhất trí ” thông qua cơ mà ! Trong tờ Courrier du Vietnam ngày 28 tháng 1, ông Đỗ Phượng, tổng giám đốc Việt Nam thông tấn xã, uỷ viên trung ương đảng, đã phản ứng lại bằng cách gọi ông Philippe Agret, đại diện AFP tại Hà Nội là... “ người của ông Toubon ” (xem trang Sổ tay của Phong Quang, DD số trước, để hiểu ý nghĩa của việc liên tưởng tới ông Toubon) ! Xin miễn bàn thêm.*

### **Môi trường**

Đại diện 4 nước Cam-Bốt, Lào, Thái Lan và Việt Nam, họp tại thành phố Hồ Chí Minh trong hai ngày 16 và 17.2.1995, đã thoả thuận hoạch định một chương trình chung bảo vệ môi trường châu thổ sông Mêkong cho thời gian 1995-97. Chương trình liên kết này có vốn hoạt động 10 triệu đôla, đã được chính phủ Thụy Điển nhận tài trợ. Các nước bờ sông bắt đầu lo sợ rằng sự phát triển kinh tế không kiểm soát có thể làm thiệt hại nặng cho môi trường sống, huỷ hoại hàng triệu hecta rừng, làm xói mòn đất đai và gây ra lụt lội, hạn hán.

Các thành phố lớn ở Việt Nam cũng đang phải giải quyết nhiều vấn đề ô nhiễm môi trường phức tạp. Một bản báo cáo của bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường vừa cho biết, theo những số liệu đo lường đầu tháng 2 vừa qua, tỉ lệ các chất ôxít lưu huỳnh (SO<sub>2</sub>) và khí cacbonic trong không khí Hà Nội cao gấp 14 và 2,2 lần hơn các chuẩn quốc tế. Khói nhà máy và khí thải từ hàng trăm ngàn chiếc xe máy là những thủ phạm chính của tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng này. Tỉ lệ bụi bặm ở nội thành Hà Nội cũng cao gấp 10 lần ở ngoại thành. Mỗi ngày, các xe tải đưa vào thành phố khoảng 2 000 tấn cát và vật liệu xây dựng khác. Chính quyền thành phố ước lượng cần khoảng 500 triệu đôla chỉ để xử lý cát rơi vãi (khoảng 160 mét khối). Mặt khác, Hà Nội còn bị ô nhiễm vì các chất chì, thủy ngân và crôm trong nước.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 700 nhà máy, 30 ngàn cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp góp phần tạo ra những tỉ lệ ô nhiễm cao từ 20 tới 70 lần hơn những chuẩn qui định. Bí thư thành uỷ thành phố, ông Võ Trần Chí vừa yêu cầu một số cơ sở tạo ô nhiễm nhiều nhất phải dời ra ngoại thành. (AFP 28.1, 15 và 18.2.1995)

### **Bất động sản thu hút đầu tư**

Khách sạn, siêu thị, khu kinh doanh, công nghiệp, chế xuất..., khu vực bất động sản tiếp tục thu hút nhiều đầu tư.

Khách sạn sang nhất Hà Nội, Sofitel Metropole, của nhóm công ty Accor (Pháp), trong năm 1994 đã đưa doanh số lên 13 triệu đôla, tăng 21 % so với năm trước, và thu lợi nhuận kỷ lục 2,4 triệu đôla. Khách sạn đang được tu bổ để tăng số phòng (hiện nay là 109, với 46 070 lượt khách trong năm 1994) lên đến 244 vào năm 1996. Chủ khách sạn đã đầu tư 30 triệu đôla vào công trình này.

Nếu được Uỷ ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI) thông qua, dự án xây dựng khu du lịch Hạ Long trị giá 400 triệu đôla của công ty Malaixia Goh Hoch, liên doanh với công ty xuất-nhập cảng Quảng Ninh, có thể góp phần làm thay đổi bộ mặt Hạ Long hiện nay, một trong những thắng cảnh bậc nhất của thế giới với những phương tiện (và phong cách) tiếp du khách nghèo nàn, lạc hậu... cũng hạng khá !

Trong cùng một ngày (thứ năm 9.2), công ty Singapore Straits Steamship Land Ltd. (SSL) đã khai mạc một toà nhà 8 tầng, trụ sở của Trung tâm giao dịch quốc tế Hà Nội (Center for International Transactions – CIT), và nhận được giấy phép của SCCI cho dự án 110 triệu đôla xây dựng một khu kinh doanh - nhà ở cao cấp - sân golf - khách sạn rộng 4 hecta ở Quảng Bá (ven Hồ Tây, Hà Nội). SSL còn có hai công trình bất động sản khác đang được triển khai, một ở thành phố Hồ Chí Minh và một trong khu phố Pháp ở Hà Nội, và dự trù đầu tư tổng cộng 450 triệu đôla vào Việt Nam...(AFP 22, 29.1 và 9.2.1995)

### **TIN NGẮN**

✓ Theo báo Tuổi Trẻ ngày 22.2, năm nay nhà nước sẽ đầu tư bổ túc 45 triệu đôla cho ngành giáo dục. Khoảng 20 triệu đôla được dành cho việc phát triển giáo dục thể dục, 10,9 triệu đôla cho ngành sư phạm, và 10 triệu đôla riêng cho việc phát triển giáo dục ở miền núi.

✓ Theo báo Nhân Dân ngày 23.1, tham nhũng và vô trách nhiệm đã làm thiệt hại của nhà nước 170 triệu đôla, 2 ngàn lượng vàng (khoảng 1 triệu đôla) trong năm 1994. Mặt khác, 25 000 tấn gạo và hơn 160 000 mét khối gỗ đã bị mất cắp từ công quỹ. Mặc dù chính phủ Võ Văn Kiệt đưa ra nhiều chiến dịch chống tham nhũng, quốc nạn này không những không giảm mà còn gia tăng so với năm trước.

✓ Sau vụ báo Người Hà Nội bị treo giò vì chỉ trích lệnh cấm pháo của chính phủ, tạp chí Trí thức và Công nghệ, của hiệp hội các doanh nghiệp ngành luyện kim đã bị bộ văn hoá và thông tin treo giấy phép xuất bản vì tội “ thay đổi trình bày bìa và đăng bài báo có nội dung không phù hợp với điều lệ tờ báo ”.

✓ Lệnh cấm pháo của chính phủ đã được tôn trọng tương đối nghiêm chỉnh : chỉ có 167 vụ vi phạm ở thành phố HCM, và 1 209 vụ ở Hà Nội. Tết năm ngoái, 71 người đã thiệt mạng vì tai nạn do đốt pháo.

✓ Thông qua Cơ quan Nhật bản Hợp tác quốc tế (JICA), Nhật sẽ giúp thành phố Hà Nội 1,057 tỉ đôla để cải thiện hệ thống cống rãnh, tháo nước của thành phố. Theo kế hoạch đã được trình bày với Uỷ ban nhân dân Hà Nội và chính phủ Việt Nam, công trình dự trù sẽ kéo dài 15 năm và phần đóng góp của Việt Nam vào công trình được ước lượng từ 20 đến 30 % tổng phí tổn.

✓ Chính phủ đã ban hành, trong tháng giêng vừa qua, một nghị định cho phép công dân Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Trừ những người thuộc các diện sau đây : công chức các cơ quan hành chính nhà nước, sĩ quan và chiến sĩ trong quân đội và công an, người làm việc trong một số ngành do nhà nước qui định, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay đang chấp hành hình phạt.

✓ Sau một tháng triển khai quyết định của Ngân hàng nhà nước, 500 sinh viên nghèo của chín trường đại học đã được vay tiền học của các ngân hàng.

✓ Giải thưởng 1994 của Hội nghệ sĩ sân khấu đã được trao cho vở chèo “ Hồn Trương Ba, da hàng thịt ”, chuyển thể từ kịch bản của Lưu Quang Vũ, Nhà hát chèo Việt Nam trình diễn, Lê Hùng đạo diễn.

✓ Một bản dự thảo Luật dân sự (code civil), bao gồm 6 chương, 701 điều khoản đã được công bố trên báo chí trong nước để “ lấy ý kiến nhân dân ”, chuẩn bị cho kỳ họp quốc hội tháng 10 năm nay có thể thông qua.

✓ Theo ước tính của uỷ ban người Việt ở nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, trong tháng giêng 1995 có trên 30 000 Việt kiều về ăn Tết ở quê nhà, đông nhất là từ Mỹ, Canada, Pháp, Úc. Trong cả năm 1994, Việt kiều về nước qua sân bay Tân Sơn Nhất lên đến 173 382 lượt người.

#### **Giận những con số...**

Diễn Đàn số 38 vẫn giận những con số... Đồng thời với việc cải chính những số in sai của số trước, trang 36 (cột 1, dòng áp chót) đổi 21 000 tỷ đồng thành 1,1 (thay vì 2) tỷ đôla, và trang 37 (cột 1, dòng chót trước khung) giảm tổng vốn đầu tư của công trình điện Hoà Bình từ 12,5 ngàn tỷ đồng xuống còn có 12,5 tỷ...

# Khi ba ngọn cờ...

(tiếp theo trang 1)

1973, 1977... Bị thảm hơn nữa, cuộc đổ máu ghê gớm kéo dài suốt hai thập niên, nối dài thêm bằng hai mươi năm thù hận, lại xuất phát từ một ngộ nhận cơ bản đã được dùng làm nền tảng cho chính sách Mỹ ở Việt Nam, từ Truman đến Bush, qua Eisenhower, Kennedy, Johnson, Nixon, Ford, Carter, Reagan : coi phong trào giải phóng dân tộc mà Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo là công cụ của " cộng sản Nga-Tàu ", biến chiến trường Việt Nam thành tiêu điểm chống Trung Quốc, rồi liên minh với Trung Quốc để chống Liên Xô. Trong suốt nửa thế kỷ, Hoa Kỳ không hề có một chính sách Việt Nam : nhìn từ Washington, Việt Nam đã chỉ là một bộ phận trong chính sách Trung Quốc của Hoa Kỳ.

Sai lầm cơ bản ấy, mọi người còn nhớ, đã dẫn tới thảm kịch nào, với những hậu quả hôm nay còn đè nặng lên hai dân tộc Việt Nam và Mỹ. Ngẫu nhiên của lịch sử đã trao cho tổng thống Clinton trách nhiệm chấm dứt cuộc chiến tranh (mà thời trẻ ông không tham gia) bằng cách mở ra trang sử hoà bình. Đó là vận hội để lần đầu tiên, nước Mỹ có thể hoạch định một chính sách Việt Nam *tự nó*, trong bối cảnh quốc tế không còn đối cực. Về phía Việt Nam, bình thường hoá quan hệ với Mỹ là một khâu then chốt của quan hệ đối ngoại " *muốn làm bạn với mọi người* " trong một tình huống thế giới rất mới và không kém phức tạp. Quan hệ bình thường Việt-Mỹ còn vượt xa quyền lợi của hai nước : nó là một nhân tố ổn định quan trọng trên bàn cờ Đông Nam Á và khu vực Thái Bình Dương.

Bởi vì, trải qua bao cuộc bể dâu, Trung Quốc vẫn là một hằng số trong mối quan hệ quốc tế ở đây. Ở đâu bài, chúng tôi đã nói tới ba lá cờ. Ngẫu nhiên hay không, vào đúng những ngày mà quốc kỳ Việt Nam được giương lên ở Washington và quốc kỳ Hoa Kỳ ở Hà Nội, thì một lá cờ Trung Quốc đã gây chấn động ở Đông Nam Á. Đó là lá cờ cắm trên một hòn đảo san hô, ở cực đông của Quần đảo Trường Sa (Spratly). Đảo san hô Mischief nhỏ bé này thuộc nhóm đảo mà Philipin khẳng định chủ quyền, cách bờ biển Palawan của Philipin 200 km, và cách đảo Hải Nam của Trung Quốc 2000 km ! Nhìn trên tấm bản đồ Trung Quốc xuất bản năm 1994, góc dưới, bên phải, dành một khung cho vùng " Nam Hải ", có vẽ đường ranh giới vùng lãnh hải mà Bắc Kinh khẳng định chủ quyền : khoanh tròn các quần đảo Hoàng Sa (Paracels), Trường Sa (Spratly), đường ranh giới này chạy qua sát bờ biển Philippin, Brunei, Indonesia, Việt Nam. Giới quan sát quốc tế đã mô tả bằng một hình ảnh khá đạt : người ta có cảm tưởng người mấy nước Đông Nam Á *ngồi trên bờ biển, nhúng chân xuống Biển Đông là đụng phải lãnh hải của Trung Quốc*.

Tiếp theo sự kiện Hoàng Sa (1974), sự kiện Trường Sa (1988), sự kiện đảo Mischief cho thấy rõ ý chí bành trướng của Bắc Kinh ở vùng biển Đông Nam Á mà một tài liệu nội bộ của Trung Quốc gọi là " *không gian sinh tồn* ", một từ ngữ tưởng đã chôn sâu dưới mồ của chủ nghĩa quốc xã Đức. Nó chứng tỏ Trung Quốc không chỉ nhắm lấn áp Việt Nam, mà

thách đố toàn bộ khu vực Đông Nam Á bằng một lực lượng không quân, hải quân (kể cả hải tặc) ngày một tăng cường, và một thái độ kiêu căng mà những lời đề nghị " hợp tác để cùng khai thác " không che giấu được sự trịch thượng.

Chính trong bối cảnh ấy mà chúng ta có thể thấy rõ ý nghĩa việc uỷ ban thường trực của khối ASEAN vừa nhất trí quyết định đề nghị kết nạp Việt Nam làm nước hội viên thứ 7 vào ngày tháng 7 tới, tại hội nghị tối cao của hiệp hội Đông Nam Á. Chắc cũng không phải ngẫu nhiên mà trung tuần tháng 2, hải quân Mỹ đề nghị tập dượt hải quân tay đôi với những nước ASEAN.

Bối cảnh quốc tế ấy cũng làm nổi bật ý nghĩa việc mở văn phòng liên lạc của Việt Nam và Mỹ, song nó cũng cho thấy rõ tiến độ quá chậm chạp của quá trình bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ. Phải một năm sau ngày Mỹ bỏ cấm vận, hai bên mới đi tới thoả thuận về trao trả tài sản để mở văn phòng liên lạc. Đến Tết năm nào, quan hệ ngoại giao mới được thiết lập đầy đủ ở cấp đại sứ ? và bao giờ Mỹ mới dành cho Việt Nam quy chế *tối huệ quốc* (most favored nations) để hàng hoá Việt Nam có thể cạnh tranh bình đẳng với hàng hoá Thái Lan, Trung Quốc trên thị trường Hoa Kỳ ?

Về phía Mỹ, do quá khú phản chiến thời thanh niên, tổng thống Clinton luôn luôn phải tính tới phản ứng của những hội cựu chiến binh bảo thủ, nay lại phải sống chung với một quốc hội mà đa số thuộc Đảng cộng hoà. Giới kinh doanh Mỹ và bộ tư lệnh Hạm đội 7 khá nhạy bén trước sự bành trướng trên biển của Trung Quốc sẽ làm đối trọng để tăng tốc quá trình bình thường hoá tới đâu ?

Về phía Việt Nam, sự cải tổ cơ cấu hành chính và kinh tế còn tiến hành quá chậm, một phần do những sự trì kéo nội bộ (biểu lộ trong kỳ họp mới đây của Trung ương ĐCS). Quan trọng hơn nữa, ngày nào quan điểm *Việt Nam muốn làm bạn với mọi người* vẫn còn bị quân chân bằng những lời hô hào *chống âm mưu diễn biến hoà bình*, thì một chính sách đối ngoại tích cực, năng động... cũng khó triển khai một cách hiệu quả.

N.N.G.

## Văn phòng liên lạc tại Washington và Hà Nội

Văn phòng liên lạc của Việt Nam tại Hoa Kỳ tạm thời đặt tại 1233, 20th Street NW, # 501, WASHINGTON DC 20036. Điện thoại : (1 202) 861-0737, Fax : (1 202) 861-0917.

Văn phòng liên lạc của Hoa Kỳ tại Việt Nam : 7 Láng Hạ, HÀ NỘI ; điện thoại : (84 4) 35 04 45.

Trưởng phòng liên lạc của Việt Nam là đại sứ Lê Văn Bằng, 48 tuổi, nguyên trưởng đoàn đại diện Việt Nam tại Liên Hợp Quốc, nguyên tham tán công sứ Việt Nam tại Vương Quốc Anh. Trong chiến tranh chống Mỹ, ông Bằng tham gia thanh niên xung phong.

Trưởng phòng liên lạc của Mỹ là ông James Hall, tổng lãnh sự, nguyên trưởng phòng Đông Dương thuộc Bộ ngoại giao. Trong thời kỳ chiến tranh, ông Hall làm đại úy, rồi tham gia chương trình " dân sự và phát triển nông thôn " trước khi làm nhân viên ngoại giao phụ trách kinh tế tại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn (1973-75).

# Phát triển trong ổn định Trọng điểm ưu tiên

bùi mộng hùng

**T**hời điểm 1991, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu kéo theo nhau mà sụp đổ. Việt Nam lúc ấy quan hệ môi rãng với Liên Xô cùng toàn thể hệ thống, nguy cơ bị cuốn theo trong đợt tan rã chung đe dọa như gươm kề cổ.

Trái với tiên đoán của không ít nhà quan sát, Việt Nam không rơi vào suy thoái, đói kém, hỗn loạn. Từ 1989, tình hình kinh tế không ngừng tốt lên. Lạm phát - 774% năm 1986 - liên tục giảm cho đến 1993, còn 5,2%. Tổng sản lượng trong nước (GDP) tăng : 6% năm 1991, 8,6% năm 1992, 8,1% năm 1993, 8,8% năm 1994 (số liệu Tổng cục thống kê Việt Nam). Từ tình trạng triền miên nhập lúa gạo, Việt Nam vượt lên hàng nước xuất cảng thứ ba trên thế giới. Đời sống nhiều tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Được thế là nhờ những biện pháp "đổi mới" : chấp nhận cơ chế kinh tế thị trường, cởi bỏ những ràng buộc phi lý bóp nghẹt nông nghiệp, cho phép hộ gia đình làm chủ lấy sản xuất của mình, mở cửa cho các nước tư bản chủ nghĩa, ban hành bộ luật đầu tư thoáng mở... Và người dân Việt Nam, năng động thích ứng nhậm lạ. Được cởi trói là lăn vào làm ăn chẳng nề hà gian khổ.

Kinh tế, xã hội chuyển biến trong ổn định mấy năm vừa qua là một may mắn lớn cho dân tộc. Vốn không còn sức, và cũng đã quá chán ngán sau mấy thập kỷ hy sinh xương máu và loạn lạc, chẳng lòng dạ nào gánh chịu thêm hỗn loạn, một khi đã bùng lên chẳng ai biết được bao giờ mới chấm dứt.

Bình tâm xét lại chặng đường mấy năm qua, điều đáng mừng là đất nước đang thoát ra khỏi thế trúng để đầu đẳng. Nguy cơ tan vỡ trước mắt đã lùi. Được chút thu thái để suy nghĩ dần đo bước đi tới. Để đặt câu hỏi : những điều kiện nào là thiết yếu cho đất nước tiếp tục phát triển trong ổn định ?

Nhìn vào thực tại, ta không khỏi có cái cảm giác đất nước như người đi dây. Tránh được hiểm họa, nhưng chông chát những vấn đề. Phải nhận định ra đâu là những gút mắc cấp thiết trước mắt.

## Vấn đề đầu tư

Phát triển kinh tế là yếu tố cơ bản cho phát triển xã hội. Một động lực chính cho kinh tế là đầu tư. Không thể chối cãi rằng

những đầu tư tích lũy suốt một thời gian dài cho thủy lợi, điện lực, dầu khí, cho khoa học kỹ thuật, cho giáo dục là yếu tố thuận lợi thúc đẩy phát triển trong những năm vừa qua.

Trước mắt, mức đầu tư hôm nay quy định sức phát triển cho ngày mai. Hiện tình vấn đề ra sao ?

**N**ói chung, đầu tư tiến triển khá. Trước hết là của nước ngoài. Số vốn các dự án đầu tư đã được cấp giấy phép năm 1994 là 4,041 tỷ USD, tăng 45% so với 1993. Vốn đã thực hiện năm 1994 là 1,5 tỷ USD, tăng 50% so với 1993 (1 tỷ USD), mà 93 đã tăng 87% so với 1992 và gần bằng toàn bộ vốn thực hiện của 5 năm trước đó cộng lại (số liệu của Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư).

Tổng số đầu tư (gộp trong và ngoài nước) tiếp tục tăng, đạt tỷ lệ 22% tổng sản lượng trong nước (GDP) (1993 19%, 1992 17%, 1991 14%). Tỷ lệ tiết kiệm quốc nội bằng 65,4% tổng số đầu tư (1993 57,2%, 1992 75,8%, 1991 65,8%).

Tỷ trọng đầu tư của nước ngoài chiếm 26,2% tổng số. Tương đương với phần của tư nhân và cao hơn tỷ trọng của nhà nước (24,5%).

**K**hả quan, khi nhìn chung. Nhưng xét vào chi tiết, nổi lên không ít điểm đáng lo ngại. Cơ cấu đầu tư nước ngoài phân phối tương đối quân bằng : 40% vào dịch vụ và bất động sản, 30% vào công nghiệp, 25% trong khu vực dầu khí, 5% trong nông nghiệp. Có điều tập trung vào miền Nam (75%, sang 1994 còn 55%) - riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm 45% - là một yếu tố làm cho sự cách biệt giữa các miền có cơ tăng thêm.

Đáng lo ngại hơn là đầu tư trong nước bộc lộ nhiều yếu kém. Mà chính tỷ trọng, cơ cấu đầu tư của trong nước là yếu tố qui định tính chất độc lập cùng cấu trúc và sức bật của nền kinh tế nước ta.

Theo Ủy ban kế hoạch nhà nước, phần ngân sách chi năm 1995 cho hạ tầng kinh tế chỉ bằng 86,84% năm 1994. Hầu như không một công trình lớn nào được khởi công xây dựng, năm 1995 chỉ tiếp tục thực hiện các công trình chuyển tiếp từ 1994 hoặc từ các năm trước. Sút kém đầu tư vào hạ tầng hôm nay thì trong những năm tới sẽ phải trả giá cho các ảnh hưởng không hay đến sức tăng trưởng của cả nền kinh tế. Mà sức đầu tư của ngân sách nhà nước tùy thuộc vào nguồn thuế thu được. Một vấn đề lớn.

Vốn của tư nhân, theo số liệu năm 1993 của Tổng cục thống kê, chủ yếu dành cho xây dựng nhà cửa (64,4%). Nhưng thống kê chính thức không tính đến kinh tế "chui" mà một số chuyên gia ước lượng đạt tỷ trọng 75% hoạt động kinh tế Việt Nam. Nếu tính gộp cả khu vực này thì hầu hết (95%) đầu tư của tư nhân trong nước chỉ nhằm vào ngắn hạn. Nghĩa là vào đầu cơ nhà đất, thương mại và dịch vụ. Không tới 5% được đem đầu tư vào công nghiệp. Yannick Madesclaire phải kêu lên " *Người Việt không còn tin vào tương lai của đất nước họ chẳng, họ đã đánh mất hết mọi thành thạo trong hoạt động công nghiệp rồi hay sao, hay đây là một hình thức tích lũy vốn tư bản ?* " (Au-delà des apparences : un autre regard sur le Viet Nam des années 90, Vượt qua hiện tượng bề ngoài : một cái nhìn khác về Việt Nam của những năm 90, Revue Tiers Monde, t. XXXV, số 140, tháng 10 - 12, 1994, tr. 891 - 906).

Nhận xét có phần đúng. Nhưng nếu ta chỉ chú ý vào khía cạnh chủ quan thì quên mất những yếu tố khách quan trong môi trường đầu tư, đang ảnh hưởng trực tiếp đến cung cách kinh doanh, đến mức độ và phân bố đầu tư của nước ngoài cũng như của trong nước. Phần lớn những vấn đề đó tùy thuộc vào khả năng nhà nước cải thiện và quản lý môi trường.

## Môi trường đầu tư hiện nay

Mà vào môi trường nước ta người đầu tư phải vượt qua không biết là bao nhiêu cửa ải.

**T**rước tiên là thủ tục. Phiền hà và cửa quyền. Visa, giấy phép, đất đai, xây dựng, hải quan, xuất nhập khẩu... gì gì cũng nhiều khê, tốn kém. Người nước ngoài muốn xin giấy phép đầu tư nhanh nhất cũng phải mất hai năm, có trường hợp kéo dài đến bốn năm. Hồ sơ trước khi đến tay Ủy ban phải đi qua 12 tầng nấc. (ĐĐ số 32, 7.94)

Bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân, chủ nhiệm Ủy ban hợp tác và đầu tư (SCCI) đã có lần nói với phóng viên: " *Trước đây, nước ngoài nói đầu tư vào Việt Nam rẻ, nhưng bây giờ họ nói chỉ rẻ trên văn bản, giấy tờ. Thực tế, nếu cộng cả phí " bất thành văn " vào, thì đầu tư vào Việt Nam đắt không thua vài nước láng giềng. Có một công ty nước ngoài gửi đến SCCI một bản liệt kê danh sách các loại phí. Tôi đếm thì thấy có đến 120 loại phí " bất thành văn ", nhiều gấp ba lần loại phí được quy định chính thức.* " (Tuổi trẻ 17.4.94)

Đầu năm nay ông Đậu Ngọc Xuân lại nhận xét: " *Ở Việt Nam, thủ tục đầu tư nước ngoài đã và đang rất phiền hà cho các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.... Phải nói rằng, ở tầm vĩ mô, ta quy định chung chung và rườm rà hoặc thiếu nên ở dưới (tầm vi mô) khi thực hiện thì biến thành phiền hà. Mà phiền hà sẽ dẫn tới tiêu cực. Chẳng hạn, không quy định thời gian thẩm định, cấp giấy phép dự án hay thời gian làm thủ tục xây dựng nhà máy cụ thể là bao lâu nên ở dưới (xin lỗi) người ta cứ " vẽ " ra, cứ " sáng tác " thêm nhiều thủ tục khác. Được cấp giấy phép đã mất vài tháng, sau đó lại mất hàng năm làm thủ tục xây dựng. Nhà đầu tư nản là đúng.* " (Lao Động 1.1.95)

**B**ối cảnh pháp lý là một mối lo ngại lớn cho người kinh doanh. Luật đầu tư cồng kềnh trong tinh thần, Việt Nam biết rút kinh nghiệm của các nước, biến đổi khá uyển chuyển theo cấu trúc kinh tế. Tuy nhiên sắc lệnh áp dụng hoặc chưa ban hành, hoặc có thì nhiều khi lại thay đổi không chừng.

Yếu nhất là khâu giải quyết tranh chấp. Pháp luật Việt Nam chưa đồng điệu với pháp luật quốc tế. Các nhà kinh doanh nước ngoài không tin tưởng vào hệ thống tư pháp hiện hành, hoài nghi tính công bằng và khách quan trong phân xử một khi họ có tranh chấp với đối tác Việt Nam.

Còn lại phương thức trọng tài tương đối là tin cậy được. Thế nhưng, Việt Nam chưa có luật về trọng tài quốc tế hoàn chỉnh cho doanh nhân nước ngoài yên tâm.

**H**ạ tầng cơ sở bị bỏ bê trong thời gian quá dài. Đã có nhiều cố gắng cải thiện viên thông mấy năm qua. Nhưng cước phí đắt so với giá hiện

hành trong khu vực. Và hệ thống đường xá, chỗ chuyên lạc hậu là một trở ngại lớn cho doanh nghiệp phát triển.

Trong điều kiện hạ tầng cơ sở yếu kém đó, đầu cơ nhà đất trong mấy năm liền, trước khi có biện pháp ngăn chặn, lại đẩy giá cả ở thành phố lên mức quá cao. Thành phố Việt Nam thuộc vào hàng đắt nhất ở châu Á. Theo công ty tư vấn quốc tế Richard Ellis thuê văn phòng ở Hà Nội hiện nay giá là 65.7 USD một mét vuông, ở Thành phố Hồ Chí Minh là 57 USD, cao hơn Đài Loan (45,6), Singapore (44,9), Băng Cốc (21,2) (Đ Đ số 37, 2.95, tr. 5). Giá thuê đất từ 2,5 USD đến 18 USD/m<sup>2</sup>/năm, đó là chưa tính đến tiền đền bù giải tỏa và xây dựng hạ tầng. Trong khi Trung Quốc cho thuê mặt bằng đầy đủ hạ tầng ở Thượng Hải từ 0,1 đến 2 USD/m<sup>2</sup>/năm, Philippin 0,2 - 0,25 USD/m<sup>2</sup>/năm trong các khu chế xuất, Thái Lan 1,5 - 2 USD/m<sup>2</sup>/năm trong các khu công nghiệp đã được thiết bị cơ sở hạ tầng.

Vấn đề thành nổi bức xúc lớn cho các nhà doanh nghiệp trong nước. Đầu tư một mặt bằng chừng vài ngàn mét vuông thôi cũng đã tốn bạc tỷ. Xây dựng được mặt bằng là coi như cạn vốn, tiền đầu mua thiết bị và làm vốn lưu động!

**T**rong khi hệ thống ngân hàng trong nước còn quá lạc hậu. Chỉ riêng việc mở tài khoản séc cá nhân cho khách hàng còn vẫn loay hoay chưa xong.

Vốn là một vấn đề gay gắt. Lãi suất hiện nay quá cao so với tỷ lệ sinh lợi.

Năm 1994, mức lạm phát là 5.2 %, lãi suất cho vay bình quân trên thị trường là 36 %/năm, lãi suất thực trừ lạm phát 30 %/năm. Năm 1994, mức lạm phát ước tính 15 %, lãi suất cho vay vốn bình quân trên thị trường là 30% /năm, lãi suất thực khoảng 15 %/năm. Bất lợi cho người vay để sản xuất, nhất là để đầu tư vào công nghiệp, nghĩa là kinh doanh dài hạn. Thực tế chẳng khác nào khuyến khích đầu cơ, chuyện ta thấy trong hướng làm ăn hiện nay của người trong nước.

## Vai trò chính sách, vai trò con người

Những yếu kém trong môi trường đầu tư phần nào phản ánh lúng túng trong chính sách, giới hạn trong khả năng trong cung cách ứng xử của con người.

**L**úng túng biểu lộ từ cấp trung ương. Qui hoạch phát triển về ngành, về lãnh thổ chưa được xác định cụ thể. Đến khi vào dự án phải bàn bạc qua nhiều cấp, từ trung ương đến địa phương. Một cấp chưa đồng ý là tất cả đình lại.

Ví dụ, dự án phát triển chăn nuôi đàn bò, chế biến sữa của Thành phố Hồ Chí Minh liên doanh với New Zeland đệ trình lên chính phủ. Thủ tướng, phó thủ tướng đều đồng ý. Vào thẩm định, trắc trở vì có ý kiến cho rằng ngành công nghiệp chế biến này sinh lợi cao, không nên cho nước ngoài đầu tư. Công nghiệp ximăng cũng vậy. Lúc thì được định hướng là ngành phải dành cho doanh nghiệp trong nước đầu tư, khi lại cho kêu gọi nước ngoài bỏ vốn. Cảm tưởng của người ngoài nhìn vào là khi " mở ", lúc " đóng " không đoán trước được.

Định hướng qui hoạch chưa xác định cụ thể, cộng với thiếu thành thạo trong xây dựng dự án vay tín dụng các định chế quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát

triển Á châu (ADB), v.v... – mỗi nơi mỗi có những yêu cầu, quy định cá biệt – là nguyên nhân chính gây chậm trễ sử dụng tổng số 1,8 USD tín dụng đã được nghị định tài trợ tháng 11.1993 tại Paris hứa cấp cho Việt Nam : năm 1994 mới dùng được 400 triệu.

Điều đáng ngại trong việc thay đổi thất thường định hướng là e rằng hiện tượng này chẳng phải do chiến lược đã chín muồi suy tính. Mà thực chất chỉ là những dao động của thể quân bình mong manh giữa các thế lực nắm quyền trong Đảng cộng sản Việt Nam.

**T**inh thần “ ban cho ” phổ biến trong các cơ quan quyết định chấp nhận hay từ chối dự án đầu tư. Muốn được việc, người đầu tư phải “ xin ”. Có xin, có cho, nên có mặc cả. Nước càng đục, một số người càng dễ trục lợi.

Tiếp xúc với cán bộ, người ngoại quốc cảm nhận ở một số nhà quản lý xí nghiệp, cán bộ chính trị lối suy tư theo nề nếp quen được bao cấp. Mơ tưởng người nước ngoài thay nhà nước và viện trợ Liên Xô mà rót vốn liếng cho mình. Tiếp nhà đầu tư, hoặc đại diện tổ chức phi chính phủ, thay vì đặt vấn đề : “ *Dự án của ông là gì ?* ”, câu hỏi giáo đầu của họ thường là : “ *Ông đem đến bao nhiêu đôla ?* ” Và câu hỏi này rất có ý nghĩa với doanh nhân ngoại quốc !

Nói chung, văn hoá công nghiệp chưa đi vào nề nếp. Thói nhìn ngắn hạn trục lợi trước mắt làm nảy nở cung cách làm ăn chụp giựt. Xa lạ với những khái niệm năng suất, quản lý, chất lượng. Việc có thể hiểu và thông cảm được.

Điều làm cho người nước ngoài ngạc nhiên là có những cán bộ trung và cao cấp tự cho rằng mình đã thành thạo lắm rồi, trong khi họ lẩn lộn làm ăn phe phẩy với phát triển kinh tế. Khi thương thảo, một số người đứng đàm phán bên phía Việt Nam tỏ ra ngây ngô mà ngạo nghễ, đa nghi và ưa khôn vặt. Vì tự tôn không đúng chỗ, họ dễ phật lòng về những chuyện dẫu dẫu, bắt bẻ từng li từng tí chi tiết nhỏ nhặt, đôi khi áp đặt những điều kiện mà họ không nghĩ tới rằng bên đối tác không thể nào chấp nhận được. Dự án có khi không thành vì những chuyện chẳng đáng. (Y. Madesclaire, tư liệu đ. d.)

Nhân công Việt Nam không được đào tạo thành nghề. Từ cấp thấp cho đến kỹ sư đã theo hết 5 năm đại học, cấp nào cũng cần được đào tạo bổ túc. Nhận xét của người nước ngoài phù hợp với số liệu của Sở thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. Được tuyển vào xí nghiệp, kỹ sư và kỹ thuật viên cần được bổ túc huấn luyện về điều khiển dây chuyền sản xuất (60,9%), quản lý kinh tế và tiếp thị (8,5%), tin học (2,6%). Đối với công nhân, chẳng những phải đào tạo về sửa chữa, bảo quản máy móc (4,6%) mà tuyệt đại đa số phải học thêm về vận hành trang thiết bị (95,4%). Trong điều kiện trường học trong nước, chuyện này không đáng lấy làm lạ. Tuy nhiên phí tổn đào tạo bổ túc làm giảm sức hấp dẫn giá nhân công rẻ.

Điều đáng lo hơn là một nhận xét khác của người nước ngoài : khéo tay khéo chân sửa chữa vặt vãnh thì có, nhưng đến khi phải vào hệ tiêu chuẩn công nghiệp thì nhân viên Việt Nam thường bị vấp vấp. Vì thiếu tính nghiêm cẩn trong xây dựng dự án cũng như trong tổ chức công việc. Những cố tật này làm cho người Việt gặp khó

khăn trong việc nắm bắt kỹ thuật hiện đại.

Kết luận chung là không thể trông mong sớm có năng suất cao ở Việt Nam. (Y. Madesclaire, tư liệu đ. d.)

## Cải tổ, cải tổ, cải tổ...

Chính phủ cũng đã nhận diện những vấn đề trọng điểm cấp thiết. Và đã quyết định một loạt cải tổ. Từ nguyên tắc thủ tục cho đến nhân sự.

**C**ác biện pháp cải thiện môi trường đầu tư đang được chính phủ nghiên cứu. Trong đó có dự định giảm giá đất khoảng 20%. Đầu tháng 6.1994, tại quốc hội, thủ tướng Võ Văn Kiệt cho biết ông đang chỉ đạo để các hồ sơ đầu tư nước ngoài được giải quyết “ *trong vòng một tháng* ” và thực hiện “ *chế độ một cửa* ”. Sẽ qui định thời gian, tiêu chuẩn, định mức các thủ tục. Lần này cuộc cải tiến thủ tục đầu tư có tầm vóc sâu rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp và nằm trong cuộc cải cách thủ tục hành chính quốc gia. (xem thêm phần tin tức số này)

**T**rong hướng tinh giản, trẻ hoá, tuyển chọn người đạt tiêu chuẩn nghề nghiệp vào làm cán bộ nhân viên cũng đã thấy có một số biện pháp.

Gần 20% cán bộ cao cấp (từ thứ trưởng trở lên) và ở các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành còn nhiều cán bộ đến tuổi hưu trí. Mặc dầu nhiều người sức khoẻ đã giảm, năng lực hạn chế nhưng chưa về nghỉ hưu. Không thể sắp xếp cán bộ trẻ thay thế. Trong chỉ thị đề ngày 11.11.94 gửi các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thủ tướng Võ Văn Kiệt yêu cầu “ *thực hiện chế độ nghỉ hưu đối với cán bộ viên chức ngay trong quý 4 năm 1994* ”.

Một dự án pháp lệnh công chức đã được chính phủ đệ trình quốc hội vào giữa tháng chạp 94. Nếu được thông qua thì con số hiện nay 1 129 000 cán bộ viên chức sẽ giảm nhiều. Và tuyển dụng công chức phải qua thi tuyển công khai căn cứ vào bằng cấp.

Ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, được chú trọng. Thủ tướng chỉ thị tới cuối năm 1997 toàn bộ quan chức cấp thứ trưởng và vụ trưởng phải sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ. Và một lớp học Anh văn đầu tiên dành riêng cho công chức cao cấp đã được mở ra ở Hà Nội (ĐĐ, số 38, 2.95, tr. 11)

Những thay đổi thật cần và cấp thiết. Để đáp ứng với nhịp độ biến chuyển đang tăng tốc khi đất nước bước vào hoà nhập với các nước trong khu vực.

Tháng 7. 1994 hội nghị các ngoại trưởng ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á) đã thoả thuận chấp nhận sự gia nhập của Việt Nam sau khi giải quyết xong một số vấn đề kỹ thuật. Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã có thư chính thức ngày 17.10.94 gửi chủ tịch uỷ ban hội viên của ASEAN hoàng thân Mohamed Bolkiah ngoại trưởng Brunei, người ta chờ đợi hội nghị các ngoại trưởng ASEAN vào tháng 7.1995 ở Brunei sẽ chính thức thông qua sự gia nhập của Việt Nam. Riêng việc làm thành viên ASEAN đã đòi hỏi hàng năm Việt Nam có mặt trong hơn hai trăm cuộc họp. Nghĩa là yêu cầu một loạt công chức cao cấp thạo tiếng Anh, có kiến thức, có năng lực.

**C**hua kể những yêu cầu nhân sự trong nhiều lĩnh vực khác. Như cải cách hệ thống thuế cho thuế suất công bằng hơn, bảo hộ được sản xuất trong nước ở mức hợp lý, như hoàn chỉnh và ban hành Luật ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, những việc làm cần thiết trước mắt trong năm 1995.

Vì cho đến nay, nhà nước Việt Nam vẫn chưa có luật ngân sách để bảo đảm nguyên tắc thu đủ, chi đúng. Phó thủ tướng Phan Văn Khải cho biết có đến 80% chi tiêu trong ngân sách nhà nước năm 1993 (tổng số ngân sách khoảng 36 000 tỷ đồng tương đương với 3,3 tỷ USD) không được sử dụng đúng mục tiêu : “ *Sự tùy tiện trong sử dụng ngân sách còn rất phổ biến. Tiền ra khỏi kho bạc là coi như xong. Bộ tài chính không nắm được là chi cho cái gì, có đúng mục tiêu không, có đúng giá không ? Có địa phương dùng tiền đầu tư trồng rừng để mua xe hơi, xây trụ sở. Thậm chí có nơi xin tiền mua thóc cứu đói cho dân, nhưng lại chi xài sang việc khác. Năm 1993, các địa phương thu thuế vượt 4 000 tỷ đồng nhưng đã giữ lại chi tiêu tới 1 970 tỷ. Chưa ai biết chắc chắn con số này đã được chi đi đâu ?* ” (ĐĐ số 29, 4.94)

Giai đoạn trước mắt, có hoàn chỉnh được khung pháp lý, có cải cách được sâu rộng các lĩnh vực chính yếu của nền hành chính : tổ chức cơ cấu, nguyên tắc thủ tục, nhân sự mới mong tăng hiệu quả thực hiện các chính sách ban hành. Mới đi tới sự kết hợp chặt chẽ giữa cải cách hành chính với cải cách kinh tế.

### Một cuộc giảng co...

**C**hỉ một việc cải tiến thủ tục đầu tư, bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban nhà nước hợp tác và đầu tư Đậu Ngọc Xuân đã nhìn nhận : “ *Khó đấy. Không dễ gì ngay lập tức thay đổi được đâu. Vì vậy đây là cuộc đấu tranh kiên trì và quyết liệt, phải đồng bộ vĩ mô với vi mô, trên với dưới.* (...) ”

“ *Tôi quá biết có người không muốn thực hiện, (...)* ” (Lao Động 1.1.95)

Chẳng dễ gì đẩy lui ý chống cải tổ hành chính. Vì nước có đục mới dễ thả câu. Và tình trạng hiện hành cho phép câu những mẻ rất lớn. Không nói chi nhiều đến buôn lậu, lãng phí, tham nhũng, chỉ xin nêu vụ vừa xảy ra vào cuối năm 1994 : một việc bà giám đốc công ty Quyết Thắng Trần Xuân Hoa lừa gạt rồi bỏ trốn là vèo mất 40 triệu USD. Ngân sách nhà nước – nghĩa là người dân – ề cổ ra gánh nợ. Tròm tròm với tổng số vốn 42 triệu Ngân hàng phát triển châu Á tài trợ cho dự án phát triển toàn ngành giáo dục trung học, trung học phổ thông (22 triệu) và trung học chuyên nghiệp (20 triệu).

**C**âu hỏi lớn là quyền hạn thực sự của chính phủ trong việc cải tổ hành chính được tới đâu. Thủ tướng chỉ thị chế độ nghỉ hưu. Câu trả lời phải chăng gián tiếp có trong Báo Nhân Dân số 25.11.94, tác giả bài trong mục “ *xây dựng Đảng* ”, nhắc rằng “ *ngỉ hưu là chính sách của Đảng và Nhà nước* ”. Nào phải một chỉ thị của thủ tướng là đủ ? (ĐĐ số 37, 2.95)

Dự án pháp lệnh công chức đưa cán bộ dân cử, cán bộ xã, cán bộ làm ở các doanh nghiệp nhà nước, cán bộ trong lực

lượng vũ trang gồm cả bộ đội và công an ra ngoài qui chế công chức. Nhưng, riêng cán bộ các cơ quan của Đảng cộng sản, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội thì dự án không dứt khoát mà “ *để cho cấp có thẩm quyền quyết định* ”. (ĐĐ số 38, 2.95, tr. 6)

Sai phạm thì nhan nhản, nhưng mãi đến tháng 10.1994 mới thấy lần đầu tiên thủ tướng Võ Văn Kiệt ký quyết định khiển trách Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cách chức chủ tịch và phó chủ tịch tỉnh Nguyễn Minh Ninh và Nguyễn Văn Hằng vì “ *những sai phạm trong thực hiện chính sách nhà đất* ”.

Có thể suy diễn những sự kiện nói trên là do sức giằng co của những thế lực bấu níu lấy tình trạng nhập nhằng hiện nay trong pháp lý, trong cơ cấu tổ chức quyền lực, trong nhân sự, v.v... nhằm giữ lấy đục nước cho béo cò. Đã đành.

Nhưng cơ sở làm cho giằng co còn đó và còn kéo dài chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt là sự thiếu rõ rệt trong quan niệm về ý nghĩa, chức năng của pháp lý, sự không dứt khoát trong quan niệm về chức năng, quyền lực nhà nước của đảng độc quyền cầm quyền đứng trước thực tại ngày nay.

\* \* \*

**C**ứ nhìn vào tình huống các nước châu Mỹ latin, các nước Đông Âu thì rõ : cơ chế kinh tế thị trường mở ra nhiều hướng. Khả năng phát triển kinh tế và xã hội. Cũng như khả năng đất nước bị một bọn đầu cơ con buôn thống trị, bị ràng buộc bởi một thứ lệ thuộc mới.

Sau khi kinh tế đã được giải toả bước đầu, ưu tiên phải dành cho xây dựng một nhà nước trong sạch, có hiệu lực, có năng lực, tạo ra môi trường kinh tế và xã hội thuận lợi cho phát triển bền lâu trong ổn định.

Vì lẽ giản đơn rằng nhà nước mà yếu, có tiếng mà chẳng có miếng, thuế má thất thoát, ngân sách đem sử dụng tùy tiện không kiểm soát được, thì lấy đâu ra sức mà tiếp tục thực hiện một chính sách kinh tế dài hơi đúng đắn, mà thể hiện một chính sách xã hội công bằng giải toả được những căng thẳng trong một xã hội nhiều thành phần.

**V**ậy thì đại hội sắp tới của Đảng cộng sản Việt Nam là vô cùng quan trọng ư ? Có và không. Nghị quyết của đảng cầm quyền bao giờ chẳng có tầm quan trọng của nó.

Nhưng những yếu tố quyết định cho phát triển bền lâu là trình độ, văn hoá, óc năng động kinh doanh, là ý thức công dân, là lợi ích của phát triển được phân phối công bằng và hợp lý. Những vấn đề cơ bản mà phần lớn lại tùy thuộc vào người dân.

Nếu mà người dân thờ ơ, bàng quan trước những sự kiện chính trị can hệ đến đời sống hàng ngày và tương lai của mỗi người thì hơn bao giờ hết phải nhìn lại những vấn đề cơ bản.

Thật là bút dây động rừng. Nhưng một khi đã nêu lên trọng điểm cấp bách trước mắt, tránh sao cho khỏi phải bàn đến những vấn đề nền móng cho đời sống xã hội !

Xin đề cập những vấn đề này trong một số tới.

**bùi mộng hùng**

(2. 1995)

# Thông tin và phát triển kinh tế : Con đường cho Việt Nam

Vũ Quang Việt\*

*Công nghiệp hoá và kinh tế thông tin, Con đường của Việt Nam ? là một bài viết cho Hội Nghị về kinh tế thông tin và công nghệ thông tin tại Hà nội, trong chương trình nghiên cứu có tài trợ của Christopher Reynolds Foundation New York.*

*Bài gồm ba phần. Hai phần đầu đánh giá quá trình phát triển kinh tế trên cơ sở cuộc cách mạng động lực cuối thế kỷ 19 cho tới cuộc cách mạng công nghệ thông tin hiện nay.*

*Từ những nhận xét đó tác giả phân tích những thay đổi cần phải có về phương thức sản xuất và chính sách của một nước chậm phát triển như Việt Nam. Đó là nội dung chính của phần III : Thông tin và phát triển kinh tế : Con đường cho Việt Nam, trích đăng sau đây.*

## 1. Định nghĩa khu vực kinh tế thông tin

Như đã được trình bày ở trên, vai trò của thông tin trong quá trình công nghiệp hoá không phải là mới. Cái mới đáng để ý là công nghệ thông tin ngày nay và sắp tới sẽ thay đổi toàn diện nền kinh tế các nước về phương pháp sản xuất cũng như quản lý và làm cho quá trình công nghiệp hoá nhanh chóng hơn và hiệu quả hơn. Công nghiệp hoá tại các nước tiên tiến sẽ tập trung phát triển mạnh dịch vụ, xuất khẩu dịch vụ trong đó quan trọng nhất là các ngành cung ứng thông tin. Điều này không có nghĩa là họ sẽ sản xuất ít hàng hoá đi mà là sản xuất ngày càng nhiều hàng hoá nhưng với giá ngày càng rẻ khiến cho tỷ trọng đóng góp của hàng hoá vào tổng sản lượng trong nước (GDP) ngày càng nhỏ.

Để có thể thấy được hướng chiến lược mà Việt Nam cần có, ta không thể không đi sâu hơn vào phân tích vai trò cụ thể của thông tin trong nền kinh tế mà các nhà kinh tế đã gọi là kinh tế thông tin (economics of information). Thông tin bao gồm nhiều hoạt động, cụ thể là những hoạt động sản xuất ra thông tin, sản xuất ra công cụ phục vụ xử lý thông tin, môi giới buôn bán thông tin. Trên cơ sở định nghĩa trên<sup>(1)</sup>, ta thấy hoạt động thông tin gồm những ngành sau :

- Giáo dục, nghiên cứu, huấn nghệ, tư vấn ;

- Sản xuất, phát hành, buôn bán sách báo, tin tức, dữ kiện, số liệu kể cả sản xuất giấy ;
- Hoạt động quảng cáo, tiếp thị ;
- Hoạt động truyền thanh, truyền hình có tính chất thông tin ;
- Hoạt động của nhà nước nhằm phục vụ việc sửa soạn, theo dõi thực hiện chính sách và tình hình kinh tế, xã hội ;
- Bưu điện, điện thoại, truyền tin kể cả sản xuất ra công cụ phục vụ chúng ;
- Sản xuất phần cứng và phần mềm để xử lý thông tin ;
- Hoạt động phân phối (chuyên chở, thương nghiệp) phương tiện thông tin ;
- Hoạt động kế hoạch, tài chính, kiểm toán, tư vấn luật pháp, tiếp thị, v.v... nhằm cung cấp thông tin cho quản lý làm quyết định trong các doanh nghiệp ;
- Hoạt động tư vấn về mọi phương diện phục vụ nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân về sản xuất hàng hoá cũng như đầu tư tài chính.

Năm 1990, hoạt động thông tin ở Mỹ chiếm 47,4% tổng số lao động, ở Anh chiếm 45,8%, ở Pháp chiếm 45,1% và ở Đức chiếm 40,0%<sup>(2)</sup>. Nếu tính theo tỷ lệ đóng góp vào GDP của hoạt động thông tin thì con số có lẽ cũng tương tự. Như vậy nếu so với hoạt động công nghiệp chế biến (coi bảng 1) thì hoạt động kinh tế thông tin rõ ràng là rất quan trọng. Nếu chỉ nhìn vào hoạt động công nghệ thông tin (information technology) gồm sản xuất phần cứng, linh kiện bán dẫn, phần mềm, dụng cụ và dịch vụ tin học và viễn thông (computer and telecommunication services)<sup>(3)</sup> thì những hoạt động này tăng rất nhanh và đã đạt mức đáng kể. Ở Mỹ, giá trị sản xuất máy móc, dụng cụ tin học và viễn thông năm 1994 là 145 tỷ USD và dịch vụ tin học và viễn thông là 431 tỷ (coi bảng 2). Nếu tính theo đóng góp vào GDP thì năm 1991 những hoạt động này ước tính đóng góp 4,4% vào GDP và năm 1994 là 4,7%, lớn hơn nông nghiệp và xây dựng khi tính riêng rẽ từng ngành. Như vậy công nghệ thông tin chỉ là một phần rất nhỏ (10%) của ngành kinh tế thông tin. Không nên chỉ để ý đến công nghệ thông tin mà không thấy tầm quan trọng của hoạt

**Bảng 1**

Dịch vụ thông tin, xử lý thông tin cao cấp phục vụ kinh doanh  
Tỷ lệ % đóng góp vào GDP theo thống kê mới nhất

	Mỹ	Mã Lai	Thái Lan	Việt Nam
Thông tin, liên lạc	2,6	1,6	1,3	0,3
Tài chính, tín dụng	6,1	5,2	4,6	1,6
Dịch vụ kinh doanh, pháp lý	5,0	2,1	0,6	
Dịch vụ chuyên môn trong xí nghiệp	4,1	0,4	0,4	
Tổng số	17,8	9,3	6,9	1,9

động kinh tế thông tin nói chung. Tuy nhiên, sự tập trung chú ý vào ngành tin học và viễn thông là do khả năng của nó làm thay đổi công nghệ sản xuất ở các ngành khác chứ không chỉ phải ở chính nó, hay nói một cách cụ thể hơn nó là công cụ

\* Tiến sĩ kinh tế, chuyên viên thống kê kinh tế Liên Hiệp Quốc

tăng khả năng thu thêm thông tin, tạo thêm thông tin và tăng năng suất lao động trong khu vực kinh tế thông tin, qua đó tạo ra thêm, tạo ra nhiều hơn các hàng hoá khác và tăng năng suất lao động nói chung.

Như vậy công nghệ thông tin chỉ có ý nghĩa nếu người quản lý nền kinh tế coi thông tin là một động lực cực kỳ quan trọng để phát triển kinh tế, có khả năng tổ chức thông tin, thu thập thông tin, xử lý thông tin nhanh chóng và tạo ra ngày càng nhiều thông tin thông minh có giá trị. Có thể nói đây là điểm mấu chốt trong phát triển. Giả dụ một ngân hàng không có người hiểu biết nghiệp vụ biết thông tin nào cần thiết, và lại không có người có khả năng tổ chức lấy, lưu giữ và phân tích dữ liệu, kế toán một cách khoa học thì dù có

công nghệ tiên tiến cũng vô ích. Hơn nữa nếu những thông tin về ngân hàng không được phổ biến thì những người lãnh đạo, cơ quan quản lý nhà nước, những người kinh doanh không thể có được những quyết định đúng đắn và kịp thời. Dân chủ trong kinh tế đòi hỏi phải có dân chủ trong thông tin.

Tuy vậy cần phải thấy rằng việc tin học hoá thông tin không những chỉ làm cho việc xử lý thông tin nhanh mà còn qua đó tạo ra nhiều thông tin mới do biết kết hợp xử lý thông tin đã có để có được thông tin mới có giá trị hơn. Vì vậy tin học hoá là bước cần thiết để tạo thêm thông tin. Và lại thông tin nhanh là điều cực kỳ quan trọng vì nếu thông tin chậm thì giá trị của nó cũng mất đi rất nhiều. Tôi có một anh bạn làm trong một ngân hàng lớn của ngoại quốc ở Mỹ kể một chuyện đơn giản nhưng lý thú là trong một cuộc họp của nhân viên cao cấp để bàn về tin học hoá hệ thống ngân hàng của họ, họ đã đi đến một quyết định là phải đưa công cụ tin học mới nhất vào và mua các dịch vụ tin học phục vụ ngân hàng tiên tiến nhất với bất kể giá nào, không sợ sai sót. Đây cũng chính là quyết định đã làm cho ngân hàng họ tạo được thế cạnh tranh hiện nay. Ở Liên Hiệp Quốc, nơi tôi làm việc, tin học hoá hết sức trì trệ bởi vì trong một thời gian dài không phải chỉ vì thiếu ngân sách mà cũng vì giới quan chức cao cấp muốn kiểm soát tất cả mọi thư từ, bài viết của mọi nhân viên; không có một lá thư nào gửi ra dùng giấy có nhãn Liên Hiệp Quốc, dù là trả lời một câu hỏi về kỹ thuật dùng thống kê, mà

không có từ 3 - 4 chữ ký. Việc sử dụng hệ thống mạng Internet hiện nay đã làm cho chữ ký mất ý nghĩa. Vì vậy vấn đề bảo mật và trách nhiệm cần phải được đặt lại trong môi trường công nghệ mới.

Có lẽ ít thấy nước nào có chính sách rất rõ ràng về thông tin như Nhật. Rất lý thú nếu ta thấy rằng hiện nay Nhật là

**Bảng 2**  
Giá trị sản xuất của các hoạt động thuộc công nghệ thông tin ở Mỹ  
Tỷ USD

	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993	Tốc độ tăng 1 năm 91/93
1. Linh kiện bán dẫn	17,9	20,3	23,3	24,0	27,4	32,4	37,6	17,1
2. Máy tính và phụ tùng	55,8	62,8	59,8	58,9	54,7	58,0	62,5	10,3
3. Công cụ viễn thông	31,8	33,6	32,8	36,1	35,6	36,0	36,3	1,5
<b>4. Công cụ tổng cộng</b>	<b>105,5</b>	<b>116,7</b>	<b>116,1</b>	<b>119,0</b>	<b>117,7</b>	<b>126,4</b>	<b>136,4</b>	<b>7,7</b>
5. Dịch vụ thông tin điện tử					10,2	11,7	13,6	15,5
6. Dịch vụ xử lý thông tin					35,6	40,7	46,6	14,2
7. Dịch vụ viết, tư vấn phần mềm, thiết kế, lắp đặt hệ thống					49,4	55,4	60,9	11,0
8. Phần mềm làm sẵn					25,3	28,5	32,0	12,5
<b>9. Dịch vụ tin học</b>					<b>169,9</b>	<b>191,7</b>	<b>213,8</b>	<b>12,2</b>
<b>10. Dịch vụ viễn thông</b>			<b>148,0</b>	<b>151,9</b>	<b>161,1</b>	<b>169,2</b>	<b>179,4</b>	<b>5,5</b>
10.1 Nội địa			143,0	145,1	153,9	160,5	169,0	4,8
10.2 Quốc tế			5,0	5,8	7,2	8,7	10,4	20,2
<b>11. Tổng dịch vụ (9+10)</b>					<b>331,0</b>	<b>360,9</b>	<b>393,2</b>	<b>9,0</b>

Nguồn : U S Industrial Outlook 1994, U S Department of Commerce, 1994/

nước thua Mỹ rất xa về phần mềm, sử dụng phương tiện tin học, thông tin và công nghệ thông tin<sup>(4)</sup> vì hai lý do chính : giáo dục thì nhồi sọ, thiếu tư duy độc lập, viễn thông thì độc quyền. Tuy vậy Nhật lại hơn Mỹ rất nhiều về thông tin mà chính phủ họ thu thập đặc biệt là về nền kinh tế Nhật và các nước mà họ có liên hệ ngoại thương nhiều. Chính phủ Nhật đã từ lâu đặt nặng vấn đề có thông tin về khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Ngay từ thời Minh Trị, họ đã chủ trương mời giáo sư sang Nhật dạy để phổ biến nhanh chóng và rộng rãi khoa học tiên tiến (dĩ nhiên là họ không cấm cửa du học). Họ cũng chủ trương dịch sách nước ngoài ra tiếng Nhật để phổ biến kiến thức. Những chính sách này vừa tiết kiệm vừa tránh chảy máu chất xám. Về thông tin kinh tế, có thể nói họ đã có chính sách thu thập số liệu rất chi tiết và rất coi trọng công tác thống kê, đó cũng là lý do họ có ngày thống kê trên đất Nhật để giáo dục dân chúng ý thức về giá trị của thống kê. Trong sản xuất, xí nghiệp của họ thu thập thống kê sản xuất chi tiết về từng quá trình sản xuất, từng nhóm sản xuất, nhờ đó mà họ có thể tổ chức các nhóm kiểm soát chất lượng để bình luận, góp ý kiến thay đổi phương pháp sản xuất và quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất. Bảng cân đối liên ngành (*input - output table*) của Nhật, với mục đích mô tả chi tiết các kỹ thuật sản xuất, sử dụng hàng hoá và dịch vụ, phân bố lao động, được làm cho cả giá trị và sản lượng là bảng chi tiết nhất thế giới được thu thập đều đặn để cơ quan MITI

hướng dẫn sản xuất. Không những thế, hầu hết các bảng cân đối liên ngành ở Á châu (Thái Lan, Mã Lai, Phi, Hàn quốc, Indonesia) đều được họ viện trợ giúp đỡ thực hiện với mục đích để hiểu rõ về nền kinh tế các nước này. Phải chăng Nhật phát triển kinh tế nhanh, không những không phải họ chỉ đầu tư nhiều hơn mà còn có hệ thống tổ chức thu thập thông tin, phân tích và sử dụng hiệu quả hơn nước Mỹ? Điều mà có thể làm nhiều người lạ lùng khi tiếp xúc với người Nhật tham gia hoạt động quốc tế là họ rất kém ngoại ngữ, như thế nếu không có hệ thống thu thập và phổ biến thông tin hữu hiệu thì làm sao họ có thể bành trướng thị trường nhanh chóng như vậy? (Dĩ nhiên đây chỉ là nhận xét cần kiểm chứng và dĩ nhiên là không dễ). Hiện nay nhằm lấy thông tin kỹ thuật ở Mỹ, Nhật phát triển việc đầu tư mua các viện nghiên cứu, mua cổ phần các công ty sử dụng chất xám và tài trợ nghiên cứu ở Mỹ.

## 2. Thị trường kinh tế thông tin ở các nước phát triển

Ở các nước tiên tiến, đặc biệt ở Mỹ, ảnh hưởng của công nghệ thông tin đã lan rộng vào ngành tài chính ngân hàng và chỉ trong một khoảng thời gian ngắn sắp tới người ta có thể tiên đoán là những luật pháp kiểm soát hoạt động tài chính ngân hàng cũng sẽ phải thay đổi về cơ bản để phù hợp với thay đổi về chất trong cạnh tranh kinh tế do kỹ thuật tạo ra. Ngành ngân hàng ở Mỹ cho đến nay không được đặt chi nhánh ngoài biên giới tiểu bang. Nó cũng không được tham gia vào hoạt động môi giới phát hành và buôn bán chứng khoán cũng như bảo hiểm. Những luật lệ này được đặt ra là nhằm chống độc quyền đồng thời tạo dễ dàng cho nhà nước kiểm soát hoạt động tài chính khác nhau, tránh tình trạng phá sản dây chuyền như những năm 30 trong thời kỳ đại khủng hoảng. Tuy nhiên với công cụ tài chính mới ra đời như *market funds, mutual funds*<sup>(5)</sup> của các công ty tài chính không phải là ngân hàng đã trực tiếp cạnh tranh với dịch vụ cơ bản của ngân hàng. Hơn nữa ngân hàng nước ngoài khi được phép làm ăn ở Mỹ lại không bị giới hạn vào một tiểu bang. Tình trạng này ngày càng làm tăng sự thất thế của ngân hàng Mỹ, buộc họ phải áp lực đòi hỏi quốc hội thay thế luật. Cùng với sự phát triển của tin học và mạng lưới điều hành hữu hiệu đã được đầu tư xây dựng của ngân hàng, ngân hàng ngày càng có nhu cầu tham gia vào nhiều hoạt động tài chính khác nhau để sử dụng được tối đa lợi thế thông tin và khả năng xử lý thông tin của họ để cạnh tranh không những ở Mỹ mà còn trên thị trường tài chính thế giới. Chính vì vậy, xu hướng tương lai sẽ là kinh doanh tổng hợp ở mức độ rộng lớn hơn hiện nay rất nhiều. Nếu đã cho phép như thế thì nhiệm vụ báo cáo thống kê của doanh nghiệp và nhiệm vụ qui định báo cáo, theo dõi thống kê, nhiệm vụ kiểm soát và thanh tra của nhà nước để điều hành nền kinh tế sẽ trở nên khó khăn và phức tạp hơn hiện nay rất nhiều. Nhà nước sẽ chỉ có thể điều hành hữu hiệu nếu nắm đầy đủ và kịp thời thông tin.

## 3. Để xây dựng nền kinh tế thông tin

Muốn có nhiều thông tin, ngoài việc tăng cường giáo dục, nghiên cứu, huấn luyện truyền bá kiến thức, v.v..., ta phải có những điều kiện sau:

– Nhà nước cần tạo ý thức trong dân về giá trị của

**thông tin**: Người dân được quyền đòi hỏi có thông tin nếu không phải là bí mật quốc gia hoặc bí mật về kỹ thuật của tư nhân.

– Nhà nước cần có chính sách rõ ràng về bí mật quốc gia: Những gì cấm thì không được lưu hành những gì không cấm thì tự do lưu hành. Vấn đề bảo mật là cực kỳ quan trọng cho an ninh quốc gia và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhưng những gì cần bảo mật cần được phân tích để có được chính sách đúng đắn, nếu không nó sẽ trở thành vật cản quá trình tiến hoá của một quốc gia<sup>(6)</sup>.

– Quốc hội cần có luật pháp và qui định về những loại thông tin cần thu thập và bổn phận công dân của cá nhân hoặc doanh nghiệp phải báo cáo: Chắc có người sẽ ngạc nhiên mới đây quốc hội Mỹ phải bàn về việc ra luật đòi hỏi ngân hàng phải báo cáo thường xuyên về màu da và chủng tộc của những người mà ngân hàng cho vay. Lý do là họ muốn theo dõi xem ngân hàng có kỳ thị chủng tộc khi cho vay không? Thời tổng thống Bush, cũng có lập một Ủy Ban Tổng Thống (President's Commission) để xem xét lại việc phân ngành dịch vụ vì phân ngành trước kia đã lỗi thời không cho phép biết rõ về các loại dịch vụ trong công nghệ thông tin và tài chính như các dịch vụ khác. Điều này cần thiết vì xuất khẩu dịch vụ hiện nay có tính chiến lược đối với kinh tế Mỹ. Các nước phát triển kể cả nhiều nước đang phát triển cũng đã có luật thống kê và các qui định cụ thể về các thống kê cần thu thập, bổn phận công dân phải báo cáo đúng, và thời gian cơ quan làm thống kê phải xuất bản. Thường họ có Hội đồng Thống Kê Quốc Gia, có khi do thủ tướng chủ tọa hoặc cấp cao trong chính quyền, thường họp mỗi năm một lần<sup>(7)</sup> để quyết định về các chương trình thu thập thống kê và giao cho các đơn vị thu thập thống kê thực hiện. Ở nhiều nước, ngân sách để lấy thống kê cơ sở là do quốc hội quyết. Ở Việt Nam, số liệu thông tin do Tổng Cục Thống Kê xuất bản đã có tiến bộ hơn trước rất nhiều nhưng vẫn không theo kịp với yêu cầu theo dõi, phân tích phục vụ việc điều hành nền kinh tế xã hội. Thống kê bộ ngành không thấy xuất bản chính thức nên không biết chất lượng ra sao. Mặc dù cho đến nay cũng chưa có một đánh giá chính thức nào một cách cụ thể và chi tiết về tình hình (chất lượng và số lượng) thông tin kinh tế, xã hội, nhưng có thể nói là thống kê Việt Nam thua khá xa Bangladesh, một nước kém phát triển nhất ở Á châu. Lý do chính có lẽ là nhiệm vụ cụ thể trong việc thu thập thông tin chưa được quốc hội và chính phủ xác định rõ ràng bằng luật pháp và qui định cụ thể. Sau đây là vài dẫn chứng. Nông nghiệp rõ ràng là quan trọng trong tình hình hiện nay nhưng một quyển sách số liệu nông nghiệp (1991) dày 600 trang và số liệu nông nghiệp gần 200 trang gần đây (1994) không có con số nào về sử dụng phân bón và giá nông sản trên thị trường mặc dầu những con số này rất quan trọng để phân tích thành quả kinh tế của nông nghiệp<sup>(8)</sup>. Về phân bón sản xuất và nhập khẩu có thể kiểm được trong Niên Giám Thống kê hàng năm nhưng lại vô nghĩa vì không được chuyển sang đơn vị tương đương NPK để có thể so sánh. Số liệu xuất nhập khẩu ở các nước khác thống kê chi tiết theo sản phẩm khoảng vài trăm trang, còn Việt Nam chỉ có vài trang sơ lược nhưng trong đó gần 60% không biết là hàng hoá gì, dù ở mức tổng

quát nhất ! Về thống kê ngân hàng thì khỏi phải phê phán vì không được công bố. Điều rất lạ lùng là Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) và Ngân Hàng Thế Giới được cung cấp thường xuyên số liệu về tiền tệ tín dụng còn công dân Việt Nam thì không, dù những số liệu này cũng chỉ ở mức rất tổng hợp. Nhiều số liệu tài chính thuộc Bộ Tài Chính được công bố nội bộ mà tôi được thấy cũng chỉ vài trang sơ lược trong đó lẫn lộn cả phần ý niệm cơ bản, thí dụ “ thuế vốn ” được coi là thuế trong khi nó chỉ là khoản tiền trả lại lãi và vốn do ngân sách cấp. Tôi có thể tiếp tục rất dài với đánh giá này nhưng xin dừng ở đây và hy vọng nhà nước có một công trình đánh giá chính xác và đầy đủ thông tin kinh tế Việt Nam để có cơ sở đưa ra chính sách và các quyết định thích hợp. Cần nhấn mạnh ở đây là việc làm thống kê không chỉ là việc của Tổng Cục Thống Kê mà của tất cả cơ quan quản lý địa phương hoặc bộ ngành nhà nước. Để làm nhiệm vụ quản lý nhà nước hữu hiệu, chính bộ ngành lại cần thống kê rất chi tiết về ngành, bộ phận hoặc địa phương mình quản lý và vì vậy cần có phân công và kết hợp chặt chẽ giữa họ với Tổng Cục Thống Kê. Chẳng hạn, việc thu thập thống kê xuất nhập khẩu cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan. Bộ Thương Mại hoặc Tổng Cục Hải Quan trách nhiệm thu thập thống kê chi tiết về xuất nhập hàng hoá vì hầu hết hàng hoá đi qua cửa khẩu. Ngân Hàng Nhà Nước thu thập thống kê chi tiết về xuất nhập dịch vụ vì thanh toán về dịch vụ thường qua hệ thống ngân hàng. Tổng Cục Thống Kê thu thập thống kê xuất nhập khẩu đối với người không thường trú (xuất nhập khẩu tại chỗ) bằng điều tra, và khi làm tổng hợp điều chỉnh thiếu sót, khác biệt về thời gian ghi chép, ý niệm, sai số thống kê do các cơ quan khác thu thập. Muốn làm được việc này ngoài việc phối hợp phải có bảng phân ngành sản phẩm chi tiết mà cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có.

– **Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và thúc đẩy tin học hoá, đặc biệt trong doanh nghiệp nhà nước và cơ quan nhà nước.** Việc đào tạo chuyên viên tin học, việc theo dõi và đánh giá quá trình tin học hoá của doanh nghiệp là cần thiết. Điều này đòi hỏi việc thu thập thống kê về tình hình áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất (nếu không làm sao đánh giá được tình hình và hiệu quả)<sup>(9)</sup>. Cần có chương trình thường xuyên nâng cao trình độ hiểu biết chung của người trách nhiệm quản lý doanh nghiệp về tin học và sự cần thiết của nó cho tương lai kinh tế nếu như ta muốn đưa tin học nhanh chóng vào sản xuất.

– **Có chính sách đặc biệt đối với giáo dục, y tế và nghiên cứu khoa học :** trong việc trao đổi thông tin trong đó có việc nhà nước tài trợ cho hoạt động này vì đây là hoạt động vô vị lợi có tầm ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với thu nhập họ có thể thu được trực tiếp trên thị trường. Việc tài trợ này có thể thực hiện thông qua việc sử dụng đường chuyển đặc biệt trên mạng quốc gia.

– **Nhà nước cần có chính sách tạo thêm cạnh tranh trong công nghệ thông tin :** Chính sách chống độc quyền là để nhằm giảm giá sử dụng qua đó khuyến khích việc đưa vào áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin : Hiện nay ở Việt Nam giá lắp đặt điện thoại gấp 5 đến 10 lần giá lắp đặt điện thoại ở Mỹ và giá sử dụng điện thoại gấp 3 - 4 lần ở Mỹ<sup>(10)</sup> vì chỉ

có một công ty độc quyền. Công ty độc quyền này lấy lý do là họ cần thu nhiều lợi nhuận để phát triển ngành viễn thông. Thế nhưng quyết định này đưa đến 3 kết quả tiêu cực : (i) doanh nghiệp nước ngoài sẽ gọi điện thoại từ ngoài vào thay vì gọi từ trong ra, (ii) doanh nghiệp trong nước sử dụng ít vì quá đắt vì vậy họ bị hạn chế về liên lạc để nắm thông tin thị trường thế giới và thị trường trong nước và như vậy hạn chế việc áp dụng công nghệ thông tin, (iii) việc thu nhiều thì cũng phải chia nhiều cho doanh nghiệp nước ngoài hùn vốn với Bưu Điện trong nước. Nhiều nghiên cứu ở các nước thứ ba cho thấy là đầu tư vào viễn thông và đưa nó đến những vùng xa xôi cho phép có nhanh chóng thông tin thị trường, giảm tổn kém thời gian di chuyển và tiền sử dụng gửi tin tức bằng các phương tiện khác như đánh điện. Theo một nghiên cứu ở Phi Luật Tân và Kenya, đầu tư đưa đến lợi ích trực tiếp cho người sử dụng ở nhiều hoạt động gấp 40 đến 80 lần chi phí họ trả cho viễn thông<sup>(11)</sup>. Một tài liệu khác về Ấn Độ đánh giá là máy điện thoại lắp ở nông thôn có thể tạo ra thêm 2 300USD trong vòng 15 năm, tức là mỗi năm tạo ra thêm 153USD<sup>(12)</sup>. Ở Việt Nam với địa lý kéo dài, với phương tiện giao thông quá kém và còn lâu mới có tài chính nâng cấp rộng rãi thì việc đầu tư và khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin (đặc biệt là viễn thông) phải được đặt đúng tầm mức. Viễn thông là một hoạt động có thị trường rõ ràng để khai thác, doanh thu cao và phần khá lớn bằng ngoại tệ nên đối với một số dịch vụ ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, nên giữ phần hùn của nước ngoài dưới mức 50% hay tốt hơn là có chính sách hợp tác khai thác với nước ngoài và chia lời như ngành khai thác dầu mỏ hoặc hàng không hơn là hợp tác kinh doanh chỉ dựa vào phần vốn bỏ ra. Như vậy trong nước không cần bỏ vốn nhưng vẫn có phần chia.

– **Qui định chuẩn :** Một vấn đề tối quan trọng trong tin học hoá hoặc đưa công nghệ thông tin vào quản lý là vấn đề chuẩn, chuẩn để hệ thống trong mạng có thể truyền tin và nhận tin của nhau. Trong vấn đề chuẩn có vấn đề chuẩn của tiếng Việt vì nhiều thông tin ở trong nước sẽ bằng tiếng Việt<sup>(13)</sup>. Vấn đề chuẩn trong công nghệ thông tin có tính quốc tế nên vấn đề của Việt Nam sẽ là việc hoạt động hữu hiệu của Ủy Ban Chuẩn Công Nghệ Thông Tin nắm bắt thông tin quốc tế để quyết định về chuẩn hoặc khuyến cáo về các chương trình hoặc dự án đầu tư vào công nghệ thông tin nhằm tránh tình hình không có khả năng liên hệ trong các mạng thông tin<sup>(14)</sup>. Việc chọn chuẩn cho ngành viễn thông đặc biệt quan trọng vì đầu tư vào ngành này sẽ rất tốn kém. Không thể quyết định mua công cụ phỏng hình (analog) trong khi công nghệ tương lai là dùng số (digital). *Việc quyết định chuẩn rất quan trọng trong thời kỳ này khi nhà nước đã cho phép lập nhiều công ty viễn thông. Ban Điều Hành Quốc Gia về Công Nghệ Thông Tin cần được giao phó làm công việc này. Chương trình của Ban Điều Hành dường như đặt quá nặng việc chọn chuẩn cho máy tính trong khi bỏ ngỏ việc chọn chuẩn cho công cụ viễn thông.* Viện Công Nghệ Thông Tin phải là cơ quan chuyên môn theo dõi và phân tích được những phát triển mới nhất trên thế giới để tư vấn Ban Điều Hành Quốc Gia. Viện này cần thiết xuất bản các đánh giá của mình (không phải là dịch) về tình hình phát triển về cả mặt

kỹ thuật và thị trường sử dụng trên thế giới và Việt Nam để giới kinh doanh, nhà nước, các cơ sở giáo dục tham khảo.

– **Xây dựng đội ngũ tin học và chuyên viên làm và xử lý thông tin** : Việc nâng cao nội dung thông tin cả về số lượng và chất lượng thật ra không đơn giản vì nó đòi hỏi việc huấn luyện chuyên gia, từ người biết làm kế toán, làm thống kê trong mọi lãnh vực đến những người có nghiệp vụ thư viện biết phân ngành phân tổ sách vở, tài liệu, nếu không biết thì việc có máy tính có mạng truyền thông, có người biết lập trình giỏi cũng chỉ có giá trị tương đối. Có lẽ ta còn phải đi một bước khá dài, ít nhất là 5 đến 10 năm, trước khi Việt Nam có được một đội ngũ làm tin học khá. Tuy nhiên muốn có đội ngũ này thì việc đầu tiên là phải nhanh chóng thực hiện tin học hoá trong các khu vực thông tin trọng điểm như chính sách về công nghệ thông tin của ta hiện nay đã vạch ra, đó là : khu vực tài chính tiền tệ, khu vực quản lý nhà nước trong chính phủ và khu vực thống kê<sup>(15)</sup>. Từ các chương trình này mà ta xây dựng nên đội ngũ tin học. Để thực hiện được điều này, các hợp đồng với nước ngoài và việc thực hiện nó phải có đòi hỏi cụ thể về chuyển giao công nghệ và phải được hướng dẫn và kiểm soát bởi Ban Điều Hành Quốc Gia về Công Nghệ Thông Tin (đã được thành lập). Đây là đầu tư mặc dù có thể không phải là rất lớn nhưng có ý nghĩa chiến lược để xây dựng công nghệ và con người cho tương lai nên không thể chỉ để những nơi có tiền và có nhu cầu sử dụng, chẳng hạn như Ngân Hàng Nhà Nước hoặc Bộ Tài Chính quyết định toàn bộ, nhất là khi khả năng chuyên môn về công nghệ thông tin của họ giới hạn. Lợi ích đầu tư cần nhân rộng ra cho toàn nền kinh tế. Việc đào tạo đội ngũ tin học trong thực hành, tức là vừa làm vừa học, không phải là chuyện mới mẻ mà đã được áp dụng ở hầu hết các nước phát triển. Rất có nhiều người có bằng cấp đại học ở các ngành nhân văn như văn chương, sử học được chuyển nhanh chóng và thành công sang ngành viết phần mềm cho tin học miễn là những người đó có khả năng xử lý các vấn đề có tính logic. Unisys trong bản báo cáo với chính phủ Việt Nam về Chương Trình Công Nghệ Thông Tin Năm 2000 đánh giá là Việt Nam cần và có thể có 5 000 chuyên viên tin học vào năm 2 000, trong đó 500 người là chuyên viên quản lý thiết kế dự án (project managers), 1500 người là chuyên viên phân tích hệ thống (system analysts), 3 500 là chuyên viên lập trình (programmers). Theo Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn (TBKTSG), Bộ Công Nghệ Môi Trường Việt Nam cho là phải đạt được 4 lần hơn Unisys, tức là 20 000 người<sup>(16)</sup>. Đây là số khả thi ? Hiện nay, cũng theo TBKTSG, đã có 2 000 chuyên viên có bằng đại học về công nghệ thông tin (đây ý nói tin học). Nếu con số này đúng thì phải huấn luyện thêm 3 000 người nữa mới đạt con số của Unisys. Tuy vậy hiện nay mỗi năm TPHCM chỉ cho ra trường được 200 sinh viên chuyên ngành tin học. Như vậy đến năm 2 000 sẽ có thêm 1 200 người nữa nếu như không tăng nhanh số sinh viên lên. Nếu Hà Nội cũng sản xuất một con số tương tự thì ta cũng chỉ đạt thêm tổng cộng là 2 400 người. Như vậy vào năm 2 000, Việt Nam có khoảng 5 000 chuyên viên tin học. Hơn nữa cũng cần đánh giá trong số này và trong số có sẵn 2 000 hiện nay có bao nhiêu người thực sự có thể làm tin học (tức là viết được phần mềm cho máy tính chứ không phải

chỉ sử dụng máy tính đánh văn bản hoặc có phần mềm viết sẵn) ? Thống kê này cần thiết để đánh giá khả năng trong tương lai. Như vậy muốn tăng nhanh số chuyên viên ở mức độ có thể viết chương trình cũng cần phải theo một con đường ngắn nhất là tuyển chọn và sử dụng những người đã có bằng đại học có khả năng logic vừa làm vừa học, đồng thời mở các lớp huấn nghệ cho chuyên viên, đặc biệt là chuyên viên nhà nước để nâng họ lên thành chuyên viên tin học, có khả năng ứng dụng tin học vào chính ngành chuyên môn của họ. Con số 20 000 mà Bộ Công Nghệ đưa ra quả là một con số kỷ lục, đòi hỏi nhiều biện pháp nhưng cơ bản vẫn là tăng nhanh số sinh viên ra trường lên gấp nhiều lần so với hiện nay. Số thầy giáo có thể giải quyết bằng cách thuê từ nước ngoài, một việc có lẽ đáng làm<sup>(17)</sup> nhất là hiện nay có tình trạng dư thừa số thầy dạy tin học ở Mỹ. Vai trò tin học đối với Việt Nam hiện nay và trong lâu dài sẽ là ứng dụng vì vậy giáo dục tin học cần đào luyện một số ít chuyên viên chuyên sâu về khoa học tin học (computer scientists) nhưng số đông chuyên viên ứng dụng tin học vào nhiều ngành nghề khác nhau từ giáo dục, kế toán, ngân hàng, xây dựng, kinh tế, và các ngành kỹ thuật khác. Nói đơn giản là tất cả mọi sinh viên đại học các ngành phải học tin học.

“ Chính Sách Quốc Gia Phát Triển Công Nghệ Thông Tin Ở Nước Ta Trong Những Năm 90 ” ban hành theo nghị định 49/CP/1993 là chính sách đúng đắn nhưng cần triển khai khẩn trương nếu như Việt Nam muốn không bị bỏ xa mức phát triển ở Á Châu, đặc biệt quan trọng là việc có chính sách mở rộng cạnh tranh trong ngành viễn thông và nâng cao vai trò quản lý của nhà nước về giá cả và định chuẩn. Tuy vậy chỉ có chính sách này thôi là không đủ, nó phải đi đôi với nhiều chính sách xây dựng cơ sở cho nền kinh tế thông tin ở Việt Nam và tăng cường rộng rãi giáo dục tin học trong đại học.

Vũ Quang Việt

(3.11.1994)

(1) Trong thống kê không thể có ngành kinh tế thông tin. Ngành này phải là tập hợp của nhiều ngành kinh tế khác nhau. Hiện nay chưa có một định nghĩa thống nhất về kinh tế thông tin mặc dù các nhà kinh tế đã bàn đến rất nhiều về kinh tế thông tin. Tuy vậy dù bằng cách đo nào thì kinh tế thông tin ngày càng trở nên quan trọng hơn. Nhà kinh tế Fritz Machlup là người đầu tiên đi vào việc đo lường các hoạt động kinh tế thông tin trong **The Production and Distribution of knowledge in the United States** (1962, Princeton University Press). Gần đây là tài liệu của Marc Porat, **The Information Economy : Definition and measurement**, Special Publication 77-12 (1) U. S. Department of Commerce, Office of Telecommunication, 1977.

(2) Theo nghiên cứu của Manuel Castells và Yuko Aoyama tại đại học California-Berkeley (1992) được trích dẫn ở **The New Global Economy in the Information Age** của Martin Carnoy, Manuel Castells, Stephen Cohen và F. H. Cardoso, Penn State Press, 1993, tr. 17.

(3) Các nhà kỹ thuật cho đến nay khi nói đến IT (Information technology) họ chỉ nói đến hoạt động sản xuất phần cứng và mềm của máy vi tính (coi **Information Technology Outlook 1992**, OCDE, 1992). Theo tôi, IT phải gồm cả viễn thông.

(4) Nhật đã chiếm lĩnh 50% thị trường thế giới về sản xuất linh kiện điện tử loại đại trà như vi mạch bộ nhớ (DRAM) sử dụng trong máy vi tính, hàng điện tử thông dụng như TV, cassettes, máy ảnh, tủ

lạnh, bếp, máy giặt, xe hơi, v.v... nhưng còn thua xa Mỹ về vi mạch tính toán (microprocessors) và chuyên dụng (Mỹ chiếm 80% thị trường thế giới). Nói tổng quát về sản xuất linh kiện điện tử trên thế giới với thị trường là 76 tỷ USD năm 1993. Mỹ chiếm 32%, Nhật 30%, Âu châu 18%, Á châu trừ Nhật 20% trong đó Hàn quốc 5%, Đài Loan 4%, sau đó là Hồng Kông, Singapore, Mã Lai. (theo **US Industrial Outlook 1994**). Tuy chiếm lĩnh mặt sản xuất công cụ, về phát triển phần mềm và ngay cả sử dụng phần mềm, vai trò của Nhật không đáng kể. Số người có máy vi tính chỉ bằng 1/3 Mỹ, số người có máy gắn vào mạng chỉ bằng 1/6 Mỹ. Ta có thể so sánh công cụ thông tin giữa Mỹ và Nhật năm 1993 trong bảng sau :

	Mỹ	Nhật
Số máy vi tính được nối vào mạng	52%	8,6%
Chỉ số người có máy vi tính	15,6	5,7
Giá trị database (triệu USD)	1276	215
Số đơn vị cable TV	11075	400
Số người mua dịch vụ cable (triệu)	57,2	1,8
Số người có điện thoại vô tuyến trên 1000 dân	44	13

(Theo Japanese Ministry of Post and Telecommunication). Có hai lý do của việc đi sau này : giáo dục ở Nhật không chú ý vào tư duy độc lập nên không phát triển được dịch vụ phần mềm. Độc quyền viễn thông đã làm giá gần đường chuyển dữ kiện đắt hơn Mỹ từ 5 - 10 lần. Theo **Far Eastern Economic Review, Technology Disconnected**, 30 June 94, Bộ Bưu Điện và Viễn thông Nhật (MPT) dự tính nối đường cáp quang khắp nước vào năm 2010 để bắt kịp các nước khác, dự kiến tốn khoảng 320 - 515 tỷ USD.

(5) Đây là hình thức đầu tư tài chính ít rủi ro, có tính chất ký gởi tiền như ký gởi tiền ở ngân hàng, nhưng phải bỏ vào hoặc rút ra ít nhất là 500USD một lần.

(6) Ở các nước Tây phương như Mỹ ngân sách quốc phòng và an ninh không phải là bí mật quốc gia kể cả các mục chi phí có tính tổng quát. Những chi phí có tính chi tiết cụ thể được giữ bí mật chẳng hạn ngân sách của CIA. Nhưng ngay ngân sách CIA cũng phải báo cáo mật cho một số đại biểu quốc hội đã được chọn lọc cẩn thận để làm nhiệm vụ đại biểu nhân dân của mình là kiểm soát chính quyền. Các thông tin kinh tế xã hội đều công khai. Tuy nhiên thông tin kinh tế có giá trị thương mại, ảnh hưởng ngay thị trường, nên nhân viên nhà nước bị bắt buộc theo luật không được đưa thông tin cho bất cứ ai trước ngày công bố chính thức. Bí mật kinh doanh tùy thuộc hợp đồng cá nhân giữa doanh nghiệp và công nhân của họ : nếu đã được ký kết, nhà nước có nhiệm vụ bảo vệ việc thực hiện hợp đồng. Những hợp đồng này phải không trái với luật pháp nhà nước. Chẳng hạn nếu doanh nghiệp làm kế toán đối trá thì công nhân có quyền đưa ra tố cáo mà doanh nghiệp không được quyền trả thù. Trong việc bảo vệ kỹ thuật đang được nghiên cứu hoặc đang dùng trong sản xuất, nhiều khi công nhân phải ký hợp đồng không được làm cho một công ty khác cạnh tranh lại trong một thời gian nếu họ bỏ việc ; dĩ nhiên họ phải đòi hỏi trong hợp đồng có khoản bồi hoàn trong thời gian họ không được phép làm việc. Có những vấn đề khá phức tạp chẳng hạn như khi một cá nhân hoặc một công ty đi vay ngân hàng, ngân hàng đòi hỏi cá nhân hoặc công ty đó phải nộp tất cả thông tin và bằng chứng về tài sản, nợ nần, thu nhập, lý lịch khai thuế để xét tình hình tài chính của khách hàng trước khi làm quyết định. Những thông tin này rất quan trọng. Để bảo vệ thông tin cá nhân này, luật pháp thường bắt buộc ngân hàng không được đem bán hoặc cho một người thứ ba nào khác sử dụng. Điều này có thể được giải quyết bằng hợp đồng cá nhân nhưng vì dân chúng thường không thể hiểu hết được những khúc mắc trong kinh doanh kể cả ngôn ngữ chuyên môn nên luật pháp thường phải đứng ra bảo vệ một cách tổng quát nhiều quyền riêng tư cá nhân trong một nền kinh tế thị trường như thế.

(7) Đây không phải là đơn vị hành chính nhà nước nên không có chi phí thường ngoài tổ chức hợp.

(8) Coi Tổng Cục Thống Kê, **Số liệu Thống Kê Nông Nghiệp 35 năm (1956 - 1990)** và **Số liệu Thống Kê Nông, Lâm, Ngư Nghiệp Việt Nam, 1985 - 1993**.

(9) Hiện nay mỗi tài liệu đều đưa ra con số khác nhau về máy vi tính, mặc dù con số nào cũng phản ánh tình hình không đáng kể. Bản báo cáo của Jan Annerstedt và Tim Sturgeon (**Electronics and Information Technology in Vietnam** viết cho UNIDO/UNDP, năm 1994 cho là có 40 - 45 000 máy. Giới máy tính ở Việt Nam theo **Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn** (25-31.8.94) cho là có 24 000 máy.

(10) Ở miền Nam lắp đặt điện thoại mất khoảng 900USD cho người nước ngoài, 500USD cho người trong nước, ở miền Bắc mất khoảng 300USD cho người trong nước. Ở Mỹ mất khoảng 50 - 60USD. Gọi điện thoại từ Mỹ về Việt Nam mất khoảng 1 - 2 USD/phút, gọi từ Việt Nam ra mất trên 4USD/phút.

(11) Nagy K. Hanna. **The Information Technology Revolution and Economic Development**, World Bank, 1991.

(12) **Technology in India**, IEEE Spectrum, March 1994, tr.46.

(13) Vấn đề chuẩn tiếng Việt đã được giải quyết với sự hợp tác của các anh Nguyễn Hoàng, Ngô Thanh Nhân, Đỗ Bá Phước và các chuyên gia trong nước (coi *A proposal for standard Vietnamese character encodings in a unified text processing framework* của 3 tác giả trên, **Computer Standards and Interfaces** 14 : 3 - 10, 1992). Chuẩn này đã được cơ quan chuẩn quốc tế ISO chấp thuận. Vấn đề quan trọng còn lại là đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế khi đầu tư về công nghệ thông tin ở Việt Nam phải theo chuẩn này.

(14) Việc hướng dẫn chuẩn hoá rất quan trọng vì cho đến nay nhiều nước Á Châu cũng đã phạm sai lầm khiến cho nhiều công cụ tốn kém đã không có khả năng truyền thông qua mạng. Mỹ là nước đi đầu về công nghệ thông tin họ cũng đã phải trả giá của người đi đầu. Mạng điện thoại địa phương của họ hiện nay vẫn là hệ thống dây đồng không có khả năng chuyển tải nhiều, nhanh và chính xác như dây cáp quang, nhưng việc thay đổi không thể thực hiện ngay vì tốn kém và vì các công ty phải đợi có thời gian tối thiểu thu hồi vốn họ đã bỏ ra. Nếu thay đổi ngay để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật tiên tiến nhưng chỉ có thị trường quá nhỏ, họ phải nâng giá sử dụng cho mọi khách hàng, điều mà thị trường rộng lớn chỉ cần dịch vụ điện thoại cơ bản sẽ không chấp nhận. Như đã bàn đến ở một đoạn trên, chuẩn không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là vấn đề chấp nhận của thị trường. Đối với Việt Nam, chính sách về chuẩn thích hợp nhất là dựa vào quyết định của thị trường thế giới.

(15) Annerstedt trong báo cáo viết cho UNIDO/UNDP đã phê bình là chính sách công nghệ thông tin của ta thiếu quan tâm đến xây dựng sản xuất phần cứng. Cũng có phần đúng trong phê bình này tuy nhiên rõ ràng là việc sản xuất phần cứng không phải là trọng điểm của công nghệ thông tin mà chỉ nên đặt chung vào chính sách phát triển công nghiệp chế biến. Tức là tranh thủ đầu tư nước ngoài sản xuất công cụ thông tin ở ta để tạo việc làm và qua đó tranh thủ việc chuyển giao kỹ thuật. Nếu như nhu cầu nội địa về công cụ nào đó đủ lớn ta cũng nên đòi hỏi hãng nước ngoài sản xuất trong nước để phục vụ thị trường nội địa và chuyển giao công nghệ.

(16) Theo **Kinh Tế Sài Gòn**, số đặc biệt về công nghệ thông tin, 25 - 31.8.1994, tr.9.

(17) Khi xem thống kê giáo dục không tìm đâu ra số sinh viên và giáo sư về ngành tin học hoặc bất cứ ngành chuyên môn nào khác.

**Lời cảm ơn :** Tác giả đã nhận được rất nhiều góp ý quan trọng của vợ mình là Đào Văn Hương, người đã có gần 20 năm kinh nghiệm tư vấn thiết kế và viết phần mềm cho ngân hàng từ hệ thống chi trả lương, mua bán ngoại tệ, rút tiền tự động cho đến hệ thống theo dõi tình hình tài chính của khách hàng.

Ngoài ra cũng xin cảm ơn các góp ý của các anh Nguyễn Minh và Ngô Thanh Nhân.

# Tự giải phóng khỏi sự sợ hãi

Aung San Suu Kyi



LTS : Aung San Suu Kyi là con gái của Aung San, một vị anh hùng dân tộc đã góp phần quyết định trong việc giành lại độc lập cho Miến Điện sau thế chiến thứ II. Vì đấu tranh cho dân chủ bà bị chính quyền quân phiệt cầm tù và hiện nay bị quản thúc tại gia. Bà được tặng giải thưởng Nobel hoà bình năm 1991. Chúng tôi đăng dưới đây bản dịch bài viết được công bố trong dịp Nghị viện Âu châu trao cho bà giải thưởng Sakharov 1991 về Tự do Tư tưởng, nhưng bà không tham dự được.

Không phải quyền lực làm cho người ta hư hỏng, mà chính là sự sợ hãi : những người có quyền thì sợ mất quyền, còn những người bị quyền lực áp bức thì sợ dúi cui. Phần lớn những người Miến Điện biết rõ bốn hình thức của sự thối nát, bốn a-gati. Lòng tham (*chanda-gati*) làm ta đi ra ngoài con đường chính vì bị mua chuộc hay vì muốn mua sự bình an cho những người mà mình thương yêu. Lòng sân (*dosa-gati*) đẩy ta vào con đường xấu xa của sự trả thù, và sự si mê hay vô minh (*moga-gati*) khiến ta lầm đường lạc lối. Tệ hại hơn cả là sự sợ hãi (*bhaya-gati*) : không những nó bóp chết và huỷ diệt từ từ ý thức về thiện ác, nó thường còn là nguồn gốc của ba hình thức thối nát nói trên.

Khi nó không bắt nguồn từ sự hà tiện thuần túy, lòng tham có thể đến từ nỗi sợ không được hay bị mất sự quý trọng của những người mà mình thương yêu ; cũng như vậy, nỗi sợ người khác vượt, làm nhục hay xúc phạm mình gây ra ý muốn trả thù. Và rất khó quét sạch si mê vô minh khi ta chưa giải phóng chân lý ra khỏi những trở lực của sự sợ hãi. Sự sợ hãi và thối nát gắn chặt với nhau đến độ, trong những xã hội có nỗi sợ hoành hành, sự thối nát dưới mọi hình thức bám rễ rất sâu.

Người ta nói rằng phong trào dân chủ Miến Điện, do các cuộc biểu tình của sinh viên phát động vào năm 1988, bắt

nguồn trước hết từ nỗi bất bình chung do sự suy sụp kinh tế gây ra. Đúng là nền chính trị rời rạc, những biện pháp phi lý của chính phủ, nạn lạm phát nhanh như ngựa phi nước đại, mức sống liên tục tụt dù trong những năm qua đã đưa đất nước vào thảm hoạ. Thế nhưng, không phải chỉ những khó khăn phải chịu đựng để sống sót qua ngày đã bào mòn lòng kiên nhẫn của một dân tộc do truyền thống vốn hiếu hoà và không thích lộn xộn, có lẽ chính là sự cảm thấy đời sống bị sự thối nát và sợ hãi làm biến đổi bản chất. Sinh viên không chỉ phản đối bạn bè của mình bị giết, mà còn chống lại một chế độ toàn trị chối bỏ quyền sống của họ bằng cách tước đoạt của hiện tại mọi ý nghĩa và tước đoạt của tương lai mọi hy vọng và nếu những cuộc biểu tình của họ đã nhanh chóng biến thành một phong trào toàn quốc, chính vì những yêu sách của họ là âm vang của những bất mãn của cả một dân tộc, đến mức trong số những người ủng hộ họ nhiệt thành nhất có cả những nhà kinh doanh đã làm ăn phát tài ngay trong lòng chế độ nhờ lăm tài năng và quan hệ. Việc làm ăn phát tài đó đã không bảo đảm cho họ được thực sự bình yên, thoả mãn ; chính họ cũng nhận thấy rằng, độc lập với tình hình kinh tế của mình, mọi người, dù giàu hay nghèo, đều cần một chính phủ tin cậy được, nếu họ muốn có một cuộc đời đáng sống. Nhân dân Miến Điện đã quá mệt mỏi vì cái tình hình bấp bênh này rồi, mệt mỏi vì phải chịu sự sợ hãi, mệt mỏi vì giống như " nước nằm trong lòng bàn tay " của nhà cầm quyền.

*Chúng ta có thể lạnh  
như viên ngọc lục bảo,  
như nước trong lòng bàn tay,  
nhưng chúng ta cũng có thể  
như những mảnh chai  
trong lòng bàn tay*

Mảnh chai nhỏ bé nhất cũng đủ sức bén để tự vệ chống lại bàn tay đang tìm cách bóp vỡ nó ; nó là biểu tượng sinh động của tia lửa can đảm cần thiết cho ai muốn thoát khỏi sự áp bức đang nghiền nát mình. Bogyoke Aung San tự xem mình là nhà cách mạng ; ông đã không biết mệt mỏi đi tìm một giải pháp cho muôn vàn khó khăn vây hãm Miến Điện vào cái thời quá nhiều thử thách ấy, bằng cách hô hào nhân dân phải tỏ ra can đảm : " Đừng trông cậy ở sự can đảm và táo bạo của những người khác. Mỗi người phải biết hy sinh để trở thành một người anh hùng đầy can đảm và táo bạo. Đối với mọi người, đó là điều kiện của sự tự do thật sự ".

Những ai được may mắn sống trong một xã hội có nhà nước pháp quyền, thật khó tưởng tượng nỗ lực cần có để kháng cự lại sự thối nát khi nỗi sợ là thành phần của cuộc sống hàng ngày. Vai trò của luật pháp không giới hạn vào việc trừng phạt những kẻ phạm tội, luật pháp cũng cho phép xây dựng một xã hội bảo vệ được phẩm giá con người nhờ không dùng đến những thực tiễn làm người ta trở nên thối nát. Ở đâu luật pháp không đảm nhận được nhiệm vụ của mình thì người dân thường phải gánh vác lấy việc gìn giữ những nguyên tắc sơ đẳng nhất về công lý. Khi ý thức và lý tính của một dân tộc bị sự sợ hãi làm cho hư hỏng, cần phải có sự kiên định vượt qua được mọi thử thách để giúp luật pháp giành lấy thắng lợi và nhờ thế cho phép mọi người thoả

mãn được lòng ham muốn hoà hợp và công bằng, vừa tìm hãm được những khuynh hướng phá hoại vốn có trong bản tính con người.

Vào giờ phút mà những nhân vật đầy quyền lực nhưng ít lương tri có thể nắm trong tay và thực sự nắm trong tay, nhờ những tiến bộ kỹ thuật vô cùng to lớn, những vũ khí giết người chống lại những kẻ yếu đuối, nghèo khổ, phải khẩn cấp gắn chặt chính trị vào đạo lý, ở mức độ quốc gia cũng như quốc tế. Bản Tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp Quốc tuyên bố rằng mỗi cá nhân, mỗi tổ chức xã hội phải nỗ lực thăng tiến những quyền và những tự do mà mọi người, không phân biệt nòi giống, dân tộc hay tôn giáo, đáng ra đều được hưởng. Nhưng chừng nào các chính phủ còn đặt uy quyền của mình trên sự cưỡng bức chứ không phải trên sự uỷ nhiệm của nhân dân, chừng nào những tập đoàn còn để cho quyền lợi trước mắt của họ đứng trước hoà bình và phồn vinh, hành động kết hợp của các tổ chức quốc tế để bảo vệ và phát triển nhân quyền sẽ còn là, ngay trong trường hợp tốt nhất, một cuộc đấu tranh chưa hoàn thành. Bởi vì đấu tranh còn tiếp tục và các nạn nhân của sự áp bức sẽ còn phải trông cậy ở ngay chính sức mình để bảo vệ những quyền không thể tước đoạt của họ được là thành viên của gia đình nhân loại.

Yếu tính của cách mạng là cách mạng tinh thần, vì thế cần phải thay đổi não trạng và những giá trị đã điều kiện hoá sự phát triển của một quốc gia. Khi một cuộc cách mạng chỉ muốn thay đổi chính sách và định chế để cải thiện điều kiện sống vật chất, nó ít có cơ may thành công. Không có một cuộc cách mạng tinh thần, những lực lượng đã tạo ra bất công của trật tự cũ cứ tiếp tục tác động, đe dọa liên tục những cải cách và sự hồi sinh đang xảy ra. Cầu khẩn tự do, dân chủ và nhân quyền cũng chẳng ích lợi gì ; còn phải kiên trì tranh đấu, trong sự thống nhất và cương quyết, chấp nhận hy sinh nhân danh những chân lý không thể bị xâm phạm đến, và kháng cự lại quyền lực làm thối nát của tham, sân, si và sợ hãi.

Người ta nói : Bạc thánh nhân là kẻ phạm tội không ngừng tự bắt mình phải chịu thử thách. Cũng như thế, người tự do là kẻ bị áp bức chấp nhận chịu thử thách. Và trên đường tranh đấu, anh ta học cách đảm nhận những trách nhiệm của mình và làm cho người khác phải tôn trọng các bổn phận để cho xã hội được mọi tự do. Trong số những quyền tự do cơ bản mà con người cần có để sống một cuộc đời đáng sống, thoát khỏi cái sợ là độc nhất vô nhị : nó vừa là phương tiện vừa là cứu cánh. Để xây dựng một quốc gia có được những định chế dân chủ mạnh, có khả năng tạo ra một sự bảo vệ vững chắc chống lại sự lạm quyền nhà nước, trước hết nhân dân phải học cách tự giải phóng mình khỏi sự thụ động và sợ hãi.

Luôn luôn thực hành những ý tưởng của mình, Aung San không ngừng tỏ ra không những can đảm trước súng gươm mà cả can đảm nói lên sự thật, phát biểu ý kiến, chấp nhận sự phê bình, thừa nhận những lỗi lầm, sửa chữa những sai trái, tôn trọng đối lập, đối thoại với kẻ thù và để cho nhân dân phán đoán những khả năng làm lãnh tụ của ông. Sự can đảm tinh thần đó đã làm cho nhân dân Miến Điện yêu kính ông và thừa nhận ông không những như là vị anh hùng thời

chiến mà đặc biệt còn như là lương tâm và khuôn mẫu cho cả dân tộc. Câu nói sau đây của Jawaharlal Nehru về Mahatma Gandhi cũng hoàn toàn phù hợp với Aung Sung : “ Vô úy (không sợ hãi) và sự thật là những nguyên tắc chính mà ông dạy chúng ta ; chúng phải là cơ sở của hành động ”.

Gandhi là người theo chủ trương bất bạo động, còn Aung San là người đã sáng lập một quân đội quốc gia, chắc chắn hai người có nhân cách rất khác nhau. Nhưng cách thách thức chính quyền của họ giống nhau (...). Với tư cách là một nhà chính trị hiện đại, Nehru cho rằng một trong những thành công lớn nhất của Gandhi là đã biết cho nhân dân Ấn Độ lòng can đảm . (...)

Không sợ hãi có thể là một tính trời cho. Nhưng sự can đảm sinh ra từ nỗ lực, sự can đảm sinh ra từ sự từ chối có hệ thống không để cho sự sợ hãi bắt mình hành động, sự can đảm như là “ ân huệ đối diện với áp bức ”, ân huệ luôn luôn nảy sinh lại trước sự áp bức càng ngày càng dữ dội, khốc liệt, sự can đảm đó lại càng quý giá hơn nữa.

Trong một hệ thống chối bỏ các quyền làm người cơ bản, sự sợ hãi có khuynh hướng trở thành một bộ phận của cuộc sống bình thường ; sợ bị tù hay bị tra tấn, sợ chết, sợ mất bạn bè, gia đình, của cải hay phương tiện sinh sống, sợ nghèo đói, cô lập hay thất bại. Dưới hình thức phẫn phờ nhất, sợ hãi mang mặt nạ của sự khôn ngoan và ngay cả của sự hiền minh (sagesse), lên án những hành vi can đảm nho nhỏ hằng ngày như là ngu ngốc, thiếu thận trọng, vô hiệu quả hay vô ích trong khi chính những hành vi đó giúp ta gìn giữ lòng tự trọng và nhân phẩm. Một dân tộc bị nô lệ hoá bởi một luật pháp sắt thép và bị điều kiện hoá bởi sự e ngại khó có thể không bị sự sợ hãi làm nhor nuốc, yếu hèn. Nhưng không một guồng máy nhà nước nào, dù có sức nghiền nát mạnh đến đâu, có thể ngăn chặn lòng can đảm một ngày nào đó lại đột hiện, còn đó và mãi mãi, bởi vì sự sợ hãi không phải là trạng thái tự nhiên của con người văn minh.

Đối diện với một quyền lực không giới hạn, cần phải làm sao cho lòng can đảm và tính chiến đấu bám rễ thật sâu vào những nguyên tắc thiêng liêng của đạo lý, và cần phải nghe bài học của lịch sử tỏ rõ rằng, dù có khi thụt lùi, thân phận con người rồi ra rốt cuộc cũng tiến tới trên bình diện vật chất cũng như tinh thần. Khả năng cải thiện và tự chuộc tội này của con người khiến nó không phải là đồ súc sinh. Trách nhiệm của con người bắt nguồn từ ý tưởng toàn thiện và từ tất cả những gì nó đòi hỏi liên quan đến ham muốn, trí tuệ, và quyết tâm : cần phải cháy bỏng ham muốn đạt đến sự toàn thiện, cần phải biết tìm ra con đường đưa đến nó và kiên trì đi trên con đường đó, nếu không đến cùng thì ít ra cũng đủ lâu để vượt qua những giới hạn cá nhân và khắc phục được những trở lực gặp phải. Chính quan niệm về một nhân loại có đủ lý tính và văn minh này gây ra sự táo bạo và sức mạnh xây dựng những xã hội rốt cuộc thoát khỏi nghèo đói và sợ hãi. Những khái niệm về chân lý, công bằng và từ bi không bị lỗi thời : đừng vút chúng vào sọt rác : chúng vẫn còn là bức thành duy nhất giúp chúng ta chống lại một quyền lực không chút xót thương.

(N.T.N. dịch)

# Tưởng nhớ PHÙNG QUÁN

Hải Vân

## “ Đàng Áo Trắng ”

Về đến Hà Nội cuối năm vừa qua, tôi được tin nhà văn Phùng Quán bị xơ gan, bệnh nặng. Cùng với một người bạn, ngày 31.12, chúng tôi đến nhà ông, bên bờ Hồ Tây, cạnh trường Bưởi. Trong câu chuyện sáng ngày hôm đó, Phùng Quán đề cập hai lần đến cái chết.

Lần đầu tiên, khi trao cho tôi bài báo “ *Một chân dung nhà văn Phùng Quán* ” ký tên Văn Xương (Diễn Đàn số 38, tháng 2.1995) — trong đó có nói đến ba điều ông đã quyết làm trước khi phải nằm xuống — Phùng Quán cho biết có tự đặt cho mình một việc làm khác trước khi nhắm mắt : Nguyễn Hữu Đang phải có được nhà ở tại Hà Nội ; nếu chính quyền không chịu cấp, ông dọa sẽ vận động đồng bào và kiều bào quyên góp mua nhà. Đó là mục đích của bài “ *Tìm thăm người dựng lễ đài Tuyên ngôn độc lập* ” (Diễn Đàn số 25, tháng 12 1993). Được phổ biến rộng ở nước ngoài, bài viết đã tác động lại trên dư luận trong nước. Vừa rồi, không thể tiếp tục làm ngơ, chính quyền đã có quyết định cấp một căn nhà nhỏ cho người mà, từ đầu, Phùng Quán xem như là người anh cả trong Phong trào Nhân văn Giai phẩm.

Lần sau, vào lúc cuối câu chuyện hôm ấy, Phùng Quán lấy ra một cái áo màu trắng và mời tôi ký tên lên đó — bên cạnh bao nhiêu những chữ ký khác của bạn bè. Nguồn gốc của cái áo trắng này, Thu Bồn vừa qua đã nói đến (xem bài bên cạnh). Chỉ xin nói thêm rằng, theo một báo cáo chi tiết của cơ quan an ninh chính trị, đó là sự hình thành của một tổ chức chính trị mệnh danh “ đàng áo trắng ” ! Về phần mình, Phùng Quán khẳng định rằng ý muốn cuối cùng của ông chính là mặc cái áo trắng đó khi liệm và nằm vào quan tài.

Rồi nhà Phùng Quán, ra bờ hồ, chúng tôi bắt gặp lại hai nhân viên an ninh đeo theo chúng tôi trên honda suốt buổi sáng. Tiếp tục hộ tống chúng tôi trong cả ngày hôm đó, họ sẽ dừng lại ở đầu cầu Chương Dương, khi xe chúng tôi lên cầu bằng qua sông Hồng đi ra sân bay Nội Bài.

Một tháng sau, đã trở sang Paris, tôi được tin người trẻ tuổi nhất của Phong trào Nhân văn Giai phẩm đã từ trần tại Hà Nội — sau khi đã làm những điều mình phải làm.

Thu Bồn

## Chén rượu quan hà

Mỗi năm cứ độ gần Tết anh lại vào Nam thăm viếng bạn bè. Lần nào anh cũng ghé nhà tôi để uống một ly rượu ngon do bàn tay mẹ tôi cất. Năm nay đột nhiên không thấy anh vào nữa, lòng tôi thấy lo lo.

Linh tính bạn bè không phải là điều vô cớ. Cái đêm anh uống rượu trong vườn nhà tôi bỗng nhiên anh khóc. Người say khóc cười là chuyện thường, nhưng Phùng Quán không say. Anh đọc thơ rất hay, thỉnh thoảng nhấp một chút rất trịnh trọng — anh uống rượu và uống những giọt nước mắt của mình. Đêm đen sâu thẳm, chúng tôi ngồi xung quanh ánh lửa hồng.

Không phải ngẫu nhiên mà cuộc đời làm thơ của anh và tôi có nhiều điểm giống nhau. Anh là thiếu sinh quân ở chiến trường Bình Trị Thiên khói lửa... từng nung Thiên Mụ từng ngụ Đập Đá Văn Xá Truồi Nông... Tôi là thiếu sinh quân của Liên khu Năm.

Quá khứ không bao giờ nhòa được một nhà thơ Thanh Tịnh già một Phùng Quán trẻ từng đi bộ suốt dãy Trường Sơn đến chiến khu Việt Bắc đọc thơ cho bộ đội nghe. Những người lính năm ấy bây giờ nhiều người là tướng lĩnh.

Anh về Văn Nghệ Quân Đội trước tôi. Tên tuổi anh nổi tiếng với *Vượt Côn Đảo*, trường ca *Tiếng hát trên địa ngục*. Một thế hệ thanh niên đã lấy *Vượt Côn Đảo* làm quyển sách gối đầu giường. Anh tài năng hơn

tôi, hăm hiu hơn tôi, oan ức hơn tôi, trung thành hơn tôi, cam chịu hơn tôi và cũng nghèo nàn hơn tôi.

Có người cho anh lập dị, nhưng không phải. Anh đi guốc mộc vì cái bàn chân tê thấp và tiền đâu mà mua giày mua dép ? Tiền đâu mua nón nỉ nón cối mà không đội nón lá kè ?

Tôi về 4 Lý Nam Đế ở đúng cái phòng anh ở trước nên ai đến cũng lầm tôi là Phùng Quán vì tôi cũng có cái ngoại hình giống anh. Sau này do trời xui đất khiến thế nào mà vợ tôi lại đóng phim *Tuổi thơ dữ dội* của anh.

Ra Hà Nội lần nào tôi cũng đến thăm anh. Cũng chui vào

Thơ đời tôi thơ.  
Có những phút giây long  
Tôi vịn cần thơ mà đứng dậy!  
1965.  
Phùng Quán  
Phùng Quán

bút tích nhà thơ PHÙNG QUÁN (1932-1995)

một con đường kiệt bên hông trường Chu Văn An, bề ngoài lại ven bức tường là một Hồ Tây rộng mênh mông. Mái lều nhỏ bé và một cái chòi rách tuờm như đời thi sĩ nghèo cổ lên để cố nhìn thấu tận Tam Đảo Ba Vì.

Vừa rồi tôi và Lý Bạch Huệ (mẹ thằng Mừng<sup>1</sup>) ra Hà Nội thăm anh. Chị Trâm vợ Phùng Quán không ngớt giới thiệu về những bài thơ của những bạn bè đề trên vách. Trong số đó có bài thơ của Tào Mạt. Chị Trâm đem ra khoe với chúng tôi : bàn ghế trong nhà đều do bàn tay anh Quán chế biến từ những vỏ tivi hư. Chúng tôi ít khi ngồi trên những chiếc ghế ấy mà thích ngồi thiền trên cái chòi để ngắm nhìn cho được toàn cảnh Hồ Tây. Những mảnh vụn và rách được bàn tay thi sĩ xếp lại làm nên cái chòi có tên là “Chòi ngắm sóng”. Trên nóc chòi có gắn một bình rượu làm biểu tượng.

Chị Trâm lại đem cái áo trắng có hàng trăm chữ ký của bạn bè ra khoe với tôi. Chị vừa khoe nhưng vừa muốn khóc, chị nói : Khổ quá cái áo này anh Quán thích lắm vì là kỷ niệm bạn bè. Vậy mà có người vu cho anh có ý định làm một tổ chức gì đó...

Tôi bật cười. Thấy tôi cười chị lại khóc oà.

Trời ơi ! Tôi kêu lên : Cái áo này là của tôi ! Lý Bạch Huệ đi biểu diễn lấy được tiền ra cửa hàng Sĩ Tân mua cho tôi một cái áo tít-xo giá 150 ngàn đồng. Tôi mặc chiếc áo đẹp được vài ngày thì Phùng Quán vô. Chúng tôi nhậu ở nhà một người bạn. Phùng tiên sinh nheo mắt nhìn chiếc áo tôi đang mặc, mỉm cười. Bỗng anh ôm tôi rí tai nói nhỏ : Cậu đổi cho mình chiếc áo này. Giữa bàn tiệc ai cũng sùng sốt vì hai đứa tôi cởi áo cho nhau. Nhưng nhà thơ không chịu rời khỏi tôi, lại uốn cái ngực lép ra và bảo tôi ký vào đó. Thật là hết trò chơi. Tôi ký vào và mọi người cùng ký vào, có cả em bé 7 tuổi cũng ký vào. Trò chơi chỉ có vậy. Chúng tôi thì vui, khổ thì riêng mình anh chịu<sup>2</sup>.

Thơ văn Phùng Quán từ hồi anh có mặt trong hàng ngũ những nhà thơ lớn chưa hề có nửa chữ nào phản lại nhân dân, anh yêu thương và ca ngợi từ trái cả nghèo nàn quê hương anh đến những chiếc vại làm bằng đất thó — những vại cà nuôi cả dân tộc này lớn lên và làm nên những kỳ tích anh hùng. Và, từ khi mở mắt đến khi nhắm mắt, anh chưa hề được bước chân đến một đất nước nào khác ngoài đất nước Việt Nam yêu quý.

Cái bình điệu thuốc lão, tẩu còn dựng bên vách với những tàn đóm một thời còn chưa có thì giờ sắp xếp — chúng đương ngổn ngang cùng với những trang sử tài Tagore, những anh hùng ca Homère, những Baudelaire, những Pushkin, những Nguyễn Du, Cao Bá Quát... Nhưng anh đã đi rồi. Lịch sử quá nhiều công việc, tôi chỉ biết khóc anh và giải cho anh vài điều oan để ở thế giới bên kia anh lại còn nhớ về thế giới này.

*Suối Lồ Ô đêm 22 chuyển sang ngày 23 tháng 1 năm 1995.*

<sup>1</sup> Mừng là tên nhân vật chính trong phim *Tuổi thơ dữ dội* do đạo diễn trẻ Nguyễn Vinh Sơn thực hiện, từ cuốn tiểu thuyết cùng tên của Phùng Quán. Khi phim này được mang “duyet”, một uỷ viên Hội đồng duyệt phim hạ một câu : “... xem phim thấy rõ cái dẫn vật Phùng Quán” (theo lời kể của đạo diễn N.V.Son)

<sup>2</sup> Đó là nguồn gốc “đảng áo trắng” trong hồ sơ của cục Công an chính trị (xem bài *Hải Vân trang bên*).

## Phải giải nổi oan của các Anh

*Anh Phùng Quán kính yêu.*

*Tôi từng được gặp Anh đôi lần, một lần được đến thăm Anh tại nhà. Song, Anh chắc không nhớ tôi. Vì Anh là giới văn chương, tôi là một người lính làm báo sử.*

*Tuy nhiên, suốt đời tôi nhớ tới Anh.*

*Khi vụ Nhân văn - Giai phẩm nổ ra, tôi làm chủ nhiệm Câu lạc bộ trung đoàn cao xạ ở Hải Phòng. Đọc các tác phẩm của các Anh thấy hay quá và khâm phục. Nhưng với cương vị của mình vẫn phê phán các Anh gay gắt như nghị quyết của trên.*

*Về Hà Nội, đi tìm gặp các Anh, kể cả các anh Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, Văn Cao, Đặng Đình Hưng v.v... thấy các Anh đầy tài năng và tâm huyết. Từ tình cảm trở thành khâm phục. Một sự khâm phục từ đáy lòng mình.*

*Nổi oan của các Anh làm đau dứt lòng người đến nay vẫn chưa tan. Dân tộc ta rất coi trọng việc giải oan nên ở những nơi linh thiêng thường có Suối Giải Oan, Đền Giải Oan.*

*Nếu thật sự yêu dân tộc Việt Nam, vì dân tộc Việt Nam, thì phải giải nổi oan của các Anh.*

*Anh đã đi về cõi vĩnh hằng.*

*Nhưng các tác phẩm của Anh để lại cho Đời, những giá trị cao đẹp, đã trở nên vĩnh cửu.*

*Kính cầu cho Anh siêu linh tinh độ, Anh phù hộ cho Đời có cái Tâm, cái Tâm như Anh.*

*Vĩnh biệt Anh !*

**Phạm Quê Dương**

Đại tá Quân Đội Nhân Dân Việt Nam  
nguyên Tổng biên tập tạp chí Lịch sử Quân đội  
37, Lý Nam Đế, Hà Nội

**Trần Lê Văn**

### *Hoa ban bên Hồ Tây*

*Người con gái núi về Hà Nội  
Thức trắng đêm đêm nhớ suối ngàn  
Mãi miết theo chồng đi chợ Tết  
Tìm đâu ra một cánh hoa ban.*

*Hái lộc xuân, bỗng gặp may :  
Hoa ban Tây Bắc bên Hồ Tây  
Chiều in sắc núi hoàng hôn tím  
Sớm ửng hoa đào, má đỏ hây*

*Người con gái núi khuấy thương nhớ  
Ngắm hoa quê cũ cười trên tay.*

Xuân Ất Hợi, 1995

## Tưởng nhớ giáo sư Trần Đình Huộ

Cái duyên tôi được gặp anh Huộ là một chút duyên trề trăng.

Trường đại học Aix en Provence mời anh qua dạy một năm. Vào tuổi anh đã về hưu. Lẽ ra anh phải khai giảng vào tháng 10.1993, anh tới muộn mất mấy tháng – vì thủ tục, chậm là do phía bạn Pháp. Anh lại cứ ở lý dưới Aix. Ngày gặp mặt, tạm chờ...

Mong gặp, vì chưa biết người nhưng đã được biết qua văn. Qua vài bài được đọc. Không nhiều, đủ để trân trọng một tác giả nghiêm túc. Giọng ôn tồn, thoáng đôi chút dí dỏm, hay nói về những chuyện mình nhận xét được, hôm nay, trong xã hội Việt Nam. Đủ để ưa thích và tò mò hỏi thăm về con người. Được biết anh là giáo sư trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, học triết học ở Liên Xô về lại chẳng chịu dạy triết. Thế nhưng, đọc anh không khỏi thấy cái căn bản triết học ẩn nấp đâu đó trong anh, trong cách đặt vấn đề, trong cung cách khái quát những gì nhận xét được, vượt hiện tượng để đi vào cốt lõi.

Trong khi chờ đợi gặp người, có quyển **Đến hiện đại từ truyền thống** thuộc Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07 vừa mới in xong anh đem qua Pháp tặng một ít bạn bè. Tôi mượn đọc, thích thú nhiều điểm. Nhất là những điều anh nhận định về ảnh hưởng của yếu tố truyền thống Nho giáo trên những bước hiện nay dân tộc đang đi. Nhưng ấm ức cũng chẳng vừa : không thấy anh dả động gì đến “ bộ máy quan liêu thiên triều ”. Mà nhiều đặc điểm của bộ máy đó cứ như là được rập khuôn vào bộ máy chính quyền ngày nay ở Việt Nam, cũng như ở Trung Quốc.

Vì vậy mới có bài “ *Nho giáo, sức cản hay động cơ phát triển* ” ý trách anh bỏ qua một vấn đề mà E. Balazs đã lưu ý từ 30 năm trước đây (xem *Diễn Đàn*, số 33, 9.94. tr. 26-27). Trước khi báo đăng tôi viết thư cho anh kèm bài nháp, với vài lời cho đúng phép chưa quen mà đường đột, hỏi ý anh có viết đáp lại bài của tôi hay chẳng.

Thư anh trả lời, rằng tôi đã đọc anh, anh có đọc tôi thế là đã quen, viết thư cho nhau từ nay chẳng nên viết hoa chữ anh làm gì, rằng anh có nghe nói đến Balazs, trong nước người nọ truyền người kia đọc đến nay chưa tới tay anh, rằng sách viết ra là để đọc, có người xem và phê bình là quý, anh không có gì nói thêm. Chân tình, thẳng thắn.

Vẫn những cảm tưởng ấy khi gặp mặt. Con người cao, thanh, tóc bạc trắng mà quắc thước, tươi trẻ. Giọng xú Nghệ, anh là người làng Võ Liệt huyện Thanh Chương.

Anh ở Paris có ít ngày trước khi về nước. Thời gian eo hẹp, anh chỉ xin cho đi thăm Paris và dành riêng một ngày viếng viện bảo tàng Louvre. Xem đến chiều, anh ao ước được biết rõ hơn về thời đại trung cổ. Khi ấy chúng tôi đang đứng ở thời kỳ đầu thế kỷ 20, cuối thế kỷ 19 khu điêu khắc Pháp. Ngược thời gian đi xem lần về trung cổ. Mới tới thế kỷ 17, chân đã mỏi, anh bị dọp bẻ (*chuột rút*). Ngồi nghỉ cho qua cơn đau, lại đi. Đến được điêu khắc trung cổ, nhưng không

còn sức đi xem tranh thời đại đó... Thế mới biết chỉ xem văn hoá nước người không thôi mà đủ đuối.

Thời gian gặp nhau chẳng được là bao, tôi hẹn hôm sau đến đón anh ra sân bay Roissy, thêm được ít giờ trò chuyện. Hôm đó chủ nhật mà sao kẹt xe dữ. Đã tính thì giờ cho rộng, vẫn tới trễ. Anh đợi không được đã phải đi trước mất rồi.

Lật đật chạy ra phi trường. May anh còn đứng nơi cân hành lý. Mừng rơn. Vì có một điều anh tha thiết nhờ cậy mà đã làm không được : đưa anh đi mua sách về xã hội học, mọi sách căn bản và sách mới ra. Để phần nào tạ điều khiếm khuyết, tối chỉ biết cách về lục tủ sách riêng đem ra tặng. Là người ngoại đạo, tìm mãi mới được một quyển **Sociologie et anthropologie** của Marcel Mauss, đã cũ lại ghi chú lung tung. Anh vui vẻ nhận, ấn sách vào túi xách tay đã căng phồng. Lời anh mấy hôm trước văng trong tai tôi : “ *Tôi đã già rồi, nhưng còn bọn trẻ. Họ phải học cho có cơ sở, phải được đọc thẳng văn bản gốc. Nặng thì nặng, tốn kém bao nhiêu cũng chịu* ”.

Học trò anh chắc thấy rõ lòng thầy. Đi đâu cũng thấy có học trò cũ tận tụy theo xách cặp, người ở Pháp đã đành, mà người ở Đức xa xăm cũng viết thư qua khẩn khoản mời thầy cũ. Tôi đùa “ *Học trò Việt nam có khác, học trò Tây phương thì đừng hòng mong cậy.* ” Anh cười hóm hỉnh “ *Cũng còn tuỳ thầy nào, chớ anh !* ” Tôi lòng tự bảo lòng, lần sau anh qua thì nhất định phải làm cho được điều tâm huyết của ông thầy khác đời này.

Đưa anh lên máy bay, buồn chia tay nhưng trong lòng mừng nhiều mối. Còn những người thầy biết thì nói biết, không biết nói không biết như anh, còn nhiều hy vọng học thuật nước ta mau hưng khởi. Mà anh thì trong đầu rộn suy tính cho ngày mai giới trẻ. Anh khiêm tốn, biết rõ những giới hạn cũng như đâu là khả năng của mình, vì thế mà cảm giác là những dự tính cộng tác với giới học giả Pháp của anh sát thực tế. Chỉ là tạm biệt, hy vọng sớm có cơ hội gặp lại anh...

Thế rồi tin anh từ trần, ở Hà Nội ngày 12 tháng 2 1995, thọ 68 tuổi, tang lễ đã cử hành ngày 16 tháng 2.

Thời gian chẳng chờ đợi ai.

Hôm lên máy bay, anh trao tay cho tôi bài **Ông quan liêu, Ông quan và việc phát hiện nó theo cách nhìn của thơ trào phúng**. Vẫn nụ cười hóm hỉnh : “ *Anh xem bài này, ít năm trước đây báo Tổ Quốc đã đăng. Nhưng lại cắt mất cái phần về thơ trào phúng chính là phần phương pháp luận.* ”

Thời gian anh về nước cũng là thời gian giới văn học đang bị đánh lung tung, hết Nguyên Ngọc, Lê Ngọc Trà đến Phong Lê và Viện văn học. Đành tạm cắt bài vào ngăn kéo. Diễn Đàn đã đăng anh rồi. Đăng tiếp bài khác, dù như là đáp lời bài Diễn Đàn vấn nạn anh, biết rồi đây những người mà nghề là bới móc tìm ra những gì ? Chuyện văn hoá mà ra chuyện chẳng lành thì chỉ khổ cho người ngay...

Diễn Đàn đăng trọn bài nói trên trong số này. Số sau sẽ mở hồ sơ **Nên đặt vấn đề Nho giáo như thế nào bằng bài “ Nho giáo đã thành vấn đề như thế nào với nước Việt Nam ngày nay ? ”** của anh, cùng các bài của Kiến Giang, Vĩnh Sinh v.v...

Một cách chúng ta tưởng nhớ anh.

Nguyễn Thắng

# Ông quan liêu, ông quan và việc phát hiện nó theo cách nhìn của thơ trào phúng

Trần Đình Hượu

Ngày nay báo chí chúng ta đang lên án tề quan liêu. Nhiều nhà thơ trào phúng đang khắc hoạ hình tượng ông quan liêu, đưa nó làm bia cười. Nhiều người gọi những người mắc bệnh quan liêu là “ông quan”. Gọi những người mắc bệnh quan liêu trong số những cán bộ cách mạng ngày nay như vậy phải chăng chỉ là cách cường điệu để tăng thêm hiệu quả nghệ thuật? Giữa ông quan liêu ngày nay và ông quan ngày xưa có cái gì giống nhau? Gọi như thế có giúp gì cho việc hiểu biết định tính về cái tề quan liêu tồn tại thực, trong trường hợp này có thể nói là bằng xương bằng thịt với nghĩa đen, tức là qua nhân vật của nó trong cuộc sống, trong xã hội? Tố cáo và lên án ông quan nhiều nhất là thơ trào phúng và cũng có thể nói là bắt đầu với thơ trào phúng. Về một mặt là thái độ phê phán, phủ định và về một mặt khác là cách phát hiện nhận thức, thơ trào phúng trước đây để lại nhiều bài học, giúp ta không ít trong công việc tố cáo, phê phán bệnh quan liêu ngày nay.

## I

Trong lịch sử văn học Việt Nam quāng giữa hai thế kỷ XIX và XX mới xuất hiện nhiều thơ trào phúng và thơ trào phúng tập trung sự đả kích vào một nhân vật là ông quan. Không phải trong văn học trước đó người ta chưa nói đến ông quan. Ngược lại, ông quan và gia đình quan chiếm phần lớn nội dung các truyện kể. Đó là môi trường quen thuộc của các văn nhân nhà nho. Nhưng ông quan trong các câu chuyện đó có tốt, có xấu và chia ra hai phía trung chính và gian tà, cương trực và nịnh hót, nghĩa là theo tiêu chuẩn đạo đức và theo lợi ích của triều đại chính thống. Ông quan, nhà quan chỉ được nhìn như một con người, một hoàn cảnh trong thế sự trong nhân tình. Đến như Nguyễn Du và trong một tác phẩm có tầm cỡ xã hội rộng lớn như Truyện Kiều, đã nói đến nhiều ông quan, ông thì ăn hối lộ, ông thì xử kiện ầm ố, ông thì lừa gạt, thất tín. Đã muốn nàng Kiều báo ân, báo oán rạch ròi mà vẫn không hỏi tội quan huyện đã nghe lời vu oan lại ăn hối lộ và bà phu nhân quan Lại Bộ Thượng thư cho tay chân đi bắt người, đánh ghen thay cho con gái là hai nhân vật trực tiếp đẩy nàng Kiều vào cảnh phong trần. Văn học trước thơ trào phúng chưa thấy nhiều vấn đề về mặt chính trị - xã hội, chưa thấy nhiều đầu mối của nó dính vào nhân vật ông quan.

Cả Nguyễn Khuyến và Tú Xương cũng chưa nhìn vấn đề ra như vậy. Nguyễn Khuyến là người đầu tiên phê phán cái xấu không phải bằng những lời cảm thán mà bằng tiếng cười. Tú Xương là người trau dồi tiếng cười thành những ngón đòn ác hiểm, mở đầu cho dòng thơ trào phúng. Nhưng cả hai người chưa tập trung sự chú ý vào ông quan, chưa coi ông quan là đối tượng để dội những trận cười vào mặt.

Bình luận việc Kiều phải bán mình chuộc cha, Nguyễn

Khuyến chỉ nói qua đến thằng bán tơ “đỏ dối” sinh chuyện mà nhấn mạnh việc quan huyện vòi tiền hối lộ, có nộp xong khoản ba trăm lạng mới khất lĩnh được Vương ông về nhà, thoát khỏi nạn tra tấn. Ông ngạc nhiên hỏi một cách hóm hỉnh:

*Có ba trăm lạng mà xong nhỉ,  
Đời trước làm quan cũng thế a?*

Tú Xương thì đã không thể làm ra ngạc nhiên như vậy: lối kiểm chác của quan trường đã thành quen thuộc. Ông tỏ ra thông thuộc, am hiểu khi mách nước cho ông bạn đầu Phó bảng ra làm Huấn đạo. Huấn đạo là một chức quan dạy học, lộc bạc mà bổng lại không được là bao. Tú Xương khuyên bạn:

*Tri huyện lâu nay giá rẻ mà,  
Vị vào tay tớ quyết không tha.  
An sơn tông giống người keo thực,  
Bồ thủy xưa nay của kiết à?  
Đất nhĩ dễ thường lươn rúc ở,  
Lửa nòng nên chuột phải đùn ra.  
Ông mà giữ tính kiêu kỳ mãi,  
Huấn đạo nguyên ông Huấn đạo già.*

Chịu kiểm một ít tiền đút lót, chuyển sang ngạch quan cai trị có bổng lộc mới sung sướng. Chắc không phải vì nghe lời nhà thơ, nhưng ông bạn quả sau đó đã chuyển sang đường quan, làm Tri phủ Xuân trường, bỏ hẳn tính “kiêu kỳ” làm quan một cách kiêu mẫu.

Tú Xương lại viết về ông bạn đó:

*Tri phủ Xuân trường được mấy niên,  
Nhờ Trời hạt ấy được bình yên.  
Chữ “y” chữ “chiếu” không phê đến,  
Quan chỉ quan phê một chữ “tiền”.*

Với ông quan, cái nhìn của Tú Xương đã sắc sảo, không kém gì các nhà thơ trào phúng lớp sau. Nhưng cảnh nhớ những buổi giao thời phân tán cái nhìn của ông ra nhiều phía, chú chưa tập trung vào đó. Phải đợi đến khi Nguyễn Thiện Kế ngồi phác hoạ chân dung mười vị quan lớn (Đại viên thập vịnh) ba mươi vị quan nhỏ (Tiểu viên tam thập vịnh) và chân dung một trăm nhân vật nổi danh (Thời hiền bách vịnh), Kép Trà điểm mặt hầu hết các vị quan phụ mẫu tỉnh Hà nam và nhiều vị tai to mặt lớn Bắc kỳ, Phan Điện viết hàng chục bài về gia đình Hoàng Cao Khải và Dương Lâm, thơ trào phúng mới thực sự lôi ông quan ra trước vành móng ngựa của toà án dư luận, mới khởi tố chúng trước lịch sử.

Nguyễn Thiện Kế vẽ chân dung một ông Thám hoa, đậu Tam nguyên, làm Đốc học:

*Thám hoa gì nó ! Thám “ hoa xoè ”,  
Mỗi quyển tam nguyên ních chẻ hoe.  
Cò lợp nón lông, đầu ngất nghều,  
Ngựa luồn chân chỉ, đít xun xoe.  
Ba cha cây thế thừa lên mặt,  
Hai vợ ghen xuân, suýt mất ghe.  
Xóc đĩa, cù lờng ngày chủ nhật,  
Đồng văn hai chữ nịnh Mang hoe.*

Kép Trà điếc móc thậm tệ một ông Phó Bảng, cũng chính là ông Tri phủ Xuân trường ở trên :

*Quan quách chi mày Phó bảng Tuấn :  
Làm cho hại nước lại tàn dân.  
Trời thẳng đánh dậm, lằn lưng khố,  
Bắt đũa hoang thai, liếm cả quần.  
Lên mặt nhà nho cho hổ phận,  
Nhờ đồ con đĩ mới nên thân.  
Thôi thôi còn nói làm chi nữa,  
Nó lại thông gia với Đốc Trần.*

Thơ trào phúng đầu thế kỷ đưa ra trước công luận một loạt các ông quan từ cha con Hoàng Cao Khải đến các Cụ lớn ở tỉnh, ở huyện, từ các bậc khoa bảng đậu đến Thám hoa, Hoàng giáp đến những tên xuất thân từ lính hầu cấp tráp, chằm dóm cho cụ Hoàng, nhờ thế lực quan thầy mà làm đến quan phụ mẫu đầu huyện, đầu tỉnh. Họ đua nhau nịnh trên, nạt dưới, cấu kết với nhau để đục khoét dân, họ bóp nặn của dân để vinh thân phì gia và để đút lót quan trên, cầu thăng quan tiến chức. Một ông Từ Đạm, đậu Tiến sĩ hẳn hoi và lại có chân trong một phái đoàn sang Pháp :

*Tây một lần sang chơi sướng chửa ?  
Nam hai lần lại túi đầy phè.*

Sẵn có tiền trong tay, ông những rập rình chờ cơ hội thăng chức :

*Nay mai Tuần Vũ nhiều nơi khuyết,  
Sao sáng ông toan bóng lập loè.*

Việc tham nhũng cũng có khi bị tố giác, bị vỡ lở. Nhưng nhờ có ô dù, vây cánh họ chỉ bị chuyển như cảnh “ đổi quan huyện ” mà Kép Trà nói đến :

*Kim Bảng, Duy Tiên cũng một vùng,  
Từ rày hai huyện biết hai ông.  
Sông Văn giang nọ, trên còn núi,  
Núi Đọi sơn kia, dưới có sông.  
Ngán món lươn bung, lươn bún sốt,  
No mùi bún sốt, lức lươn bung.  
Những khi hai huyện chia đê phận,  
Cái chỗ Chăng Cây ấy của chung.*

Cuộc đổi chác nực cười giống cảnh ông Ninh, ông Nang giữa hai quan huyện trông coi hai huyện ở cạnh nhau, cùng lúc bị trừng phạt về tội ăn hối lộ như vậy làm cho huyện nào cũng được biết cả hai ông và hai ông, đâu có đổi đi nơi khác vẫn không có gì phải thay đổi trong sinh hoạt. Và hơn nữa hai ông còn có cả chỗ gặp nhau ở Chăng Cây. Chăng Cây là bãi bồi bên sông, nơi địa giới hai huyện và là nơi nhân dân hằng ngày đến... phóng uế.

Những ông quan mà các nhà thơ trào phúng đã không cần dè dặt lời kín đáo khi phê phán, lúc ấy đã thành đàn, thành lũ, đứa nào cũng hống hách, cũng xu phụ, cũng tham

những. Và thời đại cũng đã đóng dấu ấn khác vào cái đám lúc nhúc bốc mùi tử thi kia : ông quan thời Pháp thuộc, về con đường xuất thân, về mục đích cuộc đời cũng đã khác với ông quan xưa, những ông quan nhà nho chính cống. Chính các ông quan nhà nho chính cống cũng không thừa nhận, cũng phỉ nhổ họ vì một cái xấu khác : phản bội, theo Tây để kiếm ăn. Tội trạng ấy ảnh hưởng không ít đến cách phát hiện của ngòi bút trào phúng. Nguyễn Thiện Kế dành cho câu kết về ông “ Thám hoa xoè ” tội nịnh “ nịnh Mang hoe (Manuel) ” mà Phan Điện cũng dành cho câu kết về ông Thượng Nam hống hách hay cấu, đoạ bỏ tù cả chú vợ, đe đánh đòn cả thông gia :

*Nghe đồn Cụ lớn người hay cấu,  
Cấu cả Tây đau mới gọi là.*

Chính sự căm ghét, khinh bỉ những tên quan nịnh Tây, dựa thế Tây đã giúp Nguyễn Thiện Kế phát hiện và xây dựng được hình tượng sinh động của “ Tri phủ Quảng ” trong một bài thơ trào phúng tuyệt tác :

*Khen thay Phủ Quảng khéo ranh ngằm,  
Phò nịnh anh Tây, công mẹ dằm.  
Đôi vú ấp vai đầu nghên nghên,  
Hai tay ôm đít mặt hằm hằm.  
May mà vũng gối nhờ ơn tổ,  
Khéo chằng sa chân, chết bỏ bằm.  
Ngoảnh bảo Huyện Hoà ôm váy hộ,  
Rỉ tai, nhãn mặt, bảo nhau thằm.*

Hai anh quan ôm đít, ôm váy cho dằm, rỉ tai với nhau về... mùi thối ! Tội nịnh thối quan Tây được tác giả dùng để kết thúc bài thơ. Những ông quan thời Pháp thuộc là những ông quan đã biến chất. Ở dạng biến chất đó họ dễ bị các nhà nho — vì các nhà thơ trào phúng trên đều là nhà nho — phát hiện, nắm đúng gáy, vạch ra những nét rất bản chất, những nét bản chất của các ông quan nói chung. Nhưng nếu chưa phải là theo Pháp và biến chất, liệu họ có bị phát hiện ? Nói cách khác các nhà nho trào phúng đã thấy đúng ông quan chưa ? Họ có lên án ông quan một cách căm ghét không ? Hay họ thấy ra và căm ghét nhờ một hoàn cảnh đặc biệt : quan lại phản bội, theo giặc ?

## II

Quan là sản vật của một thể chế chính trị, là nhân vật của một kết cấu xã hội, tồn tại trong những điều kiện lịch sử nhất định. Với việc đầu hàng của cả Triều đình, quan lại thành kẻ phản bội, làm tay sai cho giặc. Đám người thượng lưu trước kia là kẻ thống trị cao cả, uy nghiêm nay trở thành một đồng rác hôi thối. Nó trở thành cái bướu, cái ung nhọt, ai cũng muốn cắt bỏ. Thơ trào phúng vạch ra chỗ hôi thối của cái ung nhọt đó : tham nhũng, cậy thế, hống hách, xu nịnh hèn hạ... Những cái xấu như vậy trước đó người ta cũng đã thấy. Không chỉ tiểu lâm, ca dao, chèo của nhân dân lao động lên án những điều đó, mà cả những nhà nho, những ông quan chân chính cũng lên án. Chỉ có điều họ nhìn những cái xấu đó bằng con mắt đạo đức, phê phán bằng những lời cảm thán, khuyên ngăn, nói chuyện nhân tình thế thái mà không phát hiện, tố cáo cụ thể. Họ phân chia ra quan tốt, quan xấu vì chưa thấy có cách cai trị nào khác ngoài cách của các ông quan nên không thấy những nét tiêu cực trên và cả những nét khác là thuộc tính, là nằm trong bản chất của quan lại.

Quan gắn với vua, với quân quyền. Quân quyền ở ta là chế độ chuyên chế, là quyền sở hữu về mọi nguồn lợi ruộng đồng, núi rừng sông biển, là quyền hành về tất cả mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, tôn giáo. Quan lại được vua lựa chọn để thực hiện quân quyền. Đối với vua, quan là phận thần tử, tôi tớ, vì nhận tước vị bổng lộc vua ban cho, nên phải siêng năng làm công việc của vua giao. Quan được sắp xếp thành thứ bậc trên dưới, theo thứ bậc đó mà hưởng bổng lộc, dùng số cờ long, lính hầu, đi đứng, xưng hô, ăn nói...Quan chọn theo khoa cử, ông quan cũng là nhà nho. Tuy cũng thuộc đẳng cấp sĩ phu, nhưng đã vào quan trường, thay đổi thân phận thì tính cách trí thức cũng thay đổi không ít. Đẳng cấp, danh vị chi phối cách sống mà quan niệm nhà nước, cách tổ chức bộ máy nhà nước quy định cả công việc ông quan phải làm, cả cách làm việc quan nữa. Nhà nước chuyên chế của vua quan sống trên nền kinh tế nông nghiệp phân tán của làng xã. Nó không quản lý việc khai thác, không quan tâm việc phát triển sản xuất mà chỉ làm nhiệm vụ thu cống nạp và tổ chức vận chuyển, phân phối. Việc quan phải làm là an dân tức là giữ trị an, là động viên giáo dục làm cho dân an cư lạc nghiệp, siêng năng làm việc nông tang, không buôn bán, làm việc cầu may, kiếm lợi, nghe lời người trên, không ngỗ nghịch, chống đối. Bộ máy do đó cũng đơn giản, nhất là ở tỉnh huyện, nơi chỉ làm việc giữ trị an, thu thuế, bắt phu, bắt lính, xử kiện và dạy học. Tuy vậy, đơn giản cũng không phải là dùng ít người.

Quan được vua giao cho quyền hành, quyền hành có khi khá rộng rãi vì không cụ thể và khó kiểm soát. Quyền hành đó nói tóm lại là làm cha mẹ dân. Quan với danh nghĩa là cha mẹ mà thương yêu, mà xử phạt, mà giáo dục, mà phán xử người dân. Không cần toan tính thay đổi, phát triển. Điều đó có nguy cơ gây xáo trộn, mất ổn định và riêng với ông quan cũng dễ nguy hiểm vì dễ bị tố giác, vu cáo là sinh chuyện, là cầu công, là gây thế lực riêng... công việc của người làm cha mẹ dân là cầm cân nảy mực, và điều đó, theo đường lối nhân trị — cai trị theo người cầm quyền chứ không phải theo pháp luật — có nghĩa là bảo ban mọi người theo ý mình. Pháp luật tùy theo ý quan. Công việc làm quan là hành hạt, hiểu thị tức là thăm các địa phương và giảng giải cho dân, là dự tế lễ và những buổi giảng sách bình văn để đề cao việc giáo hoá, làm cho phong tục thuần hậu, chứ không phải là chỉ đạo những công việc cụ thể. Cũng có những công việc cụ thể như thuế má, trộm cướp, kiện tụng. Quan nhà nho vốn chỉ học thuộc Kinh, Sử và chuyên làm văn thơ nên không am hiểu, không quen giải quyết những việc như vậy. Vì quan trường phải dựa vào sai nha, tức là “lại”. “Lại” hay sai nha là những người được chọn làm người giúp việc cho quan. “Lại” không đậu đạt nên không bao giờ được cất nhắc lên hàng quan. Nhưng “lại” am hiểu công việc, sống lâu ở địa phương nên thông thuộc, làm lâu năm nên thạo luật lệ, giấy tờ. “Lại” không có quyền hạn và uy tín của quan nên phải dựa vào danh nghĩa của quan, nhưng thực tế là người mách nước, sắp xếp mọi công việc cho quan, việc tốt cũng như việc xấu. Dân sợ “lại” hơn cả quan vì “quan xa nhưng sai nha gần”. Quan là người cầm quyền nhưng tồn tại dựa vào danh vị, đẳng cấp nên rất quan tâm đến thể diện, thể diện với dân và thể diện với sai nha.

Thứ nhất : quan cần nhiều nghi vệ, lăm kẻ hầu người hạ.

gọi một tiếng trăm người dạ ran, thích cờ long rước xách, thích ngồi trên, thích đi trước, thích mọi người thưa bẩm, chờ phán bảo. Làm việc không theo lối phân công, phân nhiệm, sắp xếp kế hoạch mà theo lời phán truyền cho nên quan cần có xung quanh nhiều lính hầu để sai bảo. Bộ máy công kèn gồm những người hầu hạ, rậm rịch chạy hiệu. Đó là loại lính “lệ”. Tuy làm việc bị động, vô hiệu nhưng đông lính hầu lại tăng thêm uy nghi của quan.

Thứ hai : quan cần tỏ rõ uy thế, làm ơn, làm oai với kẻ khác. Ban ơn và ra oai là cách làm cho người khác vì nể hay vì sợ mà phục tùng. Khéo dùng ân, oai và kết hợp dùng ân, oai là cách thao túng để sai khiến kẻ dưới, để giữ uy thế.

Thứ ba : ông quan tồn tại như thần thiêng nhờ bộ hạ, cần có vây cánh, cần người che ở trên, người đỡ ở dưới, cần quan thầy, cần tay chân, cần tả phụ hữu bất phụ trợ ở nhiều nơi. Cho nên quan cần có nha lại, có hào cường ở các địa phương, có bè cánh.

Vua cần ở quan lòng trung thành, sự tin cậy, sự miễn cán, chứ không cần tài. Người đã được tin cậy thì có thể uỷ thác mọi việc. Trong lịch sử không hiếm trường hợp những ông Nghè chỉ biết làm thơ phú mà được cử làm Thượng thư hết bộ này sang bộ khác, kể cả những bộ rất cần chuyên môn như bộ Hình (Tư pháp), bộ Binh. Nước là của vua, bộ máy nhà nước là để làm việc cho vua thực hiện quyền vua và ý vua chứ không phải để lo việc nước. Chức vụ này hay chức vụ khác là một vị trí cao hay thấp để sắp xếp bề tôi, để ban thưởng cho những người trung thành. Làm chức nào thì cũng chỉ cần hết lòng vì vua, nghe lời, chấp hành mệnh lệnh nhanh chóng và triệt để. Tất nhiên cũng cần năng lực tức là tài xoay xoả công việc để thực hiện ý vua. Nhưng quá tài năng đến mức có ý kiến riêng, dám nghị luận công việc triều đình, hay bàn đi bàn lại chứ không chấp hành nhanh chóng, nhất là những người không chịu luồn cúi, những người có uy tín, những người ngông nghênh thị tài thì thường bị coi là hạng “bất trị” thường bị nghi ngờ, vùi dập. Cho nên muốn làm việc quan cũng phải biết giữ mình. Đối với công việc không cần chủ động, sáng tạo mà cần nghe ngóng, có khi làm tắc trách chiếu lệ, cốt vừa lòng cấp trên, không bị khiển trách, nhưng phải bằng mọi cách tỏ lòng trung thành, sự phục tùng để giành sự tin cậy, dùng ân và oai để củng cố thế lực. Quan niệm chính quyền và công việc chính quyền, quan hệ vua tôi điều kiện hoá ông quan, tạo ra những tính cách mà ít hay nhiều đã là quan thì đều mắc phải. Những cái đó cũng là điều kiện để ông quan phát triển theo hướng xấu nhất : hống hách, nịnh hót, tham nhũng, dùng quyền hành mưu lợi riêng, kéo bè kéo cánh...

Lối làm quan nhàm chán và mất nhân cách như vậy tất nhiên không làm vừa lòng một số không ít những nhà nho cũng đậu đạt và nhận quan tước. Một số ít trong đó thực sự có tài, tự tin ở mình đem tài năng ra làm việc, không chịu xu phụ, không tham mà cũng không nịnh, sẵn sàng chấp nhận cảnh đầy đoạ “lên voi xuống chó”, “làm đại tướng không thấy là vinh mà làm lính cũng không coi là nhục” như Nguyễn Công Trứ, Ông Ích Khiêm. Còn một số đông hơn nhiều, chán nản về chỗ cuộc sống làm quan như vậy, con đường làm quan là bản thủ, chông gai, tìm cách trốn tránh sự phiền toái, sự luồn cúi nhục nhã. Cách phản ứng của họ là giữ thanh liêm và vô sự, tự mình sống thanh bạch, tránh làm

điều ác, dùng quyền hành và đạo đức hạn chế sai nha làm việc hại dân. Cũng là để tự phân biệt, một số khác chọn lối sống phóng khoáng, hào hoa phong nhã, vui với cảnh đẹp, với cầm, kỳ, thi, tửu, không quan tâm đến công danh mà cũng không ngó ngàng đến công việc :

*Cầm đường ngày tháng thanh nhàn,  
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn tiêu dao.*

Cả ba loại đó được gọi là ông quan tốt, dư luận và sử sách ca tụng họ về mặt đạo đức cá nhân, sự ca tụng đó là xứng đáng. Nhưng về chức năng xã hội, quyền hành bộ máy nhà nước trong tay những ông quan tốt cũng chẳng đưa lại lợi ích gì cho xã hội, cho nhân dân.

Ông quan xấu tham nhũng, hống hách, bè cánh, xu nịnh dĩ nhiên là đáng lên án. Nhưng ông quan tốt cũng cần phải loại ra khỏi đời sống xã hội vì một tính chất chung của ông quan là bất lực, vô tích sự do quan niệm chính quyền, do cách làm quan của họ gây ra. Chỉ đối lập quan tốt với quan xấu mà không đối lập quan — thần tử của vua và cha mẹ của dân — với người chịu trách nhiệm làm công việc của nước của dân thì không thấy đạo đức tốt nhưng bất lực, vô tích sự không có ích cho nước cho dân bằng đạo đức có chỗ chưa tốt nhưng làm được một số việc có hiệu quả, không thấy chỗ nguy hại của chế độ quan lại.

Thơ trào phúng trước đây, vì chưa hình dung được một kiểu chính quyền khác, một cách làm việc quan (việc chung) khác, nên tuy rất căm ghét hầu như tất cả quan lại mà vẫn chưa vượt qua được cách chia ra quan tốt và quan xấu.

### III

Ngày nay trong khi cả nước, theo lời kêu gọi của Đảng, chống tệ quan liêu, làm trong sạch bộ máy nhà nước, các báo chí phát hiện nhiều hiện tượng tiêu cực ; nhiều nhà thơ trào phúng đưa “ ông quan liêu ” làm đề tài đả kích, chế riếu. Mắc bệnh quan liêu ngày nay là những cán bộ cách mạng, chủ nghĩa quan liêu mà ngày nay ta chống là một hiện tượng trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa. Giữa “ ông quan liêu ” như vậy với “ ông quan ” ngày xưa có mối liên hệ gì không ?

Bệnh quan liêu giấy tờ có thể do ông quan, do chế độ quan lại gây ra, nhưng nó tồn tại chủ yếu với một nhân vật khác trong bộ máy nhà nước : “ người công chức ”.

Ở ta người công chức là một nhân vật mới, ra đời với bộ máy cai trị thực dân, bên cạnh quan lại thuộc bộ máy Nam triều. Theo tập tục xã hội trước đây, người ta vẫn gọi những nhân viên hành chánh như Thông phán, Tham tá là quan Phán, quan Tham, cũng như quan Huyện, quan Phủ - và trong xã hội trọng quan những ông Thông phán, Tham tá cũng bắt người ta gọi mình là quan như vậy. Nhưng về mặt nguồn gốc đào tạo, nội dung công việc và cách làm việc, người công chức của bộ máy bảo hộ khác hẳn quan lại Nam triều. Bộ máy cai trị thực dân tổ chức theo kiểu châu Âu, phân công, phân nhiệm rõ ràng. Người công chức làm việc để ăn lương chịu trách nhiệm hoàn thành một bộ phận công việc do thủ trưởng giao và phải hoàn toàn làm theo chỉ dẫn của thủ trưởng. Nếp quen thuộc của của người công chức là đứng giờ giấc như Tú Xương chế riếu “ Sáng vắc ô đi, tối vắc về ”, là cần mẫn làm công việc giấy tờ một cách thờ ơ và máy

móc. Câu nói đầu lưỡi của họ là “ thưa xếp, vâng ”. Họ cứ theo lời xếp mà làm, không cần quan tâm về hậu quả vì trách nhiệm đó thuộc về thủ trưởng.

Ông quan sống theo danh vị, đẳng cấp, với quyền làm cha mẹ dân sinh ra bệnh giữ thể diện, giữ uy tín, để tùy tiện tác oai, tác phúc. Còn người công chức là người làm thuê, ăn lương và phụ thuộc vào xếp. Bệnh của họ là sợ thủ trưởng, vô trách nhiệm “ mủ ni che tai ” với mọi chuyện, nhưng họ cũng không thành rời một của xã hội. Chính người công chức quen làm việc giấy tờ ở bàn giấy mới là chủ nhân của bệnh quan liêu mà đặc trưng là bệnh giấy tờ, bệnh bàn giấy xa rời thực tế. Còn ông quan không làm việc ở bàn giấy mà cũng không hẳn là lính giấy tờ. Nơi làm việc của ông quan là “ công đường ”. Công đường được trần thiết đủ nghi vệ, có kẻ hầu người hạ tấp nập. Nguyễn Công Trứ đã mô tả công đường một cách hài hước :

*Hai hạp, bốn chủ, một lữ nhà tơ, ngồi chờ quan lớn ;  
Ba bị, chín quai, mười hai con mắt đi bắt trẻ con.*

Ông quan làm việc theo lời phán truyền, theo sự sai phải trực tiếp và cũng không hẳn phải theo pháp luật nào. Còn người công chức thì có thể nói mắc bệnh sợ pháp luật. Ông quan và người công chức khác nhau về thời đại, về trình độ tổ chức bộ máy nhà nước nhưng đều có thể dẫn đến chủ nghĩa quan liêu với những hình thức khác nhau. Người công chức, nhất là công chức cao cấp, được đào tạo hẳn hoi về chuyên môn, thường là tin mù quáng vào chuyên môn, vào sách vở, có ảo tưởng vào giấy tờ, tưởng những kế hoạch, công văn, chỉ thị thả ra từ trong các bàn giấy có hiệu lực giải quyết mọi việc trong thực tế. Còn ông quan lại tin ở sức mạnh của những lời bảo ban, giáo huấn, ra sức rửa gọt văn chương viết những dụ, những chỉ, những bản văn không nói rõ được những công việc phải làm, nhưng đạo lý cao cả và lời lẽ thiết tha, cảm động. Một bên là bệnh kế hoạch và một bên là bệnh từ chương.

Bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta được xây dựng dựa vào người cán bộ cách mạng, do dân và vì dân mà đảm nhận công việc quản lý. Cán bộ cách mạng vốn đối lập với cả quan lại lẫn công chức. Nhưng trong bệnh quan liêu do người cán bộ cách mạng gây ra ngày nay thì lại có cả bệnh kế hoạch và bệnh từ chương như của quan lại và công chức xưa. Bộ máy đã cồng kềnh đông người lại đua nhau viết nhiều nghị quyết, công văn, chỉ thị. Trong giấy tờ vừa chứa đầy ảo tưởng ở nghị quyết, kế hoạch, vừa trau chuốt từ chương, chọn lời, chọn chữ, nội dung giáo huấn trống rỗng.

Vì nhiệt tình cách mạng, nôn nóng muốn tiến bộ nhanh mà trình độ lý luận khoa học xã hội lại không cao, chúng ta đặt ra cho nhà nước quá nhiều chức năng. Trong lúc đó thì người cán bộ lại chỉ khác nhau về quá trình tham gia cách mạng, về phẩm chất chính trị mà đều không được đào tạo hẳn hoi về chuyên môn để cầm quyền. Người cán bộ vừa làm vừa học — lúc đầu như thế là đúng và cần thiết — sùng bái lý luận cách mạng và kinh nghiệm công tác cũ, không chịu học chuyên môn nên làm việc tùy tiện phạm nhiều sai lầm. Cán bộ vốn lúc đầu là không thích công việc bàn giấy, thích đi vào quần chúng hơn là thích “ làm quan ”. Nhưng khi chịu trách nhiệm giải quyết một công việc mà mình không am hiểu thì phát biểu không được rành rọt, lo tìm lời hay ý đẹp,

(xem tiếp trang 32)

# Một quãng đời và cả cuộc đời

Phạm Duy Tường

Thế là xong ! Ký xoẹt một cái, tôi quẳng chiếc bút xuống mặt bàn. Đứng dậy, nhìn bản án như nhìn một công trình khó nhọc, bám riết lấy tôi, hút máu thịt tôi, nay đã được hoàn thành, đã rút khỏi cơ thể mình. Nó không thuộc về tôi nữa. Cũng như người đàn bà nhỏ bé đang run rẩy nhặt chiếc bút tôi vừa bỏ xuống, bây giờ đã trở thành người đứng nước lã. Tôi hơi buồn cười với ý nghĩ chua chát nảy lên trong đầu : cô nàng xanh xao kia mới đây là vợ của tôi đấy nhỉ ?

Bà thẩm phán dán mắt vào bản tay lóng ngóng của cô ta, mãi không cầm được cây bút cho vừa ý, chợt dịu giọng hỏi :

- Cô có điều gì bản khoản nữa không ?
- Dạ...không ạ - Cô ta khẽ lắc đầu.
- Cô hoàn toàn đồng ý cho đứa con về sống với ba của nó chứ ?
- Dạ... - Cô ta thoáng giật mình, khuôn mặt gầy vồ biến sắc, tái mét và run bấp. Ngồi bút vừa chạm tờ giấy vội rụt lại.

Bà thẩm phán đặt tay lên một góc tờ giấy. Bà ta làm gì thế nhỉ ? Tôi nhăn mặt, sốt ruột. Hai ngày qua, chúng tôi đã trả lời cả một loạt câu hỏi rồi. Chúng tôi không thể sống với nhau bởi giữa chúng tôi không còn tình yêu. Cô ta đã phản bội tôi. Hai năm qua tôi ở chiến trường, cô ta đã to bụng với một tay lái máy cày nào đó. Tôi cũng chưa biết mặt. Cái thai đã bị sảy, lạ trời ! Trước khi lấy nhau chúng tôi đã giao ước với nhau về trường hợp này. Tôi không còn muốn nhìn thấy cô ta, nghe thấy cô ta, thậm chí cảm thấy cô ta ở bên cạnh. Vậy sống với nhau thế nào được ! Nghe nói cái anh lái máy cày kia đến làng tôi làm và xin nghỉ trong một gian xép của nhà trường, nơi vợ tôi dạy học và vợ tôi đã chung chạ với anh ta...

Tôi với anh trai cô ta ở chung một đơn vị gắn bó với nhau mười mấy năm trời và chính anh đã giới thiệu em gái cho tôi. Hôm tôi về phép nhằm bữa đơn vị báo động luyện tập phương án chiến đấu, anh kéo tôi ra một đoạn vắng, dựa súng vào vách hào nói chuyện. Trước sự việc tệ hại, anh và tôi đều cảm thấy khó xử. Dù biết không hề có lỗi, thâm tâm chúng tôi vẫn trách móc lẫn nhau.

Anh nhắc hai khẩu súng dần mạnh sang bên, khẽ chạm vào tay tôi, nói :

- Tôi biết chú sẽ giải quyết như thế nào rồi. Tôi hoàn toàn đồng ý.
- Mong anh hiểu cho - Tôi nặng nề nói, tôi có tính xấu là cố

chấp. Bởi cố chấp nên đã muộn vợ và có lẽ suốt đời phải chịu cô đơn.

- Cố chấp chưa hẳn là xấu - Anh tiếp lời ngay, người lính không thể cúi đầu chịu đựng tất cả mọi thứ rác rưởi của xã hội. Tiền tuyến không phải là cái bãi phế thải của hậu phương - Giọng anh gay gắt bất ngờ rồi dường như nhớ đang đứng ở đâu, nét mặt giãn ra cõi mở - Dù thế nào cũng đến thăm mẹ tôi chốc lát nhé.

Đến lượt tôi cảm thấy bối rối. Anh vừa vượt qua cương vị người anh vợ thẳng thắn trở về người đồng đội. Tôi xúc động hứa với anh là sẽ tới.

Đêm tháng năm, chẳng mấy chốc đã sang canh. Bà con anh em về từ lâu tôi vẫn ngồi bên bàn. Sờ sờ nước thấy hết, tôi bấm đèn pin xuống bếp, bắt gặp cô ta ngồi thu lu trong góc nhà. Cô ta nhìn tôi rất nhanh, hoảng hốt co chân về tránh đường cho tôi và cúi gằm mặt giấu vào hai đầu gối. Múc xong bát nước, tôi đã toan bước đi nhưng nghĩ sao lại dừng lại. Cô ta ngẩng lên lí nhí hỏi :

- Anh sẽ bỏ em phải không ?
- Câu hỏi thật thẳng thừng và nếu không thẳng thừng như thế chắc tôi sẽ không trả lời.
- Chính Lệ cũng biết cần phải như thế nào rồi đấy !
- Anh ngồi xuống đây - Cô ta cất giọng nhẹ nhàng. Trong ánh đèn sáng rực, tôi thấy cô ta gầy đi rất nhiều. Khuôn mặt dịu dàng, đầm thắm giờ đọng đầy vẻ thẳng thốt, dằn vặt. Tôi cảm thấy ghê tởm nhưng vẫn ngồi xuống với tay tắt đèn.

Cô ta trao ngay cho tôi chiếc ghế con. Tôi chạm phải một bàn tay giá lạnh và tiếng nói trong hơi thở hỗn hển.

- Em muốn xin anh đừng bỏ em.
- Tôi nhăn mặt phản đối nhưng nhận ra bóng đêm đang trùm kín, bèn giương mắt nhìn thẳng ra phía trước với thâm ý tò mò độc ác.

Khuôn mặt nhò nhò trắng đang dịch lại gần tôi, một bàn tay mềm nhũn chạm vào đầu gối. Tôi hất ngay xuống, hình như có một tiếng kêu cố nén lại :

- Anh cứ khinh bỉ em, nhưng xin anh nghĩ coi, suốt bốn năm lấy nhau anh ở với em được mấy ngày - Cô ta đã lùi ra xa, không còn nhìn thấy cái vệt trắng nhò nhò trước mặt, chỉ nghe tiếng nói thẳng thốt như hơi thở hấp hối của bóng đêm sâu thẳm. Tiếng rên rĩ ngắt quãng nhưng vẫn khá mượt mà - Em biết anh rất kiên quyết, khó lòng lay chuyển nhưng vẫn cầu xin theo sự thôi thúc của trái tim. Nếu anh không chấp nhận lời cầu xin của em thì cũng mong anh hiểu cho dù hư hỏng, dù đáng tội nhưng trái tim em luôn luôn hướng về anh. Cả khi, cả khi...thể xác em phản bội anh - Cô ta nói nhanh và bỗng bật khóc. Tiếng khóc cố nén nghe tức tưởi - Em khổ sở nhục nhã lắm anh ơi. Lúc em không giữ gìn được là lúc em không thể nào giữ được, cho nên em nhận thức đầy đủ sự nhục nhã ê chề của nó. Mà anh, sao anh chẳng đỏi hoài giúp đỡ em một chút gọi là... - Tiếng khóc làm cho lời nói trở thành rên rĩ nghẹn lại.

- Tôi bắc chân lên ghế :
- Ở chiến trường tôi cũng chỉ biết ôm lấy khẩu súng mà nhớ

tôi cô, xây đắp hạnh phúc bằng tưởng tượng.

— Em biết — Sợi dây đàn ngô đã đứt rồi lại rung lên náo nê  
— Anh là đàn ông, anh có biết bao nhiêu chuyện vui để khuấy khoả. Anh còn có đông đúc bạn bè, được ngẩng đầu lên kiêu hãnh. Còn em, thui thủi như một cái bóng. Hàng ngày đâu có dám nhìn ai. Đi trên đường gặp ánh mắt bất ngờ đều phải cúi xuống, lẩn tránh cả ánh mắt của người thân. Xây đắp hạnh phúc bằng niềm hy vọng chờ đợi mong manh đôi lúc tưởng như hão huyền. Và đứa con...

Tôi thở hắt ra, lạnh lùng cắt ngang.

— Đứa con là của tôi. Không còn của cô.

Hai bàn tay gầy giá lạnh chộp lấy đầu gối của tôi, run lên bần bật. Tôi hất mạnh đầu gối, đứng dậy.

Tôi ngửa cổ uống một hơi cạn sạch bát nước còn nguyên trên tay và thô bạo hất chút cặn cuối cùng vào bóng đêm ngoài cửa.

— Cô cứ vào giường mà ngủ. Đứa con của tôi để nó ngủ với bà — Tôi nói vọng lại khoảng tối đen, trống rỗng sau lưng, kiên quyết bước tới bên bàn.

Một lúc, mẹ tôi bế đứa cháu ra ngồi đối diện với tôi, chéch bên tay trái. Im lặng hồi lâu, mẹ rụt rè nhìn tôi, hỏi :

— Con định thế nào ?

Tôi cúi xuống bối rối không tìm được câu trả lời. Mẹ nhắc bàn tay rơi thông của đứa cháu xếp vào lòng.

— Chuyện của con tùy con — Giọng mẹ buồn rầu nhưng rất bình tĩnh, riết róng của một cuộc đời nhiều vất vả, khổ đau : Chồng mất sớm, một mình nuôi dạy ba đứa con. Họ hàng anh em thì cũng người nói thế này, người nói thế khác. Riêng mẹ không chấp nhận thú gái lẳng lơ.

Tôi ngước lên, lén nhìn khuôn mặt khô héo nhưng cương nghị của mẹ. Đôi mắt mẹ đang nhìn vào cõi tâm tưởng thăm thẳm trong cuộc đời đầy khúc khuỷu của mình. Khi mẹ dùng hai tiếng lẳng lơ đúng ý nghĩ của tôi lúc này, lòng tôi dâng lên một niềm vui chua xót.

— Vợ của con lẳng chú không có loàn.

Như thể đọc được ý nghĩ của tôi, mẹ cắt ngang — Nó ăn ở biết điều. Bà con xóm giềng có công việc gì đều chạy đi chạy về, chân tay nhanh nhẹn, nói năng dễ nghe, ai cũng quý — Mẹ quay lại nhổ nước trà vào chân phen — Đạo đầu năm, mẹ ốm phải nằm bệnh viện hơn tháng, nhờ tay nó cơm nước thuốc men mới khỏi đấy chứ. Nhiều đêm thức trắng, ngồi quạt cho mẹ. Không có nó, mẹ khó lòng qua khỏi...

Lờ mờ đoán ra mục đích của mẹ, tôi vội chen ngang.

— Cô ta si mê máy cày thì phải để cô ta đi theo máy cày mẹ ạ.

— Nói đại ! Nó si mê nhưng đâu có ham muốn gì thằng đó ?

— Mẹ mà lại nói như thế — Tôi vùng vằng xoay người chống tay lên bàn. Cảm thấy nặng nề trước ánh mắt đau đốn, bất lực của mẹ, lòng căm giận trong tôi bùng lên — Con còn phải đi xa, hạnh phúc không thể bảo đảm với một người vợ như thế.

Mẹ trở tay ử đứa cháu đang ngủ say. Giọng vẫn bình tĩnh thủ thủ :

— Con phải nghĩ đến em con nữa. Anh mà bỏ vợ thì con gái

trong làng đứa nào dám lấy em của con.

— Không phải. Con phải ly dị với cô ta thì làng xóm mới hiểu và tôn trọng anh em chúng con.

— Tùy con — Mẹ thở dài.

Tôi cố mỉm cười :

— Con sẽ kiếm cho mẹ một đứa con dâu hiền thảo nết na hơn hẳn cô ta. Đất mình có thiếu gì người tốt hổ mẹ ?

Mẹ tôi lại thở dài.

Đêm ấy, tôi không ngủ. Sáng sớm, tôi đến thăm mẹ cô ta, lòng trĩu nặng u buồn, ngượng ngùng như kẻ có lỗi. Mới hai năm mà bà cụ già yếu rất nhiều, đi đã phải chống gậy. Lập cập cố bước nhanh, bà nắm chặt lấy cánh tay tôi và cứ đứng im giữa sân, mãi không nói được một lời nào. Rồi như chợt tỉnh, bà cuống quýt hỏi thăm sức khoẻ của tôi, của con trai, chuyện đi đường. Tôi cũng vội vã trả lời, còn kể lể hơn những gì bà cụ hỏi. Thỉnh thoảng còn cố cười lên, cố tình quên đi một người con gái ở giữa chúng tôi. Nhưng càng nói cười, lòng tôi càng tan nát và thấy rõ bà cụ còn đau đốn hơn. Cuối cùng không chịu nổi, tôi đứng dậy xin phép ra về. Bấy giờ bà cụ chợt òa lên khóc nức nở !

— Mẹ có lỗi với anh — Bà cụ mếu máo — Anh tha lỗi cho mẹ.

Tim tôi run lên. Trong một thoáng, tôi đã định nắm lấy bàn tay nhăn nheo đang tựa trên đầu gậy mà nói : “ Đừng gọi con bằng anh, con vẫn là con của mẹ ” nhưng cổ họng tôi ứ nghẹn.

— Trưa nay, anh ở đây ăn cơm với mẹ nhé — Bà cụ run run hỏi.

— Xin mẹ để hôm khác — Nói rồi tôi quả quyết bước nhanh ra cửa.

Từ hôm tôi về, những bữa cơm ở gia đình tôi rất nặng nề. Hoặc ăn trước, hoặc đi chơi cho quá bữa, tôi không chịu ngồi chung mâm với cô ta. Nếu ăn trước, tôi thấy mẹ để dành cơm cho cô ta trong một chiếc liễn sứ khá đẹp, thức ăn có phần tươi. Tôi không nói gì càng thêm kiên quyết ý định đẩy nhanh cô ta ra khỏi nhà.

Tôi tìm mua một cuốn luật hôn nhân và gia đình rồi cầm cúi viết đơn ly dị.

Tôi đưa lá đơn cho cô ta . Cô ta đọc lại nhiều lần, không nhìn tôi, khàn giọng hỏi :

— Con để cho anh à ? — Rồi nói tiếp — Anh ở nhà ít bữa lại ra đi. Hay là... để con cho em nuôi ?

— Không được... — Tôi lạnh lùng gạt đi, cầm đầu bút chì vào tờ giấy — về tài sản tôi còn để trống. Cô muốn lấy gì ở ngôi nhà này thì cứ ghi vào.

Cô ta mắ mắt ký phăng một nhát, đẩy sang cho tôi, không viết thêm chữ nào. Từ hôm ấy cô ta xin về ở bên nhà mẹ đẻ.

Cô ta rất muốn đứa con, tôi biết thế, nên kiên quyết giữ lấy. Bà thăm phán rõ cũng muốn bên vực cô ta nhưng làm thế nào được, pháp luật đứng về phía tôi. Bởi vậy, khi cô ta đặt bút xuống tờ giấy, bà ta còn hỏi về đứa con, làm chiếc bút nảy lên, tôi mới bực mình.

— Ký đi, còn đợi gì nữa — Tôi tàn nhẫn nói.

Cô ta từ từ hạ bút nắn nót một dòng đầy đủ họ tên và đệm. Cái vẻ tử mỉ của kẻ vô công rồi nghề ngồi giết thời gian !

Nhưng rồi cũng xong. Bà thăm phán đóng sập ngăn kéo. Chà ! Từ nay hai ta là người cùng nước lã nhé ! Có một chút tiêng tiếc nhưng tôi gạt ngay, cúi chào bà thăm phán và bước đến quán phở gần đó.

Từ quán phở quay ra thì trời đã gần trưa. Nắng như thiêu như đốt. Mùa hè, ở quê tôi, cây cối đều khô héo. Đứng trên đường, nhìn bốn xung quanh, hút tầm mắt nhúc nhối một màu bạc phếch, nghèo đói. Nghĩ đến hơn chục cây số trong cái quang cảnh trụi trụi giữa nắng trưa tôi thấy ngao ngán, ước có một chỗ quen biết để trú chân đợi chiều xuống. Nhưng không có. Tôi sinh ra ở quê mình lớn lên ở quê người, ngoài cái làng chôn rau cắt rốn tôi là người xa lạ, lạc lõng. Cô ta có mấy nhà bà con quanh đây thì từ nay đâu còn bà con của tôi !

Ra khỏi thị trấn chừng hai cây số. Tôi chợt thấy bên vệ đường, cô ta đang cúi đầu bước lúi thủi. Chiếc nón lá che súp nửa mặt. Lưng áo gầy sọp, nhưng vẫn còn rõ những đường nét thanh tú, duyên dáng. Hồi sáng cô ta đi lên thị trấn bằng cách nào nhỉ ? Tôi chợt cảm thấy ngỡ ngàng trước sự vô tâm, xa cách của mình. Có lẽ nên cho cô ta đi nhờ một đoạn. Ý nghĩ tinh nghịch của lòng trắc ẩn vụt đến. Tôi phanh kít chiếc xe đạp sát bên cô ta, mỉm cười :

– Có đi nhờ không ?

Cô ta giật bắn người, hai nét lông mày đậm cau lại rất nhanh. Nhận ra tôi, cô ta không nói gì, lẳng lẳng lách người, định bước tiếp.

– Cô lên xe. Tôi đèo giúp nào ! — Thấy cô ta chần chừ tôi hạ giọng — Nắng nôi thế này gặp người cả đời không quen biết cũng cho đi hướng hồ chúng ta là người lạ đã quen mặt.

Một cái cười khô héo trên khuôn mặt nhợt nhạt :

– Vâng. Cám ơn anh !

Tôi bất ngờ nhận thấy cô ta nhẹ xọp đi nhiều quá, khác hẳn ngày trước.

Sau một hồi im lặng. Lê hỏi nhỏ :

– Bao giờ anh đi ?

– Một tháng nữa.

– Chắc... — Tiếng nói vừa bật ra lập tức bị bóp nghẹt lại. Tôi hiểu Lê định nói gì.

– Không ! — Tôi cố giữ vẻ thản nhiên cất tiếng cười giòn giã, biết rằng mỗi tiếng cười sẽ là một mũi kim ngấp sâu vào trong trái tim đang rớm máu của cô ta — Vừa bỏ người này làm sao có thể lấy ngay người khác !

Tôi vừa dứt lời nói độc địa, cảm thấy có bàn tay định bấu vào lưng áo nhưng rụt lại. Chiếc xe chợt chao nghiêng và cô ta ngã chúi xuống nền đường. Tôi kịp chống hai chân, ngoảnh nhìn... Cô ta lồm cồm bò dậy, người không việc gì, chỉ ngón chân cái toé máu. Cô luống cuống nhìn quanh, nét mặt thoảng danh lại, hai bàn tay thoăn thoắt mở chiếc quai nón buộc vết thương. Tôi nhớ đúng đoạn đường này, có một lần cô ta cũng vấp phải một hòn đá. Tôi đã xé áo lót buộc cho cô. Sự

phản bội tàn phá đi tất cả rồi. Nó đã tiêu diệt hết mọi lòng tốt, làm chai sạn cảm giác thương xót đối với cô ta mà hình như có tồn tại trong lương tâm tôi. Tôi thờ ơ đứng dạng hai chân giữ chiếc xe đạp. Cô ta lúc ấy đã đầm đìa mồ hôi, thậm chí tôi đã định nhấn bàn đạp bỏ mặc cô ta ở lại một mình với vết thương.

Đến lối rẽ vào nhà cô ta, từ đấy về nhà tôi còn hơn hai cây số nữa. Tôi đạp chậm, cô ta nháy xuống thẳng thốt nói với theo :

– Cám ơn anh !

Tôi không trả lời, không ngoảnh lại, rướn người trên xe. Chợt có tiếng ạch phía sau, tôi liếc thấy cô ta ngồi bệt xuống bên đường, úp mặt vào nón khóc hu hu. Tiếng khóc ầm ục, tủi thẹn, bị kìm nén bao lâu, nay phá lồng ngực ùa ra như lũ võ đê quét phẳng sự yên tĩnh. Đó là tiếng kêu gào của tình thế tuyệt vọng. Buổi trưa hè ngọt ngọt, lờ đờ bị xáo trộn lên, réo sôi trong tiếng khóc xé lòng ấy. Đi một quãng xa, vì chiều gió hay vì tâm tưởng, tôi vẫn nghe tiếng khóc vắng vắng bên tai như tiếng kêu gọi, níu kéo.

Sau này nhiều người hỏi, lúc ấy trong lòng tôi xảy ra điều gì ? Sự mềm yếu dần vật, luyến tiếc hay run sợ, anh hùng, hèn nhát, nghĩ đến mẹ hay nghĩ đến con, thương cô ta hay thương mình ? Không có điều gì xảy ra nhưng cũng có thể đã xảy ra tất cả những điều đó. Tâm linh hoặc một cái gì na ná như thế đã thôi thúc tôi quay xe trở lại. Tôi dừng trước mặt Lê, hắng giọng mấy lần, tiếng nói nghe vẫn lạc đi.

– Sao lại ngồi giữa đường. Về nhà đi.

Khuôn mặt chan hoà nước mắt trắng bệch ra ngừng lên, cặp lông mày xanh đậm rung rung. Đôi mắt mở to ngơ ngác. Đôi mắt chớp mạnh. Cô nhón chân xây lưng lại phía tôi. Đôi vai nhỏ rung lên từng hồi. Tôi chợt nhận ra cô đang mặc chiếc áo xanh Sĩ Lâm. Tấm vải tôi gửi cho Lê nhân dịp sinh con. Áo may đã lâu nhưng chỉ những dịp đặc biệt đi với tôi, Lê mới mặc nên trông còn như mới. Tôi đứng thù người hồi lâu. Nhìn ngược, nhìn xuôi, hai phía con đường đều vắng ngắt. Trên cánh đồng cằn cỗi không một sinh linh. Đất trời bao la và quạnh quẽ quá. Bất giác tôi thở dài :

– Thôi lên xe, ta về !

Chợt hiểu mình vừa thốt ra một lời ghê gớm như thế nào, tôi định bỏ chạy thì Lê đã vùng đứng chắn trước bánh xe. Mái tóc xù ra, đôi môi mím chặt, chiếc nón che kín ngực. Cô ngừng cao đầu phóng thẳng vào tôi luồng mắt căm thù, cay cú, điên dại. Ánh mắt guồm guồm với một vành trắng dưới hàng mi vẻ khiêu khích, tàn nhẫn, nghiệt ngã. Cô thở hỗn hển, chiếc nón trên ngực phập phồng nặng nề. Con giận dữ chất chứa của một trái tim mạnh mẽ lâm vào cảnh cùng quẫn, một tâm hồn đầy kiêu hãnh đòi hỏi sự đối xử công bằng, con giận dữ bật phát bùng lên ở thời điểm tận cùng tuyệt vọng. Cô biến đổi hẳn đi. Như một người khi quyết định bước vào cửa tử, cái chết cũng coi thường nên không còn gì để sợ. Khuôn mặt nhỏ nhắn ngời sáng một tình yêu mãnh liệt trần trụi, không che giấu đang đốt cháy đỏ rực vẻ trinh nguyên. Vàng trán phảng sau mái tóc xoã xuống trông như cẩm thạch và đôi môi đang mím chặt cay nghiệt vẫn tươi rói nổi khát khao cuộc sống bình yên. Đôi môi đau đớn cong lên

và quả quyết :

– Anh cần gì ở tôi nữa. Đến thế này anh vẫn chưa thoả lòng hay sao ? Anh độc ác lắm. Anh về phép mà chỉ lao theo trả thù cho hả dạ ! Vậy thì nếu muốn anh cứ giết tôi đi. Đừng cho tôi nhìn thấy anh, nghe thấy anh, đừng cho tôi được thăm thì nhắc tên anh trong những đêm hoang vắng. Anh cứ giày xéo lên tôi nhưng cầu xin anh đừng nhạo báng, giễu cợt thân phận đau khổ này. Cứ nguyên rủa nhưng xin đừng bóp nghẹt trái tim tội lỗi vì cô đơn. Dù sao, tôi cũng không xa lạ với anh cơ mà !

Tôi hạ chân xe về phía trước. Lẳng lẳng cầm lấy chiếc nón không còn quai trong tay Lệ và nhoáng cái bóp nát, vò thành một cục vung cánh tay ném ra xa. Lệ đứng im không nhúc nhích, đôi vai buông xuôi. Trong tư thế đó có cái gì thách thức, liều lĩnh. Đột ngột, cô dang hai tay lao đến vòng lấy cổ tôi, toàn thân đổ xuống mềm nhũn, nóng bỏng. Tôi hoang mang chưa kịp phản ứng thì Lệ đã lại vùng ra, trân trân nhìn tôi. Ánh mắt ráo hoảnh có chiều sợ hãi. Nụ cười ngập ngừng và hai cánh mũi phập phồng. Dường như, Lệ định nói một câu gì đó hoặc bỏ chạy nhưng không đủ sức.

## Ông quan liêu, ông quan...

(tiếp theo trang 28)

diễn thuyết về mục đích ý nghĩa. Không hình dung được công việc cụ thể thì không giao việc được cho cấp dưới, chỉ huấn thị đại khái, động viên chung chung. Rồi hoặc thả cho cấp dưới làm như kiểu quan dùng lại, hoặc là bắt mọi người xúm quanh nghe lời phán truyền về từng việc, từng lúc như kiểu quan dùng lệ. Đã vừa làm vừa học tất nhiên để máy móc theo kinh nghiệm có sẵn, kinh nghiệm hoạt động cướp chính quyền, kinh nghiệm kháng chiến và cả kinh nghiệm cai trị của quan lại và hương lý nữa. Với ý thức cách mạng bảo vệ chính quyền, không dám trao cho ai, ý thức cương vị người giác ngộ, người lãnh đạo, dìu dắt lớp sau và nhân dân, những cán bộ đó dễ tự xử như cha mẹ dân, như chú bác của người đồng sự và giúp việc. Thế là họ thành ông quan. Nếu giữ được gương mẫu và tinh thần trách nhiệm thì họ còn là ông quan tốt. Khi đã quen với việc sử dụng quyền hành, cơ quan đã đông người đủ loại, đủ lệ, quan hệ với với trên, với dưới xung quanh đã thành nếp là quan hệ giữa những người thân quen, tức là có cơ cấu tổ chức thuận tiện để làm bậy lại gặp khó khăn trong đời sống thì có khi là tự họ, có khi là do cấp dưới xúi bẩy, những ông quan cách mạng đi vào con đường móc ngoặc, hạch sách, tham nhũng... họ thành những ông quan xấu.

Bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa là một tổ chức nhà nước có chức năng đa diện, phức tạp, đòi hỏi nghệ thuật tổ chức cao, không giải quyết được tốt nhiều vấn đề tổ chức thì nó đẻ ra bệnh quan liêu, bệnh quan liêu còn nặng nề hơn dưới các chế độ cũ. Ở một nước mà trình độ tổ chức xã hội như nước ta, tệ quan liêu mà có người gọi mỉa mai là “vua liêu” là một thứ quái thai vừa quan lại vừa công chức, vừa là quan liêu giấy tờ, vừa là quan liêu vất vả. Giữa hai mặt, hình như ta có thừa quan lại mà lại thiếu công chức. Tôi không muốn nói thiếu người công chức thờ ơ vô trách nhiệm chuyên sản xuất giấy tờ mà nói thiếu người công chức làm việc có nề

Tôi đưa tay nắm bàn tay Lệ. Cô run bắn lên. Đôi mắt mệt mỏi khép lại và hai bên khoé từ từ ứa ra hai giọt nước long lanh, chói loé ánh nắng. Tôi kéo cô lại gần.

Lệ dụi đầu vào ngực tôi thỏn thục.

Tôi vuốt nhẹ mái tóc Lệ, muốn an ủi, dỗ dành. Thôi. Lệ đừng khóc nữa ! Chúng ta đã tìm thấy nhau rồi mà. Trong đám sương mù dày đặc trên cõi đời này, nhấn chìm biết bao kiếp người nhỏ bé, đơn côi. Tôi và Lệ đã lạc nhau và phải chẳng đã lại tìm thấy nhau, tìm được số phận của chính mình ? Chao ôi, mất mát thiệt thòi đâu phải là cái chết. Quên lãng, chia lìa mới là cái chết. Trong khoảnh khắc, tôi nhìn thấy những khuôn mặt thân thương : Hai bà mẹ, người anh và đứa con, những cuộc đời cực khổ, đói nghèo không còn lý tán vì tôi.

Một làn mây trôi ngang, lơ lửng giữa bầu trời. Không gian chợt mát dịu. Chặng đường trước mặt trải rộng ra, hun hút xanh.

**Phạm Duy Tường**

(Hồi Úc Bình Nhì. tập Truyện ngắn chọn lọc 1992-1994, Nxb Quân Đội Nhân Dân, 1994)

nếp, có kỷ luật và tôn trọng pháp luật.

Trong cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu ngày nay, nếu không nhìn hết bộ mặt cụ thể như vậy thì đánh không trúng, không nhìn được đầy đủ những việc phải làm để bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa có hiệu lực.

★

Làm rõ hình thù và đặc điểm của chủ nghĩa quan liêu ở nước ta, chỉ ra những thiếu sót trong quan niệm về nhà nước, về công việc cầm quyền, những thiếu sót trong công tác tổ chức và bộ máy tổ chức, những sai lầm và nhược điểm của cán bộ cầm quyền của ta... là một công việc nghiên cứu lý luận của các khoa học xã hội. Nhưng văn học, nghệ thuật vì thường nhạy cảm hơn khoa học đối với cuộc sống xã hội, xưa nay vẫn đi đầu trong việc phát hiện thực tế và có khả năng nhiều hơn khoa học để đi sâu vào công chúng đông đảo. Trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, thơ trào phúng thường là mũi nhọn. Nhưng nhìn thực tế bằng cái cười và sự đả kích — chất mặn làm nên muối của thơ trào phúng — cũng dễ làm lệch hướng nhìn. Chỉ những hiện tượng đặc biệt đáng ghét, đáng cười mới lọt vào tầm mắt. Những hiện tượng tiêu cực nhưng phổ biến, có ngoại hình hiền lành, quen mắt thường thoát khỏi bị lên án. Sự bất lực, vô tích sự, vô bổ của ông quan tốt chính là cái bị bỏ sót như vậy. Văn học nghệ thuật phải phát hiện cái xấu, làm cho cái xấu hiển hiện dưới dạng thật xấu : phi lý, bất thiện, lối bịch, hài hước, xấu xí về mặt thẩm mỹ. Thơ trào phúng làm việc đó khá có hiệu quả. Nhưng rõ ràng so với thơ trào phúng, kịch và tiểu thuyết có khả năng rộng rãi hơn nhiều để khắc hoạ “ông quan”, “ông quan liêu” thành những hình tượng nghệ thuật sâu sắc.

Để thanh toán chủ nghĩa quan liêu chúng ta chờ đợi không chỉ ở sự tố cáo của báo chí, sự đả kích của thơ trào phúng, mà còn chờ đợi nhiều ở công tác nghiên cứu khoa học, ở sự khám phá của kịch và tiểu thuyết để nhìn rõ rành hơn trong thực tế nước ta.

Tháng 5 - 1988

**Trần Đình Huộ**